

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

THỀ NÀO GỌI LÀ MỘT NƯỚC⁽¹⁾ ?

Cái quan-niệm về nước là một cái quan-niệm mới xét thì tưởng là rõ-ràng lắm, mà thực nhiều người hiểu lầm sai-lạc cả. Tôi muốn đem cái quan-niệm ấy mà phân-giải ra đây. Các hình-thức của xã-hội loài người thật là phiền-phức lắm. Những đám đông người tụ-hợp lại với nhau, như Tàu, như *Egypte* (Ai-cập), như *Babylonie* (Ba-ti-luân) đời thượng-cổ ; — những bộ-lạc như của dân *Hébreux* (Do-thái), dân *Arabes* (A-lạp-bá) ; — những thị-tỉnh như thành *Athènes* (Nhã-diễn), thành *Sparte* (Ti-ba-đạt) ; — những bản-đồ hợp nhiều các xứ khác nhau lại làm một, như Đế-quốc *Achéménide*, đế-quốc La-mã, đế-quốc vua CHARLEMAGNE ; — những đoàn-thể không có đất nước, chỉ giàng-buộc nhau bằng cái giây tôn-giáo, như các xã-hội *Israélites*, *Parsis* ; — những dân-quốc như Pháp, Anh, cùng phần nhiều các xã-hội tự-trị ở Âu-châu đời nay ; — những cuộc liên-bang, như *Suisse* (Thụy-sĩ), Mỹ-clâu ; — những dân-tộc đồng-chủng đồng-văn, như người *Germaines* (Nhật-nhĩ-man), người *Slaves* (Ti-lạp - phu) ; — đó là các cách người ta hợp nhau thành nước về đời nay hay đời xưa, tuy gọi là nước cả mà không có giống nhau, nếu lần cách nọ với cách kia thì lắm to. Về đời Đại-Cách-mệnh nước Pháp, vẫn

tưởng rằng những chế-độ của các thành-thị độc-lập nhỏ, như *Sparte*, *Rome*, có thể đem ứng-dụng cho những dân-quốc lớn ba bốn mươi triệu người. Ngày nay lại còn tưởng lầm hơn nữa: là lần chủng-tộc với nước, cho những đám người cùng giống-nòi hay cùng tiếng nói với nhau cũng có chủ-quyền tự-lập như các dân-tộc đã thành-lập rồi. Ta thử cố phân-giải cho rõ-ràng, vì những vấn-đề này là khó-khẩn lắm, mới bắt đầu nghị-luận mà hiểu lầm về nghĩa chữ một tí thời đến sau kết-luận sai-lạc đi không biết đến thế nào. Ta phân-giải đây cũng là gay-go lắm : không khác gì như nhà bác-vật giải-phẫu xác con vật ; ta xét về người sống cũng như người ta xét về giống chết vậy. Ta sẽ cứ điềm-nhiên lãnh-nhiên mà xét, không có thiên-ỷ một chút nào.

I

Từ sau La-mã-đế-quốc, hay là sau đế-quốc của vua CHARLEMAGNE bị phân-liệt, cõi Tây-Âu thấy chia ra từng nước, trong số có mấy nước vào mây bời đã tìm cách đặt bá-quyền sang các nước khác, nhưng không bao giờ bền. CHARLES - QUINT, LOUIS thứ 14, NAPOLEON thứ 1, bấy nhiêu vua đều có cái mưu dò-bá cả mà không thành, thì về sau này cũng khó ai làm nổi

(1) Dịch bài *Qu'est-ce qu'une nation ?* của ông danh-sĩ nước Pháp ERNEST PENAN diễn-thuyết ở trường Đại-học Sorbonne thành Paris ngày 11 tháng 3 năm 1882. — Bài diễn-thuyết này quan-trọng lắm, bình-phẩm về các nguyên-chất làm thành ra một nước và kết-luận nói rằng một nước cốt ở quốc-hồn, có quốc-hồn là có nước, các nguyên-cốt khác, như chủng-tộc, ngôn-ngữ, tôn-giáo, v.v., là phụ-thuộc mà thôi. Xin các độc-giả suy-nghĩ kỹ về bài này, thật là một thiên đại-nghị-luận trong văn-chương Đại-Pháp.

được. Đặt ra một cái đế-quốc La-mã mới hay là một cái Đế-quốc của vua CHARLEMAGNE mới bây giờ, là một sự không thể nào làm được. Đất Âu-châu đã phân-liệt ra nhiều quá, bây giờ có một nước nào có cái lòng tham-vọng muốn ra tay thống-ngự cả, thời tất các nước khác hiệp-lực nhau lại mà ngăn-ngừa, làm cho phải ở yên trong bờ - cõi. Cả Âu - châu như đã thành một cái thể quân - binh, còn lâu nữa không chuyển được. Nước Pháp, nước Anh, nước Đức, nước Nga, dù thắng - trầm thế nào, trong mấy trăm năm nữa, cũng vẫn còn có danh-hiệu đặc-biệt trong lịch-sử, khác nào như mấy quân cờ chính của một cái bàn-cờ lớn, nước cờ có thay-đổi mà các ô không lẫn nhau bao giờ.

Những nước theo nghĩa như thế thời cũng là một sự mới lạ trong lịch-sử. Về cổ-đại không có. *Egypte*, Tàu, *Chaldée* đời xưa, tuyệt-nhiên không phải là những nước như thế. Chính là những đám đông người do một vị con mặt trời hay con trời (thiên-tử) làm mục-trưởng. Không có người « công-dân » (*citoyen*) *Egypte*, cũng không có người « công - dân » Tàu. Về cổ-đại Hi-lạp La-mã thời có những nước dân-chủ - công-hòa (*républiques*) thì-tỉnh-quân-chủ (*royautés municipales*), những hội liên-hợp các địa-phương-tự-chủ, những đế-quốc ; nhưng không có gì giống như các nước ngày nay. *Athènes*, *Sparte*, *Sidon*, *Tyr*, các thành ấy thật là những cái lò ái-quốc nhỏ ; nhưng không phải là nước, chính là những thị-tỉnh khu-vũ cũng nhỏ. Đất *Gaule*, đất *Espagne*, đất *Italie*, trước khi tiêu - nhập vào La-mã-đế-quốc, chẳng qua là những mớ các rợ, thường có hiệp đảng với nhau, nhưng không có các trung-trong-chế-độ, không có nhà vua nhất-thống. Đế-quốc *Assyrie*, đế-quốc *Perse* (Ba-tư), đế-quốc của vua *Alexandre*, cũng không gọi là nước được.

Không thấy nói có những tay chí-sĩ ái-quốc ở *Assyrie* bao giờ ; còn đế-quốc *Perse* thời chẳng qua là một cuộc phong-kiến lớn. Đến đế-quốc của vua ALEXANDRE thời tuy to-tát lạ-lùng thật, có ảnh-hưởng sâu-xa cho lịch-sử văn-minh thế-giới thật, mà đến khi tan-tác ra có nảy ra được nước nào đâu.

Đế-quốc La - mã thời gần thành được một nước. La-mã thống-trị các xứ, lúc đầu tuy có nghiêm-khắc thật, nhưng sau làm cho khỏi chiến-tranh, được yên-ôn, các dân nội-thuộc cũng đem lòng mến - phục. Cả đế - quốc thành như một cái hội lớn, ai nấy được có trật-tự, được hưởng binh-yên, được công khai-hóa. Về hồi mạt-diệp Đế - quốc, những người cao-thượng, những kẻ nho-sĩ, những vị tư-giáo có kiến-thức, đã có một cái quan-niệm về « quốc-gia thái-bình », đối với cái cảnh hỗn-độn của các rợ ngoài. Nhưng mà một đế-quốc lớn bằng mười-hai lần nước Pháp bây giờ, không thể thành một quốc-gia theo như nghĩa ngày nay được. Đông-phương Tây-phương thế-tất phải phân-liệt. Về thế-kỷ thứ 3, cũng mấy lần thử đặt một cái đế-quốc *Gaule*, nhưng không thành. Kịp đến các rợ *Germaines* xâm-nhập vào nội-địa La-mã thời mới gây ra cái mầm các dân-tộc về sau.

Từ hồi tràn vào nội-địa La-mã về thế-kỷ thứ 5 đến hồi các rợ *Normands* đến xâm-chiếm về thế-kỷ thứ 10, thời giống *Germaines* làm những gì ? Giống này không đòi các chủng-tộc cũ mấy tí, nhưng mà đem các vua-chúa, đem những bọn quân-phiệt cho cầm quyền cai-trị các bộ-phận lớn nhỏ của Tây-đế-quốc cũ, các bộ-phận ấy rồi sau thuộc về rợ nào lấy tên rợ ấy. Bởi đó mới thành ra đất *France* (là thuộc rợ *Francs*), đất *Burgundie* (là thuộc rợ *Burgundes*), đất *Lombardie* là thuộc

rợ *Lombards*) ; rồi về sau có đất *Nor-mandie* là thuộc rợ *Normands*). Rợ *Francs* không bao lâu có thể mạnh gồm các rợ khác, lập ra đế-quốc vua *CHARLEMAGNE*, một hồi đã nhất-thống được cả Tây-phương ; nhưng về trung-diệp thế-kỷ thứ 9 thì đế-quốc ấy tan hẳn ; điều-ước thành *Verdun* định giới-hạn cho các nước Âu-châu về sau: Pháp, Đức, Anh, Ý, Tây-ban-nha, tuy mỗi nước theo một đường khác nhau, cũng nhiều khi gian-nan trắc - trở, nhưng đều tiến dần lên mà thành các quốc-gia hoàn-toàn như bây giờ.

Cái đặc-tính của các nước ấy là thế nào ? Là hòa-hợp cả các dân ở trong nước lại làm một. Ở những nước vừa kể đó, không có gì giống như ở *Turquie* (Thổ-nhĩ-kỳ) về sau này, người *Turc*, người *Slave*, người *Grec*, người *Arménien*, người *Arabe*, người *Syrien*, người *Kurde*, tuy họp gọi là một nước mà đến ngày nay cũng vẫn phân-biệt nhau như hồi mới chinh-phục vậy. Cho được hóa-hợp như thế, là nhờ có hai cái cơ-hội cốt-yếu. Một là các dân *Germaines*, tự khi vào giao-tiếp luôn với các dân *Grecs* và *Latins*, thời theo đạo Cơ-đốc cả. Khi kẻ thắng với người bại đã cùng theo một tôn-giáo như nhau, nghĩa là ở đây thời bên thắng thuận theo tôn-giáo của bên bại, thời cái lối như ở *Turquie* tiệt-phân các giống người theo tôn-giáo không có thể có được. Hai là dân vào xâm-chiếm dần dần quên hẳn tiếng nói của mình. Cháu-chắt những vua chúa các rợ, như *CLOVIS*, *ALARIC*, *GONDEBAUD*, *ALBOIN*, *ROLLON*, đã nói tiếng *roman* rồi. Điều đó cũng lại do một cái cơ-hội khác nữa mà ra : là các rợ *Francs*, *Burgundes*, *Goths*, *Lombards*, *Normands*, khi tràn vào ít đem đàn-bà giống mình theo. Trong mấy đời, các tướng chỉ lấy vợ giống *Germaines* mà thôi ; nhưng lấy hầu giống *Latins*, lại nuôi vú cho con cũng dùng đàn-bà *Latins* ; thành ra tự

rợ *Francs* và rợ *Goths* vào đất La-mã, giòng-giống hai rợ ấy cũng không giữ được lâu-bền. Ở đất Anh thời không thế, giống *Anglo-Saxons* tràn vào đất ấy, chắc có đem đàn-bà theo ; dân *Bretons* thời chạy-trốn, và ở *Bretagne* tiếng *latin* cũng không bao giờ thịnh-hành. Vì ở đất *Gaule* về thế-kỷ thứ 5, trong dân-gian đều nói tiếng *gaulois* cả, thời vua *Clovis* cùng giòng-giống chắc không bỏ tiếng *germanique* mà học tiếng *gaulois*.

Bởi các nguyên-nhân đó mà thành ra cái hiện-tượng rất quan-trọng như sau này : là các rợ *Germaines*, tuy hung-tợn, tuy mọi-rợ thật, mà đã đặt được ra cái khuôn cho các nước sau này. Tiếng *France* rồi thành tên một nước lớn mà chính người giống *Francs* chỉ có một số rất ít mà thôi. Về thế-kỷ thứ 10, cứ xét những bài « võ-sĩ-ca » (*chansons de geste*) mới xuất-hiện, thật là cái gương phản-chiếu về tinh-thần người đời bấy giờ rất rõ - ràng, thời thấy hết - thấy người dân ở nước Pháp hồi ấy đã toàn là người Pháp cả rồi. Trong sách ông *GRÉGOIRE DE TOURS* còn có ý phân - biệt các giống người ở nước Pháp, đến các nhà thi-văn về sau đời vua *HUGUES CAPET* thì tuyệt - nhiên không thấy phân - biệt gì nữa. Có phân - biệt người qui-tộc với người bình-dân, mà phân-biệt kỹ lắm, nhưng đó là phân-biệt hạng người, chứ không phải phân-biệt giống người khác nhau ; phân-biệt cho rõ rằng hạng người qui-tộc là hạng người có nghĩa-hiệp, có giáo-dục di-truyền đã lâu đời, nhưng không ai nghĩ đến rằng nguyên-nhân sự đó là do sự xâm-lược mà ra. Cái lối sai-lầm cho rằng bọn qui-tộc là bởi vua ban cho đặc-quyền để thưởng những người có công to với nước, thành ra người qui-phái là người được bề trên ban cho quyền-vị, lối ấy tự thế-kỷ thứ 13 đặt thành một phép-tắc nhất-định.

Sau khi các rợ *Normands* vào xâm chiếm các nơi, cũng thấy như thế. Cách một vài đời thời giống *Normands* không phân-biệt gì với người dân bản-xứ nữa ; tuy vậy mà ảnh-hưởng vẫn sâu-xa, gây cho trong dân có một hạng quý-tộc, có những thói thượng-võ, có cái lòng ái-quốc trước kia chưa có bao giờ.

Xét như thế thời có thể nói rằng sự quên lịch-sử, sự hiểu sai lịch-sử, chính là một cái yếu-tố cho sự lập-quốc, và nghiên-cứu về lịch-sử càng kỹ bao nhiêu nhiều khi lại phương-hại cho cái chủ-nghĩa dân-tộc bấy nhiêu. Thật thế, vi phạm sự lập-quốc lúc mới đầu đều là do sự bạo-động cả, dẫu sau này kết-quả hay là đường nào cũng khởi ở sự bạo-động cả, nay nhà sử-học nghiên-cứu càng tường bao nhiêu lại càng phát-minh sự bạo-động ấy ra bấy nhiêu. Sự hợp-nhất bao giờ cũng phải mượn đến cường-quyền ; bắc-bộ và nam-bộ nước Pháp hợp-nhất được với nhau cũng là do ngót một thế-kỷ đánh giết dữ quá. Sự hợp-nhất nước Pháp là công của nhà vua Pháp ; ông vua nước Pháp đời đời chỉ lo việc thống-nhất trong nước, có thể làm cái mẫu ông vua nhất-thống, đã gây cho nước Pháp thành một quốc-gia thống-nhất đệ-nhất trong thiên-hạ ; nếu xét lịch-sử cho kỹ, thời vua Pháp không còn oai-quyền gì nữa ; nước của nhà vua lập nên đã có phen nguyên-rửa nhà vua, và ngày nay cũng chỉ có những người thức-giả mới biết cái công của nhà vua thuở trước.

Những cái phép lớn của lịch-sử cõi Tây-Âu đó, đem ra đối nhau lại càng thêm rõ nữa. Cái công thống-nhất của nhà vua nước Pháp, phần là bởi quyền áp-chế, phần là bởi lẽ công-bằng, đã làm được hoàn-hảo như thế, nhiều các nước khác làm không nên. Tức như nước Áo, ngôi *Saint-Etienne* cầm quyền thống-trị trong nước mà giống

Magyars cùng giống *Slaves* gần đây vẫn cách-biệt nhau như tám-trăm năm về trước. Nhà vua *Habsbourg* không những không hóa-hợp được các giống khác nhau ở trong nước, lại giữ cho giân-cách giống nọ với giống kia, và nhiều khi lại đem giống nọ phân-đối với giống kia. Ở *Bohême*, người *Tchè-que* và người Đức ở với nhau gần như dầu với nước đựng trong một cái cốc vậy. Cái chính-sách của nước Thổ phân giống người theo tôn-giáo, thật đã sinh ra nhiều điều hại lớn, làm cho cõi Đông-phương đến đổ nát. Thử lấy một thành-thị như *Salonique*, như *Smyrne*, ở trong có tới năm sáu cái đoàn-thể khác nhau, mỗi đoàn-thể có sự-tích, có kỷ-niệm riêng, không liên-cau gì với nhau cả. Mà cốt-tử một nước lại là hết thấy các người trong nước phải có nhiều sự giống nhau, mà cũng lại phải quên đi nhiều việc cũ nữa. Ở nước Pháp bây giờ không có một người dân Pháp nào là biết rằng mình thuộc về giống *Burgunde*, giống *Alain*, giống *Taijale*, hay giống *Visigoth* ; và người dân Pháp nào chắc cũng đã quên việc *Saint-Barthélemy* (là việc giết đạo mới), cùng những phen sát-lục ở Nam-phương nước Pháp về thế-kỷ thứ 13. Ở nước Pháp bây giờ không còn được mười nhà biết đích-thực là dòng-dõi giống *Francs*, và cho dẫu có chừng-có cũng không lấy đâu làm chắc-bằng lắm, vì giống nọ pha lẫn giống kia đã nhiều lắm, không sao mà định cái thế-hệ cho đích được.

Nói tóm lại thời một nước ngày nay là cái kết-quả của lịch-sử do nhiều những nguyên-nhân cùng thấu-hợp lại một phương-diện mà thành ra. Có khi sự thống-nhất là bởi một nhà vua làm nên, như nước Pháp ; có khi là bởi chính các tỉnh muốn hợp lại với nhau, như nước Hòa-lan, nước Thụy-sĩ, nước Tỉ-lợi-thì ; có

khi là bởi cái ý-nguyện chung trong dân-gian đã chán lối phong-kiến như nước Ý nước Đức. Nhưng bao giờ cũng có một cái lẽ thâm-trầm chủ-trương cho sự hợp - nhất ấy. Cái nguyên-lý ở đây thường xuất-hiện ra theo nhiều cách kỳ-lạ lắm. Như ngày nay ta thường thấy nước Ý - đại-lợi vì thua trận mà thống - nhất được, mà nước Thổ-nhĩ-kỳ thời lại vì được trận mà bị phân-liệt. Mỗi trận thua lợi cho việc nước Ý, mà mỗi trận được lại là một cơ nguy-vong cho nước Thổ; bởi vì nước Ý có tư-cách một nước, mà nước Thổ thời ngoài đất Tiểu-Á-tế-á không phải là một nước. Nước Pháp xưng ra cuộc Đại-Cách-mệnh thật là được cái danh-dự tuyên-bố ra trước nhất rằng phạm gọi là một nước phải có tư-cách tự-lập. Thiên - hạ bắt-chước ta, ta không nên phàn-nàn. Cái chủ-nghĩa về nước là chủ-nghĩa nước ta. Nhưng mà thế nào gọi là một nước? Có sao nước Hòa-lan là một nước, mà đất *Hanovre*, quận *Parme* không phải là nước? Có sao cái nguyên - lực lập ra nước Pháp (nghĩa là nhà vua Pháp) đã mất đi rồi, mà nước Pháp vẫn là một nước? Có sao nước Thụy-sĩ trong nước có ba thứ tiếng nói, hai tôn-giáo, ba bốn giống người, vẫn là một nước, mà như đất *Toscane* thuần-nhất như thế thì lại không phải là một nước? Có sao nước Áo chỉ là một quốc-gia (*Etat*), không phải một quốc-dân (*Nation*)? Cái chủ-nghĩa về quốc-dân khác cái chủ-nghĩa về chủng-tộc thế nào? Đó là mấy cái vấn-đề mà một người biết suy-nghĩ cần phải giải-quyết cho được, cho khỏi phân-vấn trong lòng. Vẫn biết rằng công - việc ở đời này không thể lấy suy-lý mà giải-quyết được; nhưng người cần-thận dầu đến những việc này cũng muốn lấy lý mà xét để cố phân-giải lấy manh-mối cho khỏi phải lăm-lẫn như những kẻ thô-thiền.

II

Cứ theo nhiều nhà thuyết-lý về chính-trị thời một nước là cốt nhất ở nhà vua, lúc mới đầu chinh-phục được nước lên làm vua, nhân-dân trước còn cam chịu cường-quyền, sau cũng quên dần đi. Lại theo ý những nhà ấy thời một nhà vua dấy lên, hoặc chinh-chiến, hoặc hòa-thân, hoặc hòa-ước mà gồm được nhiều tỉnh làm một nước, hễ nhà vua suy thời nước cũng tan. Phần nhiều các nước ngày nay khởi-thủy là do một cường-tộc về đời phong-kiến đã chiếm-cứ một đất nào rồi làm như một nơi trung-trương cho các nước khác phụ-thuộc vào. Bờ-cõi nước Pháp vào năm 1789 có phải là cái giới-hạn thiên-nhiên tất phải như thế đâu. Nguyên bờ-cõi cũ theo như hòa-ước thành *Verdun* chỉ có một giải đất nhỏ hẹp mà thôi, cả cái cõi đất to-rộng mà nhà vua *Capétiens* phụ-thuộc vào sau là cái công của nhà vua kiêm-tinh cả. Hồi kiêm-tinh ấy, có ai nghĩ đến giới-hạn thiên-nhiên, có ai nghĩ đến quyền tự - quyết của các dân - tộc, có ai nghĩ đến cái ý-nguyện của các hàng tỉnh đâu. Nước Anh mà hợp-nhất ba đất *Angleterre*, *Irlande* và *Ecosse* cũng thế, là do nhà vua kiêm-tinh cả. Nước Ý-đại-lợi mãi về sau mới thành một nước là bởi trong các nhà vua trị-vì trong cõi nước Ý trước thế-kỷ ta, không có nhà vua nào có đủ quyền làm nơi trung-tâm cho sự thống-nhất. Nghĩ cũng lạ thay, nhà *Savoie*, mãi đến khi lấy được đảo *Sardaigne* là một đất cùng-tịch, hầu như không thuộc vào nội-địa Ý-đại-lợi, bấy giờ mới bắt đầu xưng-vương. Nước Hòa-lan tuy là phần-nhiên tự-quyết mà lập thành một nước, nhưng cũng là có kết-liên với nhà vua *Orange*, nếu mà đời với nhà vua ra thì có lẽ cũn ; nguy-hiềm.

Song, đó có phải là một cái công-lệ nhất-định không? Chắc rằng không. Nước Thụy-sĩ với nước Hoa-kỳ, là kết-hợp dần dần mà thành ra, không có gốc tự nhà vua nào cả. Thuộc về nước Pháp thời tôi không nghị-luận, vì không biết sau này thế nào. Chỉ nên biết rằng quâu - quyền ở nước Pháp ngày xưa thật đã hết lòng vì nước, nên sau khi đồ rỗi nước vẫn đứng vững. Vả lại thế-kỷ thứ 18 cũng đã từng canh-cải hết cả. Người ta qua mấy mươi đời phải đê-nén, đến hồi ấy đã khởi-phục được cái tinh-thần cũ, đã biết tự-trọng mình, đã hiểu quyền-lợi mình. Những tiếng « tồ-quốc », tiếng « công-dân » bấy giờ đã có nghĩa. Bởi thế mà làm nên được cái công-trình bạo nhất trong lịch-sử từ xưa đến nay, khác nào như về sinh-lý-học làm được cho một con vật đã mất óc mất tim rồi mà vẫn sống y-nguyên như cũ vậy (1).

Vậy thời phải công-nhận rằng một nước không có quân-chủ cũng có thể thành-lập được ; không những thế, nhiều nước bởi nhà vua gây-dựng ra có thể dời với nhà vua ấy mà vẫn sinh-tồn được. Cái chủ-nghĩa lập-quốc cũ, chỉ biết quyền của vua-chúa mà thôi, không thể giữ được nữa. Ngoài quyền của nhà vua, còn có quyền của quốc-dân nữa. Cái quyền của quốc-dân ấy, lấy gì làm tiêu-chuẩn? có cái dấu-hiệu gì để nhận biết? do cái sự-thực rõ-ràng nào mà suy ra?

I. — Nhiều người quả-quyết nói rằng do chủng-tộc (*la race*) mà ra. Những sự phân-biệt bởi tay người định ra, do phép phong-kiến, do sự hòa-thân các họ với nhau, do sự giao-thiệp của các nhà ngoại-giao, đều không được bừa cả. Cái gì vững-bền, nhất-định ấy,

là cái chủng-tộc của nhân-dân. Bởi đó mà sinh ra một cái quyền chánh-đáng. Theo cái thuyết tôi kể đây, thời giống *Germaines* có quyền thu-thập các dân đồng-chủng với mình, dù những dân ấy không tự-nguyện muốn liên-hợp cũng mặc lòng. Thí-dụ tỉnh nọ có người dân giống *Germaines* ở, thời cái quyền của chủng-tộc *Germaines* đối với tỉnh ấy còn mạnh hơn cái quyền của người dân tự-quyết (nghĩa là có thể cưỡng-bắt phải hợp-nhất vào họ chung). Nhân đó đặt ra một cái quyền tôn-trọng về giống-nòi cũng giống như cái mệnh-trời của nhà vua vậy. Tức là lấy cái chủ-nghĩa về dân-tộc mà thay vào cái chủ-nghĩa về quốc-dân. Đó là một sự làm to, nếu mà thịnh-hành lên thì nguy cho văn-minh Âu-châu. Cái chủ-nghĩa về quốc-dân công-bằng chánh-đáng bao nhiêu, thời cái chủ-nghĩa về quyền nhất-thống của chủng-tộc hẹp-hòi và nguy-hiêm cho sự tiến-hóa bấy nhiêu.

Trong bộ-lạc, trong thị-tỉnh đời xưa, thời cái nghĩa chủng-tộc quan-hệ lắm, có thể thật. Bộ-lạc, thị-tỉnh đời xưa chẳng qua là gia-tộc mở rộng ra mà thôi. Ở *Sparte*, ở *Athènes*, bao nhiêu người dân đều có họ gần họ xa với nhau cả. Ở dân *Beni-Israël* cũng vậy, mà ngày nay ở các rợ *Arabes* cũng vậy. Nhưng thử dời thành *Athènes*, thành *Sparte*, rợ *Israël*, mà chuyển sang *La-mã-đế-quốc*, thời thấy tinh-hình khác hẳn. Đế-quốc này là một cái đám hợp lớn những thành-thị, những châu-quận rất khác nhau. lúc đầu là lấy cường-quyền mà cưỡng hợp lại, rồi sau lấy sự lợi mà bảo-thủ lấy, thế-cách như thế thời thật là trái-ngược hẳn với cái chủ-nghĩa về chủng-tộc. Đến đạo Cơ-đốc, vốn có cái tinh-cách

(1) Nghĩa là nước Pháp vốn là công nhà vua gây dựng ra, mà bây giờ nhà vua đồ rỗi, vẫn y-nguyên như cũ.

dại-đồng tuyệt-đích, lại phản-đối cái chủ-nghĩa ấy một cách có hiệu-lực hơn nữa. Đạo này kết ước đồng-minh với La-mã-đế-quốc, thành hai cái sức thống-nhất mạnh-nhất trong thiên-hạ, làm cho cái nghĩa chủng-tộc bị bài-trừ ra ngoài việc chính-trị trong mấy thế-kỷ.

Kịp đến khi các rợ tràn vào đế-quốc, thời tuy bề ngoài như lợi cho cái nghĩa chủng-tộc, mà kỳ-thực cũng theo một đường như đế-quốc trước, mà lại tiến lên một bước. Các rợ vạch bờ-cõi dựng lên các nước có tùy theo gì đến chủng-tộc đâu. Chẳng qua là lấy võ-lực hay tùy ý riêng của kẻ xâm-lược cả. Những kẻ ấy có coi cái chủng-tộc các dân mình chính-phục vào đâu đâu. Vua CHARLEMAGNE khởi lại cái công-nghiệp của La-mã cũ, mà làm theo lối mình: dựng ra một cái đế-quốc họp vô-số những dân-tộc khác nhau; đến con cháu vua, ký hòa-ước thành Verdun, vạch hai đường chạy thẳng từ Nam chí Bắc làm bờ-cõi, cũng có hề quan-tâm đến chủng-tộc những dân ở hai bên tả hữu con đường ấy bao giờ đâu. Về sau, suốt đời Trung-cổ, mấy lần định bờ-cõi, cũng là không có chú-ý gì đến cái nghĩa chủng-tộc cả. Cái chính-sách của nhà vua Capétiens tuy có hợp-nhất được cả những địa-hạt của đất Gaule cũ làm thành ra nước Pháp, nhưng không phải là bởi dân các xứ ấy có cái khuynh-hướng muốn kết-liên với kẻ đồng-chủng mình đâu. Xứ Dauphiné, xứ Bresse, xứ Provence, xứ Franche-Comté, bấy giờ không còn nhớ là có gốc-tích chung nữa. Ngay tự thế-kỷ thứ 2 sau Gia-tô kỷ-nguyên, người Gaulois không còn có gì là quốc-tính nữa, và ngày nay có người khôi-phục cái tính-cách đặc-biệt của người Gaulois đời xưa, chẳng qua cũng là trong khi nghiên-cứu về lịch-sử ức-tưởng phảng-phất ra đó mà thôi.

Vậy thời cái nghĩa chủng-tộc không có quan-hệ gì trong sự lập thành ra các nước đời nay. Nước Pháp vừa thuộc về giống Celta, giống Ibère, giống German. Nước Đức thuộc về giống German, giống Celta, giống Slave. Nước Ý là nước chủng-tộc rối-lộn nhất: người Gaulois, người Etrusques, người Pélasges, người Grecs, không kể nhiều thứ người khác nữa, pha lộn nhau, không biết thế nào mà phân-biệt nữa. Nước Anh thời là hai giống Celta và German pha lẫn nhau mà không biết được cái suất-số hai bên nhiều ít thế nào.

Cứ thực ra thì không có giống nào là giống thuần-túy, và lấy chủng-tộc làm gốc cho chính-trị là một sự hư-không. Những nước danh-giá nhất, như nước Anh, nước Pháp, nước Ý, lại là những nước máu tạp nhất. Nước Đức có khác thế không? có phải là một nước thuần giống German không? Tưởng như thế thời làm to. Cả phía Nam nước Đức là giống Gaulois, cả phía Đông, tự sông Elbe là giống Slave. Còn những phần kia cho là thuần giống có hẳn là thuần không? Đây là một cái vấn-đề cần phải quan-niệm cho rõ-ràng, để cho khỏi ngộ-nhận.

Sự tranh-luận về chủng-tộc thật là vô-cùng-tận, vì cái tiếng chủng-tộc ấy do các nhà lịch-sử-học chuyên-trị về khoa ngôn-ngữ hay là do các nhà sinh-lý-học chuyên-trị về khoa nhân-chủng dùng thời lại ra hai nghĩa khác hẳn nhau. Nhà nhân-chủng-học thời cho chữ chủng-tộc cũng đồng nghĩa như về động-vật-học, nghĩa là có dòng-dõi, có huyết-thống hẳn-hoi. Nhưng mà xét về ngôn-ngữ, về lịch-sử thời sự phân-biệt lại khác với sinh-lý-học. Về lịch-sử-học, về bác-ngữ-học, những tiếng « giống đầu tròn » (*brachycéphales*), « giống đầu dài » (*dolichocéphales*) không có nghĩa gì nữa. Trong dân-tộc đặt ra thứ

tiếng gọi là *Aryen*, đặt ra chế-độ gọi là chế-độ *Aryen*, đã có lần cả giống dân trên và dẫu dài rồi. Trong dân-tộc đặt ra tiếng và chế-độ gọi là *Sémite*, cũng thấy thế. Nói khác đi thời gốc-tích của các giống người còn thuộc về trước gốc-tích của sự học-vấn, sự văn-minh, sự ngôn-ngữ nhiều lắm. Những dân-tộc gọi là dân *Aryen* cũ, dân *Sémite* cũ, dân *Touranien* cũ, không phải là thuần một giống nữa rồi. Những dân-tộc ấy là kết-quả của lịch-sử sinh ra vào một thời-đại nào đó, thí-dụ mười-lăm hai-mươi nghìn năm, còn chính gốc-tích của giống người thời mịt - mù về những thời-đại thái-cổ nào không biết được. Xét về phương-diện ngữ-ngôn, phương-diện lịch-sử, thời gọi là giống *Germain* ấy, chắc hẳn là một chủng-tộc đặc-biệt trong loài người. Nhưng có phải là một chủng-tộc theo như nghĩa nhân-chủng-học không? Chắc là không. Cái giống đặc-biệt gọi là giống *Germain* mới xuất-hiện trong lịch-sử mấy thế-kỷ trước Gia-tô mà thôi. Người *Germain* hồi bấy giờ quyết không phải là ở dưới đất mà mọc lên. Trước hồi bấy giờ còn lẫn-lộn với người *Slaves*, hòa cả trong cái đám đông-mờ-mịt gọi là giống *Scythes*, chưa có tính-cách đặc-biệt. Người Anh ngày nay hẳn là một giống đặc-biệt trong toàn-thể nhân-loại. Nhưng ta gọi là giống *Anglo-saxon* ấy (mà gọi thế là lầm) không phải là người *Breton* về đời vua CÉSAR, không phải là người *Anglo-saxon* về đời HENGIST, không phải là người *Danois* về đời KNUT, không phải là người *Normand* về đời GUILLAUME LE CONQUÉRANT; chính là gồm cả bấy nhiêu thứ người mà sinh ra. Người Pháp bây giờ cũng không phải là người *Gaulois*, không phải là người *Franc*, không phải là người *Burgunde*; là bấy nhiêu thứ người nung vào một lò mà thành ra, mà nhà vua Pháp là

người chủ-trương sự nung-đúc ấy. Người dân ở đảo *Jersey* hay đảo *Guernesey* (của nước Anh), ngày nay gốc-tích cũng không khác gì dân đất *Normandie* của nước Pháp ngang đây. Về thế-kỷ thứ 11, người tinh mắt đến đâu để cũng không phân-biệt được dân hai bên khác nhau thế nào. Vua PHILIPPE-AUGUSTE nước Pháp lấy đất *Normandie* mà không lấy cả hai đảo ấy cũng chỉ vì chút cơ-hội không đâu. Từ bấy đến nay, dân hai bên xa-cách nhau ngót bảy trăm năm, không những thành ra lạ nhau, mà lại khác nhau hẳn. Vậy thời chủng-tộc theo như nghĩa của các nhà sử-học chúng tôi là một mối gây thành được mà giải-tán được. Nghiên-cứu về chủng-tộc là một sự quan-hệ cho nhà bác-học khảo về lịch-sử loài người, không có đem ra ứng-dụng về việc chính-trị được. Cái thiên-lý u-âm nó chủ-trương trong sự chế-tạo ra bản-đồ Âu-châu hình như không kể chủng-tộc vào đâu cả, và những nước thứ nhất ở Âu-châu lại là những nước giống người tạp-nhất.

Vậy thời cái nghĩa chủng-tộc, lúc mới đầu có quan-hệ thật, mà mỗi ngày một bớt hệ-trọng đi. Khoa sử-học về loài người thật là khác hẳn với khoa động-vật-học. Đối với loài người, chủng-tộc không có quan-hệ như về loài chuột hay loài thú, và không ai có quyền đi khắp thế-giới nắn đầu người ta, rồi chặn cổ mà nói rằng: «Mày là đồng-chúng với tao, mày phải thuộc tao!» Ngoài những tinh-cách thuộc về nhân-chủng-học, còn có điều lẽ phải, sự công-bằng, sự thực, sự đẹp, là chung cho cả loài người. Và lại, cái chính-sách lấy chủng-tộc làm cốt ấy, cũng không chắc gì. Ngày nay các ông lợi-dụng đề đối với kẻ khác; rồi lại có kẻ lợi-dụng đề đối với các ông. Người Đức ngày nay dương giương cao cái cờ dân-chúng như thế, chắc đâu

rằng một ngày kia lại không bị người *Slaves* cũng đem những tên các làng ở đất *Saxe* và đất *Lusace* ra mà phân-tích để tìm lấy dấu-vết giống *Wiltzes* và giống *Obolrites* ngày xưa, rồi trách hỏi đến những việc người *Othons* khi trước đã đem tổ-tiên họ giết-tróc và đem bán biết bao nhiêu? Bèn nào cũng vậy, tưởng nên quên việc trước đi là hơn.

Tôi vốn ưa khoa dân-chủng-học lắm; khoa này là một khoa-học rất hay; nhưng tôi muốn cho khoa này được tự-do, không muốn cho đem lợi-dụng về chính-trị. Về dân-chủng-học cũng như các khoa-học khác, những học-thuyết thay đổi luôn; đó là một điều cần cho sự tiến-bộ. Các nước có lẽ cũng tùy các học-thuyết mà thay đổi được hay sao? Nếu thế thời bờ-cõi các nước cứ phải theo khoa-học thay đổi mà cũng thay đổi luôn. Lòng ái-quốc sẽ chỉ bằng ở một lời nguy-biện. Một người đương hết lòng yêu nước mình, có kẻ đến bảo rằng: « Bác lắm rồi; bác vì nước đổ máu, bác tưởng bác là giống *Celte*, nhưng không phải, bác chính là giống *Germain*. » Rồi mười năm sau nữa, họ lại đến bảo mình là giống *Slave*. Muốn cho khoa-học khỏi sai đường, xin miễn cho khoa-học đừng phải can-thiệp đến những vấn-đề có quan-hệ đến nhiều quyền-lợi phiên-phức như thế. Các ngài nên chắc rằng nếu mượn khoa-học giúp tài-liệu cho việc ngoại-giao, thời nhiều khi khoa-học sẽ mắc phải cái lỗi quá nề. Khoa-học còn có cái nhiệm-vụ cao hơn nhiều, ta chỉ xin khoa-học phát-mình cho ta cái chân-lý mà thôi.

II. — Ta vừa nói về chủng-tộc thế nào, thời về ngôn-ngữ cũng thế. Ngôn-ngữ giúp cho người ta cùng hợp với nhau, nhưng không tất-nhiên là bắt người ta phải hợp với nhau. Nước

Hoa-kỳ đối với nước Anh, các nước Mỹ-châu thuộc giống Tây-ban-nha đối với nước Tây-ban-nha cùng nói một thứ tiếng như nhau mà có phải là một nước đâu. Trái lại, nước Thụy-sĩ là một nước khéo hợp-nhất như thế, vì do các bộ-phận trong nước thuận-tình mà hợp-nhất với nhau, thế mà trong nước có đến ba bốn thứ tiếng khác nhau. Người ta còn có một cái cao hơn tiếng nói: là cái chí-muốn của mình. Cái chí-muốn của dân nước Thụy-sĩ là muốn hợp-nhất với nhau, dù ngôn-ngữ khác nhau mặc lòng, chí ấy còn mạnh hơn là tiếng nói giống nhau, vì tiếng nói giống nhau nhiều khi cũng là miễn-cưỡng, là áp-ức cho được giống mà thôi.

Có một sự danh-dự cho nước Pháp, là nước không hề dùng cách cưỡng-bách cho tiếng nói được hợp-nhất. Người ta ngôn-ngữ bất-đồng mà tình-cảm không thể giống nhau được hay sao? Mối ròi ta nói về cách không tiện đem dân-chủng-học làm chuẩn-đích cho sự quốc-tế-chính-trị. Nay đem khoa tỉ-hiệu-bác-ngữ-học (*philologie comparée*) làm chuẩn-đích cho sự chính-trị cũng là không tiện như thế. Các môn học ấy là hay lắm, ta nên để cho được hoàn-toàn tự-do mà thảo-luận, nghiên-cứ; đừng nên đem can-thiệp với việc khác mà làm cho mất cái giá-trị thanh-cao đi. Người ta cho các tiếng nói có quan-hệ về đường chính-trị là coi nó như cái dấu-hiệu của chủng-tộc. Thật không gì sai-lầm bằng. Nước *Prusse* bây giờ chỉ nói tiếng Đức mà thôi, mấy thế-kỷ trước thời nói tiếng *Slave*; đất *Galles* nói tiếng Anh; đất *Gaule* và đất *Espagne* thời nói cái thổ-âm cũ của *Albe la Longue*; đất *Egypte* nói tiếng *Arabe*; những cái thí-dụ như thế biết bao nhiêu mà kể. Dầu ngay từ hồi đầu, cùng nói một thứ tiếng không

tất-nhiên là cùng thuộc một giống người. Thử xem cái bộ-lạc khởi-thủy ra giống *Aryen* hay khởi-thủy ra giống *Sémite* ; trong bộ có những kẻ nô-lệ cùng nói một thứ tiếng như chủ, mà kẻ nô-lệ thời bấy giờ thường-thường là một giống khác giống của chủ. Ta nên nhắc đi nhắc lại mà nhớ cho kỹ rằng : khoa tỉ-hiệu-bác-ngữ-học chia các thứ tiếng ra tiếng *indo-européen*, tiếng *sémitique* cùng nhiều thứ tiếng khác nữa, thật là rành-rẻ lắm, nhưng các thứ tiếng ấy không có đối-hợp với các giống người. Tiếng nói là do lịch-sử gây dựng ra, xét tiếng nói không đủ biết được giống-giống của người nói, và dù thế nào nữa cũng không đủ lấy đó làm bằng-cứ mà bó-buộc cái quyền tự-do của người ta, để định cho người ta phải cùng với giống nào sống chết một đời.

Chú-trọng quá về ngôn-ngữ cũng như chú-trọng quá về chủng-lộc, đều có nguy-hiểm, có hại cả. Hễ quá thời không khác gì như giam mình vào trong một cái văn-hóa nhất-định, cho là văn-hóa của nước mình, tựa-hồ như tự hạn-chế mình, tự cầm-hãm mình. Bỏ cái không-khí khoáng-dãng đương hô-hấp ở trong cánh đồng rộng của loài người mà giam mình vào cái hội nhỏ-hẹp những kẻ đồng-bang. Không gì hại cho tinh-thần, không gì hại cho văn-minh bằng cách ấy. Ta không nên quên cái nghĩa cốt-yếu này : là người ta trước khi bị khu-hạn trong một thứ tiếng nào, trước khi làm một phần-tử cho một giống người nào, trước khi làm một kẻ môn-đồ của một lối văn-hóa nào, vốn là một giống biết lẽ phải, có tinh-thần. Trước văn-hóa nước Pháp, văn-hóa nước Đức, văn-hóa nước Ý, còn có văn-hóa của loài người. Thử xem những bậc danh-nhân về đời Phục-hung : những người ấy không phải là người Pháp,

không phải là người Đức, không phải là người Ý. Những người ấy giao-tiếp với cô-nhân đã tìm được cái bí-thuật giáo-dục cho thần-trí người ta và nhất-tâm tận-tụy về việc ấy. Thế mới thật là xứng-dáng làm người !

III. — Đến tôn-giáo cũng không đủ làm cơ-sở cho một quốc-dân đời nay. Hồi nguyên-thủy thời tôn-giáo rất là mật-thiết với sự sinh-tồn của xã-hội. Vì xã-hội lúc đầu là gia-tộc mở-rộng ra. Tôn-giáo lễ-nghi là lễ phép trong gia-đình. Tôn-giáo của thành *Athènes*, là thờ chính thành *Athènes*, thờ những thần sáng-lập ra thành ấy, thờ pháp-luật, thờ phong-tục thành ấy. Tôn-giáo ấy không có những lễ thần-bí độc-đoán gì cả. Tôn-giáo ấy chính là một cái quốc-gia-tôn-giáo (*religion d'Etat*), thật thế, không sai. Ai mà không theo đạo ấy, không phải là người *Athènes*. Rút lại là thờ đền *Acropole* coi như một vị thần. Thờ trước bàn thờ *Aglaure* (*Aglaure* chính là đền *Acropole* hiện ra thần để cứu nước), tức là thờ xin đem thân tuấn-quốc. Cái tôn-giáo ấy khác nào cũng như ở nước ta lối rút thăm hay là sự thờ quốc-kỳ. Chối không chịu theo tôn-giáo ấy không khác gì như ở nước ta từ chối binh-dịch vậy. Tức là tuyên-cáo rằng mình không phải là người *Athènes*. Trái lại thời đối với người không phải ở thành *Athènes*, chắc là tôn-giáo ấy không có nghĩa-lý gì ; bởi thế nên không ai gia-công truyền-giáo để ép người ngoại-quốc phải theo ; chính bọn tôi-dòi thành *Athènes* cũng không theo đạo. Ở mấy nước cộng-hòa nhỏ về đời Trung-cổ cũng thế. Không thờ ông thánh *MARC* thời không phải là người dân tốt thành *Venise* ; không thờ ông thánh *ANDRÉ* hơn cả các thánh trên thiên-đường thì không phải là người dân tốt thành *Amalfi*. Trong

những xã-hội nhỏ ấy, những cách đời sau gọi là áp-chế kẻ theo đạo, bách-hại kẻ ngoại-đạo là chánh-đáng cả và không có quan-hệ gì, cũng như cái tục của chúng ta phải chúc mừng kẻ phụ-huynh ngày nguyên-đán vậy.

Ở thành *Sparte*, thành *Athènes* lấy thế làm phải, đến đời vua ALEXANDRE chinh - phục tứ-phương, lập thành các nước, đã thấy không theo thế rồi, đến Lã-mã đế-quốc thời tuyệt-nhiên không giống nữa. ANTIOCHUS EPIPHANE bách-hại người ta để bắt cõi Đông-phương phải thờ thần JUPITER OLYMPIEN, La-mã đế-quốc bách-hại để cố giữ lấy một cái quốc-gia-tôn-giáo hư-danh, những sự đó đã coi là sự tội-lỗi, sự vô-lý. Ngày nay thời cái tình-hình đã rõ-ràng lắm rồi, không có dám đống người nào là cùng tin một đạo như nhau. Mỗi người tùy ý, tùy sức, muốn tin, muốn theo đạo nào cũng được. Không có quốc-gia-tôn-giáo nữa. Dù là người Pháp, người Anh, người Đức, muốn theo đạo Gia-tô, đạo Tân-giáo, đạo Do-thái, hay là không theo đạo nào cũng được. Tôn-giáo bây giờ đã thành việc riêng của mỗi người, chỉ quan-hệ đến tâm-lý mỗi người mà thôi. Ngày nay không có chia các nước ra nước cụ-giáo, nước tân - giáo nữa. Năm-mươi-hai năm trước, tôn-giáo là một cái nguyên-lực trọng-yếu trong việc lập-quốc của nước Tỉ, bây giờ vẫn còn quan-hệ cho nhân-tâm, nhưng đã hầu ra hẳn ngoài vòng những nguyên-lực định quốc-giới cho các dân-tộc.

IV — Cùng lợi-hại với nhau, đó cũng là một cái dây mạnh để giàng-buộc người ta. Nhưng mà mỗi lợi có đủ làm nên một nước không? Thiết-tưởng không. Có lợi-hại chung với nhau thời nên ký hòa - ước thông-thương với nhau. Chứ trong cái nghĩa quốc-dân còn có một phần tình-cảm

nữa; một nước vừa là thân-thề, vừa là tinh-thần; một cuộc « thương-chánh đồng-minh » (*sollverein*) không phải là một nước.

V. — Địa-lý, tức người ta thường gọi là bờ-cõi thiên-nhiên, chắc là có một phần to trong sự phân-giới các nước. Địa-lý là một nguyên-lực đệ-nhất của lịch-sử. Đường sông là lối đi của các dân-tộc, mà núi là ngăn-trở các dân-tộc đi. Sông giúp cho sự thiên-tỉ của các dân-tộc, mà núi thời hạn-chế sự thiên-tỉ ấy. Nhưng mà có thể theo như mấy đảng kia mà nói rằng bờ-cõi một nước là đã định sẵn ở trên bản-đồ và nước ấy có quyền được kiêm-tính đất chung-quanh để cho chỗ góc kia được tròn hơn, cái sông cái núi kia giáp với mình, như cho núi với sông là có cái quyền tự-nhiên để định quốc-giới không? Tôi tưởng không có cái lý-thuyết nào vô-bằng và tai-hại bằng cái lý-thuyết ấy. Cứ lấy lẽ như thế thời dùng cách bạo-động gì mà không được. Trước hết hãy hỏi núi hay là sông làm nên những giới-hạn thiên-nhiên đó? Núi thời chia-rẽ, cái đó đã cố-nhiên rồi; nhưng sông lại hòa-hợp. Lại không phải rằng núi nào cũng là chia-rẽ các nước. Núi nào là núi chia, mà núi nào là núi không chia? Tự *Biarritz* đến *Tornea* không có một con sông nào là con sông làm bờ-cõi. Ví lịch-sử khiến như thế thời sông *Loire*, sông *Seine*, sông *Meuse*, sông *Elbe*, sông *Oder*, cũng có thể làm bờ-cõi thiên-nhiên như sông *Rhin* kia, đã sinh ra biết bao nhiêu sự trái công-lý là cái ý-nguyện chung của người ta? Nói rằng vì lẽ quân-phòng; không có cái gì là tuyệt-dịch cả; vẫn biết rằng gặp sự yếu-cần thì phải châm-chước. Nhưng mà cũng không nên châm-chước quá. Nếu không thì ai cũng nói rằng vì lẽ quân-phòng, mà thành ra chiến-tranh vô-cùng-tận.

Không, địa-lý cũng như là chủng-tộc, không thể làm thành nước được. Đất là cái *chất*, cái trường-sở để cạnh-tranh, để động-tác ; còn người ta mới thật là cái linh-hồn chủ-động. Trong sự gây-dựng ra cái vật thiêng-liêng kia gọi là một dân một nước ấy, người ta là chủ-trương hết thảy, không có phần vật-chất gì đủ làm nên được. Một nước là một mối tinh-thần, bởi sự biến-thiên phiến-phức của lịch-sử mà gây ra, một nước là một họ về tinh-thần (*famille spirituelle*), không phải là một mớ người họp nhau lại theo hình-thể đất vậy.

Ta vừa xét những gì không đủ gây ra cái mối tinh-thần ấy : giống người, tiếng nói, lợi-quyền, tôn-giáo, địa-lý, quân-phòng. Vậy thời còn phải gì nữa ? Cứ như trên kia đã nói rồi thời tôi tưởng cũng không cần phải diễn-gải dài và lưu-ý các ngài lâu nữa.

III

Một nước là một cái hồn, một cái mối tinh-thần. Có hai phần làm thành ra cái hồn ấy, cái mối tinh-thần ấy, hai phần kẻ cũng là một. Một phần thuộc về quá-khứ, một phần thuộc về hiện-tại. Một phần là cùng nhau có một cái gia-tài kỷ-niệm lớn ; một phần là hiện đồng lòng muốn ăn ở cùng nhau, đồng-chí muốn cùng nhau mở-mang mà hưởng-lợi cái gia-tài đã nhận được chung ấy. Các ngài phải biết rằng người ta không phải buổi hôm buổi mai mà thành được. Một nước cũng như một người, là kết-quả một cuộc quá-khứ lâu-dài những công-phu khó-khăn nhọc-nhắn mới làm nên. Thờ tổ-tiên là sự thờ chánh-đáng hơn cả, vì chính tổ-tiên gây-dựng ra ta như bây giờ. Một cuộc lịch-sử vẻ-vang, những bậc danh-nhân hiền-hách, cái vinh-dự chân-chính, đó là cái vốn chung có thể gây lên một nước. Về đời trước thời có những sự vẻ-vang chung, về bây giờ thời có một cái chí-nguyện chung ; trước đã làm

nên công-nghiệp lớn, giờ còn muốn làm được thế nữa ; đó là cái điều-kiện thứ nhất cho được làm một dân một nước. Xưa đã càng phải thiệt-hại nhiều, càng phải chịu khổ lắm, thời nay lại càng thương yêu nhau hơn. Cái nhà tay mình xây-dựng ra, tự mình truyền để lại, chắc là lòng mình yêu-mến. Dân Ti-ba-đạt (*Sparte*) ngày xưa có câu hát rằng : « Xưa các anh thế nào, nay chúng tôi như thế ; nay các anh thế nào, sau chúng tôi sẽ thế », tuy lời bình-dị mà thật là tóm-tắt được cả bài quốc-ca của các nước vậy.

Về đời trước thời có một cái gia-tài vẻ-vang, một tấm lòng thương-tiết cùng nhau, về sau này thời có một cái chương-trình sự-nghiệp cùng phải làm ; cùng nhau sướng-khổ, cùng nhau hi-vọng, đó còn hơn là có quan-ái chung và có bờ-cõi hợp với phép quân-phòng ; đó dẫu có khác giống khác tiếng cũng hiểu nhau được. Tôi vừa nói : « cùng nhau chịu khổ » ; thật thế, cái khổ chung nó làm cho người ta thân nhau hơn là sự sướng. Trong những sự kỷ-niệm chung của một nước, thời sự sâu-khổ còn hơn là sự đắc-thắng ; vì có chịu khổ mới bắt-buộc phải có nghĩa-vụ, mới cần đến phải gắng sức chung.

Vậy thời một nước là một cái đoàn-thể lớn hết-thảy người ta liên-lạc với nhau bởi xưa kia đã cùng nhau chịu khổ và hiện nay cũng sẵn lòng chịu khổ nữa. Một nước tất phải có lịch-sử ; song nước là gồm ở hiện-tại, ở một sự-thực hiện-nhiên : là sự công-nhiên đồng lòng ăn-ở với nhau. Sự sinh-tồn của một nước là do quyền quốc-dân tự-quyết hằng ngày (*un plébiscite de tous les jours*), cũng như sự sinh-tồn của mỗi người là do sức người ta quyết sống luôn-luôn. Phải, tôi đã biết, cái đó thời không siêu-

việt như cái lý-thuyết quân-chủ chịu mệnh Trời, cũng có tàn-bạo như cái lý - thuyết về quyền lịch - sử hão-huyền. Như cái ý tôi bàn đây, thời một nước cũng như một vua, không có quyền bảo một tỉnh nọ rằng : « Mày thuộc về tao, tao cướp mày.» Đối với ta, một tỉnh nào, tức là dân tỉnh ấy, trong việc sáp-nhập, phải hỏi ý dân. Một nước muốn cố cưỡng sáp-nhập hay kiêm - tính một xứ nào, không có lợi cho mình bao giờ. Bao giờ cũng phải lấy cái chí-nguyện của quốc-dân làm tiêu-chuẩn, duy có đó mới là chánh-đáng.

Ta đã bài-trừ những cái lý-tưởng siêu-việt thần-bí ra ngoài vòng chính-trị, thời còn lại cái gì ? Còn lại người ta, sự cần-dùng, lòng dục-vọng của người ta. Các ngài nói rằng các nước cũng như những cơ-thể đã già-cỗi, mà lòng dân thời nhiều khi u-mê mờ-ám, nếu để cho cái chí-nguyện phát-phơ ấy xử việc nước, thời có khi nước đến phân-lia và dần-dần giải-tán. Phải biết rằng về những việc này không cái chủ-nghĩa gì là nên lạm-dụng quá, Lẽ phải ở đây ra ứng-dụng là phải cả toàn-thể, một cách đại-đề mà thôi. Nói rằng lòng người hay thay-đổi ư ? nhưng ở đời này cái gì là không thay đổi ? Nước không phải là một vật vĩnh-viễn bất-diệt. Có bắt đầu, rồi cũng có cùng-tận. Có lẽ một ngày kia các nước Âu-châu sẽ mất đi mà thành một cuộc liên-bang lớn. Nhưng mà cái phép-tắc của thời-đại ta không phải như thế. Hiện nay, có các nước là một sự hay, một sự cần. Có các nước thời mới giữ được quyền tự-do, nếu cả thế-giới chỉ có một pháp-luật, một ông chủ, thì không còn quyền tự-do gì nữa.

Mỗi nước có những năng-lực khác nhau, nhiều khi trái nhau, nhờ đó mà các nước có thể giúp cho công-

cuộc văn-minh chung ; cả loài người ví như một cuộc hòa-nhạc lớn, mỗi nước là tiếng đàn riêng trong cuộc hòa-nhạc ấy, và nói rút lại, người ta quan-niệm về sự đời đến cái lý-tưởng nhân-loại có lẽ là tuyệt-phẩm hơn cả. Các nước rời nhau thời có phần khuyết-điểm. Tôi thường nghĩ bụng rằng có nhiều cái tính xấu ở người ta mà ở nước thì coi là tính tốt, như hiếu hư - danh, như hay ghen-ghét, hay ích-kỷ, hay hiếu-chiến, hơi một tí là tuốt guom liền, ví có một người có những tính như thế thì người ấy thật không ai chịu được. Nhưng mà xét cả toàn-thể thời những sự khuyết-điểm ấy sẽ tiêu mất đi. Ôi ! nghĩ mà thương thay cho loài người đã chịu khổ bao nhiêu ! đã gian-nan biết bao nhiêu ! Con đường tiến-hóa của nhân-loại thật là lắm sự nguy-hiểm chông-gai, ước gì cho loài người biết khôn-gan mà tránh cho khỏi !

Thưa các ngài, tôi xin nói tóm-lắt lại mấy lời. Người ta không phải là nô-lệ giống-nòi, không phải là nô-lệ tiếng nói, không phải là nô-lệ tôn-giáo, không phải là nô-lệ đường sông hướng núi. Hễ họp nhau lại đồng người, tri ngay-thẳng, bụng thân-yêu, thời gây ra một cái hồn gọi là một nước. Cái hồn ấy mà đủ mạnh là khiến được người ta quên mình vị nước, thời nước ấy là chánh-đáng, nước ấy có quyền được sống. Nếu có sự nghi-ngờ về việc bờ-cõi thì phải nên hỏi ý người dân ở đấy. Tưởng dân cũng có quyền tỏ ý-kiến về những việc ấy. Nghe nói thế chắc những ngài chính-trị-gia cao-thượng không khỏi tủm-tủm cười, các ngài cho mình là thánh tướng lắm, không có sai lầm bao giờ, lấy những chủ-nghĩa cao-kỳ mà khinh-miệt cái cách bần-tiện của chúng ta, các ngài tất nói rằng ; « Hỏi ý dân, thôi đi !» ấy mới thật-thà chứ ! Dùng những cách trẻ

con như thế mà mong thay được thuật ngoại-giao, phép võ-bị, ấy mới rõ cái tư-tướng bản-cùn của người Pháp ! » — Ta thử đợi mà xem ; các ông cao-thượng rồi cũng có ngày qua đi, ta cứ để cho các ông làm mặt bọm mà khinh người. Có lẽ một ngày kia rồi thử hết các cách không thành, cũng đến phải quay về dùng những phương-pháp kinh-nghiệm tâm-thường của ta. Muốn cho lẽ phải về mình sau này, là gặp lắm lúc phải biết đành chịu mình là trần-hủ vậy .

T. - C. dịch.

LỜI PHỤ CHƯA CỦA NGƯỜI DỊCH. — Bài này là tác-giả đem lịch-sử địa-lý Âu-châu chứng-giải về nghĩa lập-quốc ở Tây-phương, nên có nhiều tên người, tên đất, không khác gì như trong sách *Tả-truyện*, *Chiến-quốc* vậy ; người thuộc địa-dư lịch-sử Âu-châu thì đọc càng có hứng-vị, người không biết cũng chẳng hề gì, cốt là biểu rõ cái chủ-y lập-luận của tác-giả. Chủ-y ấy là thế nào ? Chủ-y ấy là nước là một cái mối tinh-thần, một cái hồn ; nước là ở quốc-hồn mà thôi. Nếu không có quốc-hồn thì dẫu cùng một giống

người, cùng một tiếng nói, cùng một phong-tục, cùng một lễ-giao, cũng chưa đủ làm một nước. Nếu có quốc-hồn, mà cái « quốc-hồn ấy đủ mạnh khiến được cho người ta quên mình vì nước », thì dẫu không đồng-văn, không đồng-chủng, không cùng một lễ-giao phong-tục, cũng đủ làm được một nước chánh-đáng, có quyền được sinh-tồn tự-lập ở trên thế-giới này. Nhưng nếu đã được đồng-chủng, đồng-văn, cùng một lễ-giao phong-tục, mà lại có một cái hồn chung nữa, thì nước ấy bền mạnh biết bao nhiêu. — Nay nước ta, người cùng là một giống, nói cùng một thứ tiếng, tính-tình, phong-tục, lễ-giao, chế-độ, cùng chung nhau cả, lại đời trước đã có một cuộc lịch-sử cũng lắm phen vẻ-vang, cũng lắm hồi nguy-hiểm, kẻ thời thật là đủ các tư-cách làm một nước hoàn-toàn ; cơ sao lại ủy-mĩ yếu-hèn như vậy ? Có lẽ còn thiếu cái quốc-hồn kia chăng ? Hay là quốc-hồn ấy có, mà còn phát-phơ, còn phảng-phất, còn yếu-đuối, còn rời-rạc chăng ? Nếu thế thì ta đã biết rằng một nước cốt sống về quốc-hồn, ta có muốn cho nước ta được sống lâu giàu bền, ta phải kịp mà bồi-bổ lấy cái quốc-hồn của ta . . .

VIỆC KHỞI-THẢO MỘT BỘ « VIỆT-ÂM TỰ-ĐIỀN »

Recueillir, définir les mots d'une langue et en fournir des exemples tirés du bon usage, c'est le propre d'un dictionnaire.

RACINE

Cóp nhặt những chữ của một thứ tiếng, thích nghĩa nó ra, dẫn những câu nói trúng cách làm thí dụ, ấy là cốt-tử một quyển tự-điền.

Những người có bụng với quốc-văn bấy giờ, không ai không ước-ao chóng có một bộ « Việt-âm Tự-điền », y-giả

cũng nghĩ như nhà làm sách tây họ nói rằng : « Quyền meo, quyền tự-điền, đối với văn-chương một nước,

tức như cái nền cái móng đối với cái nhà vậy.» Nghĩa là cho rằng sách ấy cần cho quốc-văn, không có thời không mở-mang phát-đạt ra được.

Nghĩ như thế là phải lắm, duy phải biết rõ cái mục-đích của tự-điền là thế nào. Hiện nay nhiều người nhiệt-thành về việc làm tự-điền, tựa-hồ như cho là có quyền tự-điền xuất-bản bây giờ, thì văn-chương quốc-ngữ một mai hồng-bột mà trở nên tốt-đẹp hay-ho tức-thì; không những thế: bao nhiêu người không biết chữ, mở quyền tự-điền ra là tiện-thị biết chữ hết! Quyền tự-điền thật không có cái phép thần-thông như thế. Tự-điền tuy là gốc của văn-chương thật, nhưng không tất-nhiên là có tự-điền mà có văn-chương hay. Văn-học thịnh hay suy là bởi nhiều nguyên-nhân khác nữa. Thời cụ Tiên-điền có tự-điền đầu, mà sao văn-chương cụ tuyệt-xảo như thế? Những tay làm văn tài là sáng-tạo ra chữ, chứ không phải đợi có sách mà tra. Song hết-thảy quốc-dân không phải là có tài như cụ Nguyễn Du cả; nếu có một quyền tự-điền tốt giúp cho phần-nhiều người học tiếng nước nhà, thời càng hay lắm. Hay là hay thế, ích-lợi là ích-lợi như thế, chứ một quyền tự-điền chưa đủ làm cái nguyên-dộng-lực cho nền văn-học một nước. Ta phải hiểu rõ, chớ nên ngộ-nhận.

Nhưng xét về một phương-diện khác, thời một quyền tự-điền tốt về tiếng An-Nam không những là hay, không những có ích, mà lại cần nữa, không thể để khuyết lâu được nữa. Bởi sao vậy?

Một nhà buôn-bán có nền-nếp, phải có sổ-sách cho phân-minh, cho biết vốn-liếng có bao nhiêu, mua về bán đi, của thu của trả là bao nhiêu; cuối năm lại phải thống-kế xem lỗ lãi là bao nhiêu; có thể thời việc buôn-bán mới có bằng-cứ, nếu nhất-thiết mô-hồ

cả thời có khi phá-sản đến nơi mà không biết. Quốc-văn ta cũng thế, xưa nay ví như cái cửa hàng không có sổ-sách, không biết kế-toán, không rõ vốn-liếng có bao nhiêu, trong bao lâu chỉ buôn bằng vốn người, đến vỡ nợ mà không biết. Nay mới tỉnh-ngộ ra, biết rằng mình cũng có vốn, muốn đem vốn mình ra buôn-bán với đời, thời thấy cửa chim cửa nôi, tản-mạn mọi nơi, không biết đâu mà dò, vì không có sổ-sách. Người nào lanh-lợi, tháo-vát, chịu khó, siêng-năng, biết tìm, biết kiếm, thời cũng gọi là tiệm-dủ buôn được những món hàng xoàng; còn những người khác thời đành bó gối ngồi không, ăn vay cả đời. Đến người ngoại-quốc trông vào, thời thấy cửa hàng mình xo-rụi, nghề buôn mình kém-hèn, không thêm giao-dịch với mình, bĩu miệng phê cho một tiếng: nghèo! Thậm-chí người mình cũng a-dua, đồng-thanh nói rằng nghèo, cam-tâm tự-nhận nghèo, không biết rằng nghèo mà tiền-nhân ngày xưa đã có người mở nên ngôi hàng rất to-tát, bán những gấm vóc cùng ngọc-ngà, sánh với các hàng tây hàng tàu chẳng kém gì! Hay là ông cha xưa giàu, mà con cháu lơ-đễnh, để cho bao nhiêu của-cải chui ra lỗ hà lỗ hán mất cả?... .

Bây giờ quốc-dân đã mở mắt ra, đã tỉnh ngủ dậy, biết rằng cái cảnh ăn vay là cảnh thất-nghiệp, muốn thu-thập vốn nhà để mong đương tự-lập, thời việc cần nhất là phải kiểm-điểm hết của-cải của mình, lập thành cái sổ cho tường và cho đủ. Cái sổ quốc-âm ấy, tức là quyền tự-điền.

Phần gia-tài của tiền-nhân ta để lại, hoặc là gửi ở những tập-thơ-văn, hoặc là tản ở những nơi thôn-dã, tường cũng nhiều lắm; lại những món của anh em ta gần đây, vì sự cần-dùng bắt-buộc, phải vay mượn của các ngân-hàng Âu Á, kê cũng

không ít; hết thấy ta phải ghi vào sổ cả.

Bởi xưa nay không từng có sổ-sách rõ-ràng, nên những của báu của quốc-âm ta mất-mát đi nhiều lắm, mà tiếng ta giàu-có hẳn-hoi, vẫn mang tiếng là nghèo-nần ít-ỏi. Muốn biết tiếng ta là nghèo hay không, trước nhất phải thuộc hết tiếng ta. Người An-Nam ta ai có thể tự-cao là thuộc hết tiếng An-Nam? Không những thế, lại ít ai là đề-bụng nghiên-cứu về tiếng An-Nam nữa. Những người đi đến đâu cũng bô-bô nói rằng tiếng An-Nam nghèo lại là những người mô-hồ về tiếng An-Nam hơn nhất. Lời phán-đoán của người không biết như thế, còn có giá-trị gì nữa? Nhưng cái số những người không biết ấy mỗi ngày lại một nhiều mãi lên, thời lời phán-đoán sai-lầm thành ra cái phong-trào dư-luận, mà cái án xử-tử của quốc-văn đã cheo lửng-lờ ở trước mặt vậy. Thật thế, ngày nay trong Nam ngoài Bắc, phần nhiều những người tài-giỏi về tân-học tại là những người lạnh-nhạt với quốc-văn, tự-nghĩ trong bụng, — không những tự nghĩ trong bụng lại nhiều khi công-nhiên tuyên-bố rằng cái vận-mệnh tiếng An-Nam là một thứ tiếng kém hèn, tất có ngày phải tiêu-diệt, như thế thì còn theo-đuổi học-tập làm chi cho mất công vô-ích, chẳng bằng bỏ quách ngay đi mà học lấy một thứ tiếng ngoài hay-ho tốt đẹp hơn! Nhiều ông cũng nhân-tâm, cứ điềm-nhiên mà tuyên cái án xử-tử ấy, không có chút xót-xa thương tiếc gì. Nhưng mà những người còn biết thương-xót đến quốc-âm, không thể ngồi yên để cho kết cái án oan thiên-cổ ấy. Phải làm thế nào cứu vớt cho tiếng An-Nam khỏi phải cái số-phận tiêu-diệt. Người ta đã làm án tiếng ta nghèo mà bắt phải chết, ta phải phá cho được cái án ấy, chứng cho rõ-ràng rằng tiếng ta không nghèo, tiếng ta không thể

chết được, và người nào vì sự kiêu-căng riêng đại mồm thốt ra những lời nói sai như thế là người có tội với tổ-quốc, đáng quốc-dân xi-mạ.

Nói tóm lại, quốc-âm ta hiện nay có hai cái hiểm-tượng: một là vì đời trước không có sách-vở truyền lại, tiếng nôm lời của ta mất đi nhiều lắm, nếu không kịp mà thu-nhặt lấy những tiếng còn lưu-truyền trong dân-gian, thời có ngày đến mất hết; hai là ngày nay tây-học mỗi ngày một thịnh, bao nhiêu những người tài-tuấn trong nước đổ theo về học mới cả, không có rảnh-rỗi đâu mà chuyên-tập nghiên-ngâm về quốc-âm, đã không nghiên-ngâm chuyên-tập về quốc-âm thì tất không sành không giỏi về quốc-âm, đã không giỏi không sành về quốc-âm thì tất không quý không trọng đến quốc-âm, phần nhiều người trí-thức đều không nhìn đến, chỉ để kể dở-dang mới chịu tập, thì quốc-âm ắt phải hao-mòn mà quốc-văn ắt đến lụn-bại mất.

Nay muốn cứu cho khỏi hai cái hiểm-tượng ấy, cần phải làm cho thành một bộ « Việt-âm-tự-điền », trước là để ghi vào sổ, để « trước-ba » hết cả những tiếng nôm gốc của ta vốn có từ trước, cho khỏi biến mất đi; sau là để giúp cho người bây giờ học tiếng ta được dễ-dàng và có bằng-cứ hơn; bao nhiêu những tiếng cũ tiếng gốc đã thuộc cả rồi, đã rõ nghĩa hết, bây giờ mới mong rằng thiếu đâu bỏ đấy, và chế-tạo ra những tiếng mới theo cái tinh-thần cổ-hữu của quốc-âm.

Ấy cái tôn-chỉ làm tự-điền bây giờ là thế: tiếng An-Nam ta tản-mạn khắp mọi nơi, bây giờ thu nhặt lấy, ghi chép lại, làm thành quyển sổ cho tương-tận, để cho biết cái vốn quốc-âm ta hiện bây giờ tổng-

cộng được là bao nhiêu. Như trên kia đã nói, quyền tự-diện đối với tiếng nói một nước, cũng tức như quyền sở cái đối với sự giao-dịch một cửa hàng vậy.

Nay đã biết mục-dịch làm tự-diện như thế, phải xét cách làm tự-diện thế nào.

Nói dễ, làm khó, lẽ thường như thế. Lại làm việc gì trước kia chưa ai làm bao giờ mới càng khó nữa. Nhiều người nhiệt-thành về tự-diện, có lẽ chưa nghĩ tới việc làm tự-diện khó-khăn là thế nào. Có ông hăng-hái quá nói rằng :

« Làm tự-diện có khó gì, cứ lấy hai-mươi bốn chữ cái, chia ra hai-mươi bốn người làm, mỗi người một chữ, độ sáu bảy tháng một năm là xong, chứ gì ! » Nếu dễ-dàng như thế, mà bấy lâu nay chưa ai làm cả, thì người mình chẳng là hèn lắm ư ? Hay là lười lắm ư ? Mà những ông nói dung-dị như thế, sao không tự đứng lên mà làm nhỉ ? Nhưng có lẽ cũng chưa nghĩ ra cách làm thế nào cho tiện.

Phàm việc gì cũng vậy, cái phương-pháp làm là quan-hệ lắm. Làm đúng phương-pháp thì làm vừa dễ và vừa chóng thành-hiệu ; làm sai phương-pháp thì làm vừa khó và vừa chậm kết-quả. Vậy trước khi khởi-công, phải định phương-pháp cho rõ-ràng đã.

Nay phương-pháp làm tự-diện phải thế nào ?

Trên đầu bài này đã tiêu-dề một câu của một ông danh-sĩ nước Pháp đời xưa nói rằng : « Cóp-nhất những chữ của một thứ tiếng, thích-nghĩa nó ra, dẫn những câu nói đúng-cách làm thí-dụ, ấy là cốt-tử một quyền tự-diện. » Cả cái phương-pháp làm tự-diện là gồm trong một câu ấy, lời tuy vẫn-tắt mà chỉ được rõ-ràng ba bộ-phận cốt-yếu trong việc làm tự-diện :

- 1' Nhật chữ cho thật đủ ;
- 2' Thích nghĩa cho rõ-ràng ;
- 3' Thí-dụ cho đích-dáng.

Nói về sự nhật chữ. Tự-diện đã là cái sổ chữ, thời sổ chép phải cho đủ, khiến cho ai tra đến tiếng gì chữ gì cũng có cả. Như chữ nho là một thứ chữ tượng-hình, mỗi chữ có một hình riêng, mỗi chữ là một cái « bản-vị » đặc-biệt, dễ nhận dễ biết, như có mặt-mũi hắc-hoai, cứ tra trong các thư-tịch cổ-kim là tìm ra được hết ; dấu số có nhiều mà hình đã rõ, không sợ sai-sót lẫn-lộn được. Một bộ *Khang-hi tự-diện* là nhật được hết các chữ nho có dùng từ xưa đến nay, không sót một chữ nào. — Lại như chữ Pháp là một thứ chữ tiêu-âm, tuy không được nhật-định như chữ nho, nhưng trong khoảng bốn năm trăm năm nay đã có bao nhiêu người tài-giỏi gia-công tập - luyện, khiến cho mỗi chữ dấu không có hình-dung đặc-biệt như chữ tàu, mà cũng có lai-lịch phải minh, có thể dò xét được. Một bộ *Đại-tự-diện* LITTRÉ là gồm được hết những tiếng Pháp đã có-« lý-lich », có điển-cổ trong văn-chương Pháp. — Đến như tiếng An-Nam ta thì xưa nay không có chữ viết ; chữ nôm không gọi là một thứ văn-tự được, chữ nôm chẳng qua là một cách « cùng-bất-đắc-dĩ » để ghi-chép lấy các tiếng nói, cho gọi là nhớ « phỏng-chùng », mà thôi, cho nên mỗi người viết một cách, mỗi người đọc một cách, không có bằng-cứ nào. Ấy là các cụ đời xưa cũng lười làm văn nôm nên ngày nay không còn lại được mấy tí ; chứ nếu có nhiều văn-chương bằng chữ nôm lưu-truyền lại đến giờ, thì những bài đến ngoài hai ba trăm năm có lẽ bây giờ đọc không được toàn-bích nữa. Vì thanh-âm mỗi đời một thay-đổi, mà ta xưa nay không có một thứ văn-tự tiêu-âm, thành ra không truyền được lâu và được đúng. Thứ văn - tự tiêu - âm ấy mới có từ khi

các cổ đạo đặt ra chữ quốc - ngữ, nhưng chữ quốc-ngữ tuy đặt ra cũng đã lâu mà mãi đến hai ba mươi năm gần đây mới thật là thông-dụng. Thành ra muốn tra-khảo về tiếng ta, không biết dò xét ở đâu, vì tiếng ta cò-lai không ghi-chép ở đâu cả. Chữ nho có sách nho, chữ tây có sách tây, muốn suy-nguyên đến mấy đời về trước cũng còn có vết-tích cả; quốc-âm ta thì tịnh không có sách-vở gì, trong khoảng hơn một trăm năm tới nay, họa may còn được giã ba quyền truyện nôm, nhưng tam-sao thất-bản, dĩ ngoa truyền ngoa, nhiều khi cũng không biết thế nào là thật đúng; còn lên xa hơn nữa thì tuyệt-nhiên không có gì cả. Cứ tình-cảnh tiếng An-Nam như thế mà bây giờ muốn cốp-nhặt cho hết tiếng để làm quyền tự-diễn cho đủ, thật là khó quá. Biết lấy gì làm bằng-cứ? Bảo rằng tiếng nói là ở dân-gian mà ra, lấy công-chúng làm chủ, thời công-chúng vô-học, dân-gian hủ-lậu, cũng không thể nhất-thiết bằng-cứ được. Còn kẻ học-thức xưa nay thì xưa chỉ học thuần một thứ chữ tàu, nay chỉ học thuần một thứ chữ tây, tiếng nước ngoài lại còn thuộc hơn tiếng nước mình. Đó là một sự khó, là khó không biết tiếng An-Nam ở đâu mà tìm cho hết được, trừ đi du-lich khắp trong nước, từ Nam đến Bắc, tự Đông chí Đoài, dò xét những cách nói ở các phương, rồi đem về hội-hợp lại mà kiểm-diểm triết-trung, họa may nhặt được hết chằng, nhưng cũng chưa chắc mà vị-tất đã lấy gì làm đích-dáng. Lại còn một sự khó nữa, là cái giới-hạn tiếng An-Nam với chữ nho rất là mập-mờ, tiếng ta cần phải mượn chữ nho nhiều, mà chữ nho đọc ra tiếng ta muốn mượn đến bao nhiêu cũng được, chỉ quan-hệ ở cách dùng chữ, không hạn-chế ở sự mượn chữ. Thành ra quyền « Việt-âm tự-diễn »

lại vừa kiêm cả quyền « Hán-Việt tự-diễn » nữa, giới-hạn hai quyền ấy định thế nào cho phân-minh? Thật cũng khó nghĩ lắm.

Nói về sự thích - nghĩa. Đã nhạt tiếng, xếp theo thứ-tự chữ - vần, phải định-nghĩa mỗi tiếng cho rõ-ràng. Thế nào gọi là định-nghĩa? Định nghĩa một tiếng là giải-thích hết cái ý-nghĩa bao-hàm trong tiếng ấy, mà giải-thích thế nào cho phân-biệt được với tiếng khác nghĩa khác. Tây - nho đã nói rằng: « Hệ định-nghĩa một tiếng được rõ-ràng thời khiến cho trí người ta như trông thấy rành-rọt cái sự-vật chỉ hay là ngụ ở trong tiếng ấy. » (lời ông DIDEROT). Nghĩa là phạm chữ hay tiếng là cái tên một sự hay một vật gì, thích - nghĩa chữ ấy hay tiếng ấy là bày-tỏ thế nào cho trí người ta hiển-nhiên trông thấy vật ấy, cảm được sự ấy, không lẫn với sự khác vật khác. Người ta thường nói trong tiếng Pháp không có hai chữ trùng nghĩa nhau, mỗi chữ có một nghĩa đặc-biệt, ai dùng lẫn chữ nọ với chữ kia là người không sành không thuộc. Văn-tự nước Pháp được chữ nghĩa rõ-ràng như thế là bởi trong mấy thế-kỷ, đã qua biết bao nhiêu tay sành làm văn nung-dúc rèn - luyện, khiến cho thật là sáng-sủa, tinh-vi. Bởi thế nên các tự-diễn chữ Pháp thích-nghĩa chữ nào là rạch-ròi đích-xác, không thể lẫn với chữ khác được. Tiếng ta thời không thế, nghĩa rất là hàm-hồ, có nhiều chữ nhiều tiếng muốn hiểu ra ý nào cũng được. Nay đem cái nghĩa mập-mờ ấy mà thích cho rõ ra, thật là khó lắm. Thiết-tưởng phần định-nghĩa này lại khó hơn phần nhạt chữ. Nước ta xưa nay không ai học về khoa luận-lý, nên không biết sự « định-nghĩa » (*la définition*) quan-hệ là dường nào. Bây giờ làm tự-diễn, phải dùng ngay phép định-

nghĩa, mà phải dùng một cách rất đích-xác, thật là một sự mới lạ, có lẽ ít người biết và ít người hiểu. Tiếng đã hàm-hồ khó định-nghĩa mà phép định-nghĩa cũng không sánh, thật là « nan trung chi nan ».

Nói về sự thí-dụ. Ngạn-ngữ tây có câu : « Quyền tự-diễn không có thí-dụ là bộ xương không có thịt ». Chữ tây từ-nguyên đã đích-xác, định-nghĩa lại phân-minh, mà còn cần phải nhặt những câu cổ-văn thành-ngữ để thí-dụ cho rõ nghĩa hơn, huống tiếng ta vốn hàm-hồ, mập-mờ, không sưu-tập được nhiều những câu tục-ngữ, thành-ngữ, cổ-ngữ, ca-dao, thì thế nào mà định-nghĩa cho được ? Chữ tàu chữ tây, mỗi chữ đã có nghĩa nhất-định, có sách tra được, muốn thích-nghĩa cho rõ-ràng thì dẫn-chứng một vài câu sách cũ làm thí-dụ là đủ. Tiếng ta thời có thể nói rằng không có tiếng nào là có nghĩa nhất-định, muốn định nghĩa một tiếng thời trước phải có-p-nhất cho thật nhiều những câu thành-ngữ thuộc về tiếng ấy, hội-hợp cả lại, so-sánh các nghĩa, rồi mới triết-trung mà lấy một nghĩa làm tiêu-chuẩn. Thành ra các nước làm tự-diễn chỉ cần đến những câu thành-ngữ tục-ngữ để làm thí-dụ cho nghĩa chữ, nghĩa là giúp cho rõ nghĩa hơn, mà nước ta làm tự-diễn phải cần đến những câu thành-ngữ tục-ngữ trước để làm tài-liệu mà tra nghĩa chữ, rồi mới làm thí-dụ để chứng cái nghĩa đã định. Bởi có đó mà trước khi làm tự-diễn phải điều-tra về quốc-âm cho thật kỹ, thứ nhất là sưu-tập lấy thật nhiều những tục-ngữ ca-dao trong dân-gian. Cứ chính-thức ra thời lý-ung phải có-p-nhất cho hết những tiếng nói lỗi nói của các hạng người trong nước, bao giờ đủ cả, nhiên-hậu mới bắt đầu làm tự-diễn được. Vì tiếng ta vốn vô-sư vô-sách, không biết lấy đâu làm bằng, muốn làm một quyền tự-diễn đủ

làm mẫu - mực cho cả nước, không phải chỉ bởi ý-kiến một vài người, thời phải đợi cho bao giờ nhất-được tất cả các tiếng trong nước, bấy giờ mới có đủ tài-liệu mà chằm-chước nghĩ-định về ý-nghĩa các tiếng một cách xác-đáng, không thời thế nào cũng không khỏi thiên-lầm sai-sót.

Song một cuộc điều-tra to rộng như thế thì biết đến bao giờ cho xong ? Hiện nay ai cũng cho bộ Việt-âm-tự-diễn là cần, ai cũng giục-giã làm cho mau xong, vậy mà đợi cho cuộc điều-tra về quốc-âm được hoàn-toàn rồi mới khởi-hành, thời chẳng là chậm lắm dư ? chẳng là phụ lòng quốc-dân mong - mỏi dư ? Đối với một dân không bền lòng bền chí, hay chệnh - mảng chằng-màng như dân ta, thừa được lúc nóng - nảy sốt-sắng về việc gì, ta nên lợi-dụng ngay, chớ nên để cho qua mất cái dịp tốt ấy. Việc tự-diễn đã là một việc sức một người không thể làm được, phải cần đến cả quốc-dân giúp vào, thời nhân giữa lúc quốc-dân đương nhiệt-thành về việc ấy, ta nên khởi-công làm ngay, đừng để cho cái lòng nhiệt-thành ấy nguội-lạnh đi mất. Làm một quyền tự-diễn cho rất mực hoàn-toàn thì không thể nào làm được, đại là một nước văn-bọc rất thịnh như nước Pháp mà bộ đại-tự-diễn của Hội Hàn-lâm làm đã hơn trăm năm nay bây giờ mới đến chữ G hay chữ I. Việc ta làm bây giờ là việc cấp hơn : như trên kia đã nói, tiếng An-Nam ta xưa nay chưa có sổ-sách ghi-chép bao giờ, bây giờ ta phải kịp làm lấy quyền sổ cho người trong nước biết cái vốn quốc-âm của mình ước được là bao nhiêu, để tiêu-dùng cho có chừng-mực. Vẫn biết rằng muốn làm quyền sổ tổng-kê cho đích-đáng, theo phép thủ-bạ, phép kế-toán đời nay, thời trước hết phải thu-thập tài-sản cho

hết rồi mới cho vào sổ được, nhưng mà tài-sản của quốc-âm ta không có tụ-hợp cả một chỗ, thật là tản-mạn khắp mọi nơi, nếu đợi cho sưu-sách được hết, kiểm - điếm được đủ, thì không biết đến bao giờ mới xong. Mà trong khi ấy, quốc-dân vẫn phân-vân, không biết vốn-liếng có bao nhiêu, không dám ra tay buôn-bán, mọi việc giao-dịch phải đình-dốn hết cả... Chi bằng ta hãy lược-biên lấy một quyển sổ tạm-thời, để dùng trong một lúc bấy giờ, ta nhớ được khoản nào ta biên khoản ấy, ta hỏi được món nào ta ghi món ấy, chắc là còn sai-sót nhiều, nhưng cái đại-cương, cái tổng-mục đã sẵn, rồi sau này làm đâu ta chữa đấy, thiếu đâu ta bổ đấy, có ngại gì ?

Vậy việc làm tự - điển ngày nay chẳng qua là việc khởi-thảo mà thôi, đầu bốn năm năm có làm xong, cũng mới là một bản thảo, chưa đủ làm phép-tắc nhất-định cho quốc - âm được. Nhưng tất phải có một bản thảo rồi làm đâu mới biết mà chữa, sót đâu mới biết mà thêm, mới có thể mong một ngày có quyển tự-diễn nhất-định, quyển tự-diễn hoàn-toàn vậy.

Trong việc khởi-thảo một bộ Việt-âm-tự-diễn bây giờ, phải định mấy cái phạm-lệ như sau này :

1o Làm tự-diễn là làm một việc sưu-tập. Phạm từ trước đến nay ai đã sưu-tập về tiếng An-Nam, ta phải biết mà lợi-dụng. Xét ra có hai bộ Tự-diễn, tuy chưa được đủ hẳn, mà cóp nhặt đã được nhiều lắm : một bộ *Dictionnaire annamite-français* của cố GÉNIBREL, xuất-bản tự năm 1898 ở Sài-gòn, nhặt các tiếng nôm thường dùng và các chữ nho trong Tứ-thư, thích nghĩa ra tiếng Pháp, quyển này làm kẻ cũng đã công-phu lắm và gom-góp được nhiều chữ, nhiều tiếng lắm; một bộ *Đại-Nam Quốc-âm tự-vị* của ông PAULUS CỦA cũng xuất-bản ở Sài-gòn năm 1895—1896, có hai quyển dày, thích-nghĩa toàn bằng tiếng ta

cả. Hai bộ ấy đều có chua chữ nho và chữ nôm bên cạnh. Nay làm tự-diễn phải lấy hai bộ ấy làm gốc, để cho khỏi phí công sưu-tập những tiếng người trước đã nhặt rồi. Dùng hai bộ ấy làm như cái khung cái cốt, nhân đó cải-chỉnh, bổ-khuyết, tăng-gia, sưu-tập thêm vào cho bằng trình-độ quốc-văn hiện bây giờ.

2o Nhất-diễn đem hai bộ tự-diễn trên kia cải-chỉnh, bổ-khuyết, tăng-gia như vừa nói, nhất diện vẫn phải nhặt chữ nhặt tiếng ở các tục-ngữ ca-dao và ở các tập thi-văn mới cũ cùng các báo-chí ngày nay. Cách nhặt chữ như thế này : Trong quốc-âm có bao nhiêu vần, phải làm bấy nhiêu cái phiếu, mỗi vần một phiếu, gập chữ nào thuộc về vần nào thì biên vào phiếu ấy. Như nhặt chữ truyện *Kiều*, câu : *Trăm năm trong cõi người ta*, thời phải lấy *trăm năm* và *cõi người ta* biên vào phiếu *trăm* vào phiếu *cõi* ; như nhặt ca-dao, câu : *Lừng-lơ vàng quế soi thêm, hương đưa bát ngát càng thêm bận lòng*, thời gập bấy nhiêu chữ có thể nhặt được cả : *lừng-lơ, vàng quế, quế (vàng), soi thêm, hương đưa, đưa (hương), bát-ngát, bận lòng*, chữ nào biên vào phiếu này và mỗi lần biên phải nhắc cả câu. Khi nào biên đã được khá nhiều (vì trên kia đã nói không thể sao biên cho đủ được), bấy giờ mới đem các phiếu ra, sát-hạch lại, định nghĩa rõ, những tiếng những câu nào rườm-rà bỏ đi, chỉ giữ những câu cùng tiếng đích-đáng bổ thêm vào hai bộ tự-diễn trên kia. — Bao nhiêu những câu ca-dao, những tiếng tục-ngữ nhặt được càng nhiều càng hay. Còn thi-văn thì tất cả các truyện nôm cũ (như truyện *Kiều*, *Cung-oán*, *Nhị-độ-mai*, *Chinh-phụ-ngâm*, *Lục-vân-tiên*, v.v., các thơ phú nôm cũ, biết được bài nào nhặt bài này ; thi-văn mới thì lấy *Đông-phương tạp-chí*, *Nam-phong tạp-chí*, những tập thơ của NGUYỄN KHẮC-HIỆU, TRẦN TUẤN-KHẢI, v. v. Các tài - liệu ấy càng nhặt được nhiều bao nhiêu càng hay.

3o Thích-nghĩa các chữ bao giờ cũng phải có câu thí-dụ, lấy ở tục-ngữ ca-dao và thi-văn cũ mới như trên đã nói, và càng dẫn được nhiều thí-dụ bao nhiêu càng hay. Bộ Tự-điển này phải vừa là một cái kho văn-chương quốc-âm nữa.

4o Tiếng ta mượn chữ Tàu nhiều, một bộ Việt-âm-tự-điển lại phải kiêm cả tính cách một bộ Hán-Việt-tự-điển nữa, như trên đã nói. Duy khó phân-biệt giới-hạn hai quyền thế nào. Nay phải định lệ như thế này : là bao nhiêu những chữ nho và điển nho dùng trong các truyện nôm như truyện *Kiều*, *Cung-oán*, *Chinh-phụ*, v. v., phải thích hết cả, khiến cho những người không biết chữ nho đọc các truyện ấy cũng hiểu được. Lại phải trích những chữ cùng câu trong *Tứ-thư* thường dùng hay có thể dùng trong văn nôm ta được, vì *Tứ-thư* là gốc văn-cí trong cổ-diễn của Tàu, và cổ-diễn của Tàu, tức là cổ-diễn cả của ta nữa. Nói tóm lại, về phần chữ nho đã thâm-nhập vào tiếng ta thời lấy các truyện nôm và *Tứ-thư* làm hạn-định.

5o Về các tiếng mới về triết-học, khoa-học, v. v., hoặc mượn của Tàu, hoặc mượn của Tây, thì nhất những tiếng nào đã thông-dụng trong các nhật-báo và tạp-chí quốc-văn ngày nay. Những tiếng này thì không biết đâu mà hạn-định được, vì hiện nay còn đương phải mượn, phải đặt ra nhiều.

6o Những tiếng về các nghề ta thì phải hỏi ở các nhà nghề. Việc này thuộc về cuộc điều-tra quốc-âm, xin những ngài nào giúp cho việc điều-tra ấy chú-ý hỏi cho những tiếng riêng của các nghề : làm

ruộng, chân lằm, dệt cửi, thợ mộc, thợ nề thợ sơn, thợ chạm, nghề làm nón, nghề nung bát, nghề làm hương, làm mảnh, v. v., cùng những nghề mới, như nghề làm điện, làm ảnh, in sách, làm máy, làm sắt, v. v.; biên được hết những tiếng riêng về các nghề, lại vẽ hình cho rõ tên nào về đồ-vật gì thì lại càng hay lắm.

7o Bộ Tự-điển này là tự-điển chung cả nước Nam, nay người Bắc-kỳ khởi-xướng lên làm, chắc tiếng Trung-kỳ Nam-kỳ không thể biết hết được. Tuy đã lấy hai bộ Tự-điển GÉNIBREL và PAULUS CỦA làm gốc, hai bộ ấy toàn bằng tiếng Nam-kỳ cả, song cũng phải nên bàn với bộ Học ở Huế và một hội học nào ở Nam-kỳ để khi nào ngoài này làm thành-cáo được mỗi chữ trong 24 chữ cái thì gửi vào Huế và vào Sài-gòn để trong ấy soát lại có tiếng gì đương trong nói khác thì chưa thêm vào.

Đây là nói phác ra mấy điều cốt-yếu mà thôi, không thể kể tường về các cách-thức làm, đã do Hội-đồng của Hội Khai-tri-tiến-dức lập ra tùy-nghi chăm-chước nghĩ-định thế nào là tiện thì làm.

Cần đến quốc-dân giúp là cốt nhất việc điều-tra về quốc-âm, thứ nhất là tục-ngữ ca-dao và những tiếng riêng của các nghề. Hiện Hội Khai-tri đã nhờ các quan tỉnh giúp việc điều-tra ấy, nhưng tới nay cũng chưa thấy mấy tỉnh gửi về. Nay trong các bạn đọc báo ngài nào có biết tiếng gì lạ, câu gì lạ, nghĩa gì lạ, điển gì lạ, xin cứ làm ơn biên ra và gửi về cho. Trong việc làm tự-điển này, một chữ một tiếng cũng là một cái tài-liệu quý-báu, không nên coi thường.

THƯỢNG-CHI

Việc « Khởi-thảo bộ Việt-âm-tự-điển » này, Hội Khai-tri-tiến-dức đã đứng chủ trương và mới lập một hội-đồng mười ông để làm, đại-khai cũng theo như cách-thức đã bàn ở trên. Hội cử Bản-chí-chủ-bút ông PHẠM QUỲNH là tổng-thư-ký của Hội để trông-nom riêng về việc ấy. Bản-chí-chủ-bút có lời kính-cáo các ngài hội-viên Hội Khai-tri, các bạn đọc báo Nam-Phong, cùng cả các văn-hữu trong nước, ngài nào có ý-kiến gì hay về việc làm Tự-điển, hoặc có sưu-tập được những thơ-văn nôm cũ hay là những ca-dao tục-thoại, xin làm ơn viết thư về cho, hoặc quá-bộ đến Hội Khai-tri cho được thừa tiếp. Ông PHẠM QUỲNH ngày nào cũng thường ở nhà Hội và có thể tiếp các ngài từ 6 giờ đến 7 giờ chiều.

CHỮ QUỐC-NGŨ CỒ

Năm 1624, cố ALEXANDRE DE RHODES là người Đại-Pháp, thuộc dòng Tên (Jésuites) sang giảng đạo Thiên-chúa ở nước Nam. Song vì nước Nam bấy giờ chưa có chữ để viết ra tiếng, thì người lấy làm khó học lắm. Cho nên cố ALEXANDRE và mấy cố nữa quyết dùng chữ la-tinh mà đặt ra một lối viết tiếng An-Nam (lối ấy tức là chữ quốc-ngữ.)

Trước còn làm cách nọ thử cách kia, khó nhọc lâu ngày ; mãi về sau mới nghĩ ra phép viết này là hoàn-toàn tiện-lợi hơn cả. Bấy giờ người mới dọn một bộ Tự-vị tiếng An-nam và la-tinh và nhiều sách đạo khác nữa.

Tôi xin sao lại một trang sách kia của ngài in năm 1651 để các bạn đọc báo Nam-Phong so-sánh chữ quốc-ngữ về ba trăm năm trước với chữ quốc-ngữ đời ta bây giờ giống nhau và khác nhau thế nào. Một bên là chữ la-tinh tôi tạm dịch ra Pháp-văn cho dễ hiểu, một bên là chữ quốc-ngữ đời bấy giờ.

V. B.

Premier jour.

Il y a des gens qui disent : si nous n'adorons pas le ciel, le ciel nous frappera de sa foudre ; comment pourrons-nous échapper ?

Ils se trompent, car le ciel ne peut frapper ; il n'y a que Dieu qui puisse le faire. On a coutume de dire : Le canon démolit la citadelle. Mais en soi il n'a aucune puissance pour cela, et celui qui se coucherait sur un canon, n'en éprouverait, de la vie, aucun dommage, à moins qu'il ne se trouve quelqu'un pour le charger de plomb, de poudre et y mettre le feu. L'origine de cette vénération et de cette adoration du ciel provient de ce que le caractère chinois *Thiên* signifie *ciel*. En le décomposant on trouve d'abord le caractère *un* puis le caractère *grand*. Etc.

Traduit par V. Barbier d'après le texte latin.

Ngày thứ nhít.

Có kẻ thì nói rằng, bí (1) bàng ta chẳng thờ blời (2), mà blời lẩy sấm sét đánh ta hầu làm sao cho khởi ?

Ấy là lo quẻi (3), nào blời có đánh được ai đâu ? Có một đức chúa blời đánh được mà chớ (4). Cù (5) có kẻ nói rằng sù (6) bán phá thành, sảo le (7) sù (6) từ nhiên chẳng có phá được đi gì : dẫu (8) mà ai nắm ở khẩu sù (6) thì một đời cù (5) chẳng có phải nao : Có người tla (9) đạn tla (9) thuoọc bào (10) mà lẩy lửa bán thì mới chết mà chớ. Người ta lạy blời, kính blời bởi đây mà ra quẻi (3) quá bại (11). Vì chưng tlảo (12) chữ ngỏ (13) có chữ thiên là blời, giải thì có hai chữ, một là chữ nhít, hai là chữ đại, v. v.

ALEXANDRE. DE RHODES

(1) *Bi* = vi. — (2) *Blời* = trời, giời. — (3) *Quẻi* = sai, lầm. — (4) *Mà chớ* = mà thôi. — (5) *Cù* = cũng. Văn *ng* trong sách CỐ DE RHODES thường thay bằng một dấu gần giống như dấu *e*. — (6) *Sù* = súng. — (7) *Sảo le* = song le. — (8) *Dẫu* = dẫu. — (9) *Tla* = tla. — (10) *Bào* = vào. — (11) *Bại* = bậy. — (12) *Tlảo* = ?. — (13) *Ngỏ* = nhỏ (chữ).

ĐẠO-GIÁO (1)

III

Đạo-giáo cứ như tôi đã giải-diễn ra ở những bài trên kia thì chỉ là một môn triết-học bàn về cái huyền-lý của Đạo. Đây là vào lúc Đạo-giáo còn tinh-thần, chưa pha lẫn với học-thuyết khác. Lúc ấy ngoài những tay cự-phách như Liệt-tử 列子 và Trang-tử 莊子, còn có những người như Văn-tử 文子, Thi-tử 尸子, Quan Doãn-tử 關尹子, Doãn Văn-tử 尹文子, Hạc Quan-tử 鶡冠子, v. v., đều là những nhà đạo-học uyên-bác, có sách-vở truyền lại để giải-thích cái học-lý. Nhưng đại-dễ thì cũng theo cái tôn-chỉ của Lão-tử, chứ không phát-minh ra điều gì đặc-biệt. Về đời Chiến-quốc thì có những học-phái như Pháp-gia 法家, chuyên về mặt hình-pháp, như bọn Thân Bất-Hại 申不害, Thương-Uồng 商鞅, Hàn Phi-tử 韓非子, Lý Tư 李斯; — Danh-gia 名家, chuyên về mặt biện-biệt những điều hà-khắc tế-toái, như bọn Đặng Tích 邓析, Huệ-Thi 惠施, Công Tôn-Long 公孫龍; — Tung-hoàn-gia 縱橫家, chuyên về mặt biện-thuyết giao-thiệp, như bọn Tô Tần 縱秦, Trương Nghi 張儀, Công-Tôn Diễn 公孫衍. Những học-phái ấy tuy có phảng-phất cái ảnh-hưởng Đạo-giáo, nhưng đều thiên về mặt chính-trị thực-hành cả. Còn cái tinh-thần Đạo-giáo từ đây trở đi càng ngày càng kém thêm, nhất là từ đời Tần Hán về sau, không có ai là người quán-xuyên được đạo-lý như Liệt như Trang đời trước, thành ra cái học-thuyết cứ dần dần biến đổi đi, bao nhiêu những cái lý-tưởng cao-thượng thì chỉ có một phần

rất ít người lý-hội được mà thôi, còn phần nhiều thì thiên về mặt thần-tiên, về cách tu-luyện, làm thành ra cái đạo huyền-ảo của bọn đạo-sĩ để mê hoặc người đời.

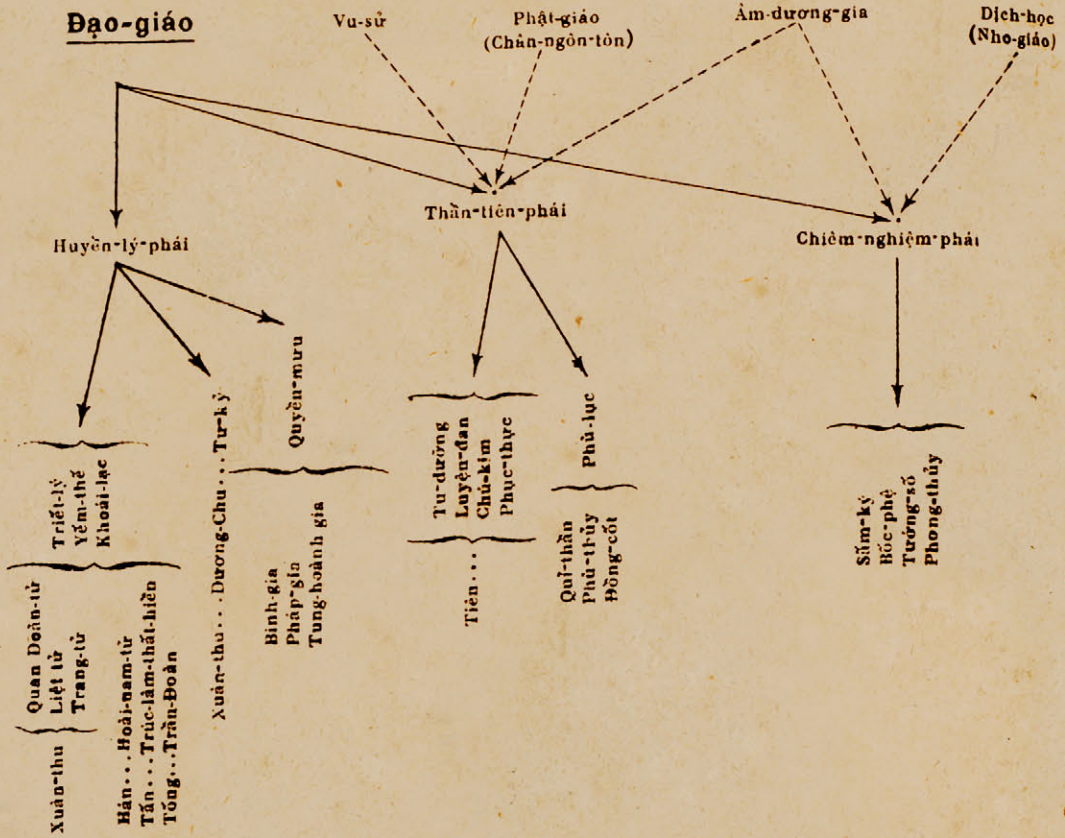
Vậy từ Tần Hán về sau, Đạo-giáo có thể chia ra làm 3 phái như sau này:

- 10 Huyền-lý-phái;
- 20 Thần-tiên-phái;
- 30 Chiêm-nghiệm-phái.

Huyền-lý-phái là phái chính của Đạo-giáo, nhưng cái tinh-thần đã kém-cỏi, những học-giả thường hay thiên về những lễ-bur-vô, những điều yếm-thế, làm cho người ta thành ra đời-nọa, không có ích-lợi gì cho sự tiến-hóa của nhân-quần. Thần-tiên-phái là nhân lấy những điều hoang-đường trong đạo-giáo, rồi liên-hợp với những sự mê-tín huyền-hoặc của dân-gian mà gây ra những phương-tu-dưỡng, luyện-dan, phù-lục, v. v..., về sau càng ngày càng thịnh, thành ra một tôn-giáo có thể-lực trong các xã-hội ở Viễn-Đông. Chiêm-nghiệm-phái thì đã xa Đạo-giáo, vì là bởi những thuyết âm-dương và ngũ-hành sinh-khắc chế-hóa mà thành ra, nhưng cũng bởi phái đạo-sĩ tổ-chức thêm và truyền-bá ra thiên-hạ. Phái này gồm cả những môn sấm-ký, bói-phệ, tướng-số và phong-thủy, v. v. .

Vậy để cho độc-giả biết rõ những sự liên-can của những phái ấy với nhau, và nó do những học-thuyết nào nữa mà thành ra, tôi xin kê rõ ra ở cái biểu sau này:

(1) Xem Nam-Phong số 67, 68.



1 - *Huyền-lý-phái*. - Trong khoảng Tần Hán xem ra Đạo-học đã suy, không bằng trước nữa. Lúc Hán-sơ, đời vua Văn-đế có Hà-thượng-công 河上公, không biết tên họ là gì, cắt nghĩa sách *Đạo-đức-kinh* của Lão-tử, rồi đến đời vua Vũ-đế có Hoài-nam-vương là Lưu An đã từng tụ-hội những người đạo-học như bọn Tô Phi 蘇飛, Lý Thượng 李尚, Tả Ngô 左吳, Điền Do 田由, Lôi Bị 雷被, Mao Kỹ 毛技, Ngũ-Bị 伍被, Tấn Xương 晉昌, tất cả là tám người, đem giảng-diễn cái tư-tưởng của Đạo-giáo mà làm thành bộ sách gọi là *Hoài-nam-tử* 淮南子, chia làm 21 quyển. Sách ấy giảng-diễn cái ý-nghĩa của Đạo: « Đạo là che trời chổ đất, khuếch-trương bốn phương, mở rộng tám cực, cao không bao giờ

với đến, sâu không bao giờ dò được, bao-bọc cả trời đất và sinh ra vạn-vật lúc chưa có hình 夫道者覆天載地。廓四方。橋八極。高不可際。深不可測。包裹天地。稟授無形。 Khí âm khí dương, mặt trời mặt trăng, sao, mây, gió, sáng, tối, sức mạnh sức yếu, cái cứng cái mềm, đều ở trong Đạo cả. Cái to vô-cùng, cái nhỏ vô-tận, con chim bay, con thú chạy, con cá lội, không có giống gì là giống không ở trong Đạo. Cái Đạo thái-thượng ấy sinh ra vạn-vật cũng không nhận là của mình có, hóa ra các hình-tượng mà không tự-nhận mình là chủ, cứ tự-nhiên u-u minh-minh, im lặng tĩnh-mịch mà đâu cũng có » (1).

Về sự sinh-hoạt của vạn - vật thì *Hoài-nam-tử* cũng theo cái tôn-chỉ của

(1) *Hoài-nam-tử*: Quyển thứ nhất: Nguyên-đạo-huấn.

Lão Trang, cho vũ-trụ là *một*, tức là Đạo. Sinh là bởi Đạo, mà hóa lại trở về Đạo, đầu đầu cũng là Đạo cả. Cái tôn-chỉ ấy ngày nay ta gọi là « *phẩm-thần-chủ-nghĩa* 汎神主義 » chính là dịch chữ *panthéisme* trong sách tây ra, nghĩa là cho vạn-vật đều do một thần mà ra, mà chỗ nào, vật gì cũng có một thần ấy cả. « Trời đất chuyển-vàn, nhưng vẫn giao-thông với nhau, mà vạn-vật tóm lại vốn là một cả. Hễ ai đã biết cái một ấy thì không có cái gì là cái mình không biết, mà đã không biết cái một ấy thì không có cái gì là cái mình biết được. Ví như ta ở trong thiên-hạ là một vật, mà không biết có phải là thiên-hạ cho ta vào cho đủ cái số các vật, hay là không có ta thì các vật cũng vẫn đủ không thiếu gì. Nhưng ta đây cũng là vật, mà vật cũng là vật, thế thì vật đối với vật có cái gì khác nhau? Tuy vậy cái đời mình sinh ra thì có định thêm ra cái gì không, mà cái đời mình mất đi, có định tồn đi cái gì không? Giá tạo-hóa đã cho ta là đồng đất, thì ta cũng không có thể trái mệnh được. Ta biết đâu khi ta đau yếu mà chàm-chích để cầu lấy sống, chẳng phải là làm, lại biết đâu là người thất cổ tự-vấn chẳng phải là phúc bay sao? Ý chừng sống là dễ bắt phải làm-lụng khó-nhọc, mà chết là cho được nghỉ-ngoi. Thiên-hạ mờ-mịt, ai là người biết cái lẽ ấy. Cái sinh ra ta, ta cũng không ép-uông cầu cho nó không sinh ta nữa; cái làm cho ta mất đi, ta cũng không ép-uông cầu cho nó đừng làm cho ta mất đi nữa. Muốn sống mà không làm-lụng khó-nhọc, ghét chết mà không từ-chối, ai khinh ta, ta cũng không ghét, ai quý ta, ta cũng không mừng, cứ tùy trời cho thế nào hay thế, không có cấp-cầu làm

gi. Ta sống thì có cái thân 7 thước, ta chết thì có cái áo-quan chứa những đất (1). Khi ta sống ví như những loại có hình cũng như lúc ta chết chìm vào trong đám vô-hình. Vậy thời lúc ta sống, vật cũng không nhiều thêm, mà lúc ta chết đất cũng không dày thêm; ta còn có biết đâu những điều mừng điều ghét, sự lợi sự hại trong khoảng sinh-tử ấy? Kia tạo-hóa lôi đi kéo lại các vật thì cũng ví như người thợ gốm nhào đất. Cái đất đã lấy lên mà nặn thành cái chum cái chậu thì cũng không khác gì cái đất chưa lấy lên. Đến lúc đã thành-khí rồi mà vỡ đi lại trở về đất như cũ, thì cũng không khác gì lúc nó làm cái chum cái chậu. Hoặc những người làng ở bên sông múc nước để tưới vườn, nước sông không lấy thế làm ghét; những nhà bị vũng lầy, khơi vũng lầy cho nước chảy ra sông, cái vũng lầy không lấy thế làm vui. Cái nước ở sông cũng không khác gì cái nước tưới vườn, cái nước ở vũng lầy cũng không khác gì cái nước ở sông. Bởi thế cho nên thánh-nhân cứ nhân-thời mà yên cái địa-vị của mình, cứ đương thế mà vui cái nghề-nghiệp của mình. » (2)

Hoài-nam-tử cho người ở đời cần phải theo đạo mà giữ cái tinh của mình. Những người đã đạt được Đạo, thì bề ngoài tuy cùng với các vật mà hóa, nhưng ở trong thì không đổi mất cái bản-tinh vô-dục 外與物化, 而內不失其情. Đối với mình thì lấy thanh-tĩnh làm gốc, đối với các vật thì lấy sự vô-vi làm chủ. Vì rằng sự tĩnh-mịch là cái nhà của thần-minh, mà chỗ hư-vô là chỗ ở của Đạo 靜漠者神明之宅也, 虛無者道之所居也. Tĩnh là cái tĩnh trời phú cho người ta, mà động là do sự cảm-xúc ở ngoài vào. Sự cảm-động

(1) Nghĩa là cái thân mình hóa ra đồng đất nằm trong áo-quan.

(2) *Hoài-nam-tử*: Quyển thứ bảy: Tĩnh-thần-buẩn.

ấy thường là hại cho tính tự-nhiên, vì rằng hề có vật gì đến thì cái thần của mình tiếp - ứng ngay, tất là động đến sự biết của mình. Sự biết của mình đã tiếp với vật ở ngoài thì sinh ra sự yêu sự ghét. Sự yêu sự ghét đã hiện rõ ra thì sự biết của mình bị cái vật ở ngoài quấy-dụ đi mất, không trở về với cái tính thanh - tĩnh của mình nữa, thành ra cái thiên-lý tiêu-diệt đi mất. Bởi thế cho nên những bậc thánh-nhân bề trong cốt sửa cái đạo-thuật, mà bề ngoài không dùng nhân-nghĩa làm trang-sức, không thiết đến những sự phô bày ra trước tai mắt, chỉ vui thú về sự êm-ái của tinh-thần mà thôi. 聖人內修道術。而不外飭仁義。不知耳目之官而游於精神之和。Ở đời ta phải biết cho thiên-hạ là khinh, thì cái thần của ta không lụy, cho vạn-vật là nhỏ thì cái lòng của ta không bị những vật ở ngoài làm mê được 輕天下則神無累矣。細萬物則心不惑矣。Biết được như thế thì đời người của ta được tiêu-giao thanh-thời, không có cái gì là phiền-lụy cả.

Đại-lược sách *Hoài-nam-tử* là thế, nhưng xét sự hành-động của *Hoài-nam-vương* thì thấy không được giống như những lời bàn trong sách. Bởi vì đến năm Nguyên-thủ nguyên-niên đời vua Vũ-đế nhà Hán (122 trước kỷ-nguyên lịch tây) *Hoài-nam-vương* làm phản bị giết cả nhà. Xem đấy thì biết rằng ngay đời bấy giờ tuy Đạo-giáo có cái hình-thức còn rục-rỡ, nhưng kỳ-thực cái tinh-thần đã kém rồi. Từ đó về sau không thấy ai chuyên về đường Đạo-học như đời trước, và cũng không thấy có sách-vở nào thật có giá-trị bàn về huyền-lý của Đạo nữa. Hoặc-giả cũng có người đạt được cái huyền-lý ấy, nhưng thường là những người đã thâm Nho-học rồi, cho nên tuy có hấp-thụ cái lý-tưởng Đạo-giáo một vài phần, song vẫn là cái nền Nho, thành ra những người

đạo-học ấy đều là nửa đạo, nửa nho, chứ không phải là thuần Đạo. Và lại cái phần tinh-vi, cao-kỳ hơn cả trong Đạo-giáo là phần huyền-lý, thì tất là phải những người đã có học-thức rộng - rãi mới hiểu thấu được, còn những bậc tầm-thường thì chuyên về mặt thần-tiên, tu-luyện, hoặc là mặt chiêm-nghiệm. Nhưng đây là thuộc về những phái khác sẽ xét về sau.

Phái huyền-lý, này càng về sau càng kém dần dần mãi cho đến hết đời nhà Hán, trong khoảng hơn ba trăm năm không thấy có cái gì là đáng ghi nhớ. Đến đời Tam-quốc, ở đất Ngụy có bọn Hà Yến 何晏, Vương Bật 王弼 mới chú-thích sách *Lão-tử*, đời Tấn có bọn Hường Tú 向秀, Quách Tượng 郭象 chú-thích sách *Trang-tử*, và Trương Trạ 張湛 chú-thích sách *Liệt-tử*. Từ đó cái học-thuyết của Lão Trang lại thịnh-hành lên. Trong đời nhà Tấn vào quãng cuối thế-kỷ thứ ba, sau kỷ-nguyên, có bọn Kê Khang 嵇康, Nguyễn Tịch 阮籍, Nguyễn Hàm 阮咸, Sơn Đào 山濤, Hường Tú 向秀, Vương Nhung 王戎 và Lưu Linh 劉伶 kết làm bạn uống rượu, xưng là «Trúc-lâm-thất-hiền 竹林七賢», cùng với Nhạc Quảng 樂廣, Vệ Giới 衛玠, Nguyễn Chiêm 阮瞻 đều nổi tiếng về đường *dâm-huyền*, sùng-thượng sự-bur-vô mà khinh - phế lễ - nghĩa. Song những bọn ấy cũng chỉ tỏ-thuật lại cái học - thuyết cũ của Lão Trang, chứ không có phát-minh ra được điều gì mới lạ. Và những bọn ấy lại thiên về những chủ-nghĩa khoái-lạc và yếm-thế, mà gây nên cái tục *thanh-dâm*, rất thịnh trong đời Tam-quốc Lục-triều. Bởi thế mới có những câu chán đời như : 對酒當歌。人生幾何。譬如朝露。去日苦多。 đối từ *đương ca*, nhân sinh kỷ hà, thì như *triều lộ*, khứ nhật khổ đa ; -- hoặc là : 人生貴適志富貴何爲。 nhân sinh quý thích chí, phú-quí hà vi, v. v. .

Những cái tư-tưởng ấy không những là cái thịnh-hành trong đời Ngụy, đời Tấn mà thôi, mãi về sau trải qua Đường, Tống, Minh, Thanh, các nhà danh-nho học-sĩ thường vẫn hấp-thụ cái tinh-thần ấy.

Đến đời Tống-sơ, vào quãng thế-kỷ thứ 10, có Trần Đoàn 陳搏 là một người thâm Đạo-học và lại tinh Dịch-học, mới đem những cái lý-tưởng của hai cái học ấy mà khởi-xướng lên cái lý-thuyết cho trời đất và vạn-vật đều bởi Thái-cực hợp-đồng với Lý mà thành ra, tức là nguồn gốc lý-học của bọn Tống-nho về sau. Vào quãng vua Nhân-tôn và Anh-tôn nhà Tống, tức là thế-kỷ thứ 11, lại có ông Tuiệu Nghiên-Pau 邵堯夫 theo cái lý-thuyết ấy mà lập ra một học-phái nửa Đạo, nửa Nho, rất có thế-lực. Từ đấy về sau, trừ những học-phái thủ-cự hẹp-hòi ra, thì hình như phái huyền-lý của Đạo-giáo và Nho-giáo có ý muốn dung-hòa với nhau, cho nên những nhà thâm Nho-học thường có cái tư-tưởng Đạo-học. Đến những người học-giả ở nước ta, ai có tài văn-học, cũng hay có cái tư-tưởng ấy. Xem nhiều câu trong « Tản-cung-oán », trong « Kim-Vân-Kiều » hay là những bài thơ bài hát của ông Nguyễn Công-Trừ thì biết là cái ảnh-hưởng Đạo-giáo truyền-bá sang ta cũng đã mạnh lắm.

Phái huyền-lý-học về sau hay thiên về mặt yếm-thế và hoài-nghi. Vậy những cái tư-tưởng ấy bởi đâu mà sinh ra? Bởi trong Đạo-giáo vốn có cái tư-tưởng cho trời đất bất-nhạt lấy vạn vật làm xô-cần, nghĩa là cứ theo lẽ tuần-hoàn chung cả toàn-thế, chứ không thiết gì đến sự sinh-hoạt riêng của muôn vật. Bởi cái tư-tưởng ấy cho nên người đời hễ ai đã chú-tâm về những điều quan-hệ đến vận-mệnh của người ta, thì hay sinh ra lòng chán-ngán, thấy thế-sự đều là

cái ảo-tượng mơ-màng, không có cái gì là xác-thực, đáng khiến cho người ta cần phải nhọc-mệt đến tinh-thần tri-lự. Vậy nên người ta chỉ vụ lấy sự thanh-thời yên-anh, miễn là được thỏa-thích trong giấc chiêm-bao, là đời người của ta này là đủ. Lại nhân trong đời Tam-quốc Lục-triều bấy giờ bên nước Tàu loạn-lạc hằng ba bốn trăm năm trời, nhân-dân bị giết hại, không biết ngàn nào mà kể, thường những nhà qui-quyền thế-phiệt cũng bị tàn-phá tuyệt-diệt, mà những người học-thức, đạo-đức cũng không giữ được cho toàn tinh-mệnh, thành ra quyền-thế cũng chẳng ra gì, mà đạo-đức cũng chẳng ra gì, lòng người ngờ-ngác không biết sở-cứ vào đâu, cho nên mới trút vào những cái tư-tưởng hư-vô, hoang-dã, đem lòng hoài-nghi mà xử-đối với việc đời.

Cái chủ-nghĩa hoài-nghi về đảng triết-học thì có lẽ cũng có phần hay, nhưng về đảng thiết-thực ở đời thì nó làm tiêu-diệt mất cái nghị-lực hoạt-động và cái chí-khi tiến-thủ của người ta, làm cho ai cũng chỉ lo lấy được yên thân, cho qua ngày qua tháng, chứ không thiết gì đến sự hay, sự dở trong cuộc đời nữa. Đây cũng là một điều hại trong Đạo-giáo vậy.

Nhưng mà cái bụng yếm-thế, cái lòng hoài-nghi không hại bằng cái tà-n - thuật âm - hiểu, cái quyền-mưu qui-hiệt của Đạo-học. Ta đã từng thấy trong Đạo-đức-kinh có những ý-tưởng như : 知其雄守其雌, 知其白守其黑. tri kỳ hùng thủ kỳ thụ, tri kỳ bạch thủ kỳ hắc : biết là người ta trống thì mình giữ thế mái, biết là người ta khôn-ngoan, thì mình giữ phần ngu-dại ; 一將欲弱之必固強之, 將欲廢之必固興之, 將欲奪之必固與之. tương dục nhược chi tất cố cường chi, tương dục phế chi tất cố hưng chi, tương dục đoạt chi tất cố dữ chi : định làm

cho yếu đi, thì hãy làm cho mạnh lên, định bỏ đi thì hãy làm cho hưng-thịnh lên, định cướp đi thì hãy cho thêm; 一大巧若拙。大辯若訥。 đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nộn : rất giỏi thì làm như rất vụng, biện-bác giỏi thì làm như nói không được; 一非以明民。將以愚之。 phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi : không nên làm cho dân khôn lên, nên làm cho dân ngu đi. — Về sau phạm những người gian-hùng tàn-ác, những tay quỷ-quyết quyền-mưu đều theo cái tâm-thuật ấy, chỉ vụ lấy cái tư-lợi mà xem thiên - hạ quốc - gia như rơm như rác. Gian - ác, giả - trá, tàn-nhân đều bởi cái tâm-thuật ấy mà ra cả. Đây thật là cái đại - độc trong Đạo-giáo. Nhưng thiết - tưởng rằng xưa kia Lão-tử lấy cái nghĩa triết - lý mà bàn các lẽ tự-nhiên của Đạo, chắc không chú-ý để dạy người ta những cái thủ-đoạn hiểm-độc. Về sau người đời nhặt lấy những câu vụn-vặt lẻ-loi, làm mất cái nghĩa triết-ly đi, để lợi-dụng về cái ý riêng của mình. Phạm cái ý-nghĩa đã sai, thì cái tinh-thần cũng biến-đổi. Bởi thế cho nên một môn triết-học như Đạo-giáo có lắm cái tư-tưởng thật cao mà rồi sau thành ra có một cái học-thuyết hiểm-độc, vị-kỷ, thật là không chính - đáng.

Dẫu thế nào mặc lòng, phái huyền-ly vẫn gần với Đạo-giáo lúc ban đầu hơn các phái khác. Mà cứ như thiên-kiến thì tuy có nhiều điều tệ như đã kể ở trên, nhưng cũng có phần lợi cho đảng tư-tưởng siêu-vật, hơn bên Nho-giáo. Vì rằng bên thuận-nho thì chỉ bó-buộc nhân-trí vào trong lễ-nghĩa là sự thiết - thực ở đời mà thôi, chứ không để cho cái tinh-thần của người ta được thành-thời ra ngoài cuộc nhân-sự. Một phần hay ấy cũng đủ làm cho các học-giả nên lưu - tâm mà khảo-cứu, để biết cho rõ cái tinh-

thần, đừng bỏ mất cái thanh-cao trong Đạo-giáo vậy.

II. — *Thần-tiên phái.* — Một cái học-thuyết cao-kỳ như Đạo-giáo mà lại phát-hiện ra trong một xứ như nước Tàu là chỗ nhân-dân đều hay chuộng về mặt thiết-thực làm ăn, không ưa những điều lý-luận uyên-áo, thì tất thế nào cái tinh-thần cũng biến-đổi đi, mà dần-dần thành ra một học-thuật tầm-thường chỉ thiên về những điều huyền-hoặc thô-thiền. Mà cái học-thuật ấy sở dĩ có thể thịnh - hành được là tại nó thích-hợp với cái tinh-tinh của nhân-chúng trong xã-hội. Cũng bởi lẽ ấy cho nên từ Tần Hán về sau, Đạo-giáo biệt - thành ra một phái chuyên về đường thần - tiên, tu - luyện, hay là những pháp-thuật và phù-lục, để mê-hoặc người đời. Phái ấy thành ra một tôn-giáo có người đi tu, học đạo, có quán, có miếu để thờ thần thờ tiên, truyền khắp cả phương Viễn-Đông. Đây là thần-tiên-phái mà ngày nay ta thường vẫn tưởng lầm là chính-phái của Đạo - giáo. Nay ta nên phân-biệt rằng những người theo về phái thần - tiên gọi là đạo-sĩ, khác với những người đạo-học, chỉ chuyên - trị về mặt luân-ly mà thôi. Thí-dụ : Hoài-nam-tử là một người Đạo-học, mà Trương Đạo - Lăng là một người Đạo-sĩ. Nay ta thử xét xem cái nguyên - ủy phái thần-tiên bởi những đâu mà ra, và cái kết-quả của phái ấy về sau ra thế nào.

Nguyên từ đời thượng-cổ bên Tàu người ta vẫn tin có quỷ có thần. Cứ như bên Nho-giáo thì quỷ-thần là khí âm khí dương. Những khí ấy hiện rõ ra là thần, mà ẩn-khuất đi là quỷ 氣之伸者爲神。屈者爲鬼。 Có nơi nói rằng dương-hồn là thần, âm - phách là quỷ, cũng có nơi cho là người ta chết đi là quỷ, 人所歸爲鬼, mà âm-dương bất-trắc là thần,

陰陽不測之謂神。Thần có thể biến-hóa ân-hiện không sao biết được. Người Tàu lại tin rằng : trong thế-gian có thứ hung-thần ác-quỉ hay đi quấy - nhiễu người đời, bởi thế mới có bọn phương-sĩ, vu - sử, tự-hồ ở bên ta những nơi mừng-mán trên Thượng-du có bọn thầy mo, thầy pháp, hoặc cô đồng, cô then, dùng phương-thuật để nương-tai trị-bệnh v. v.. Đời vua Nghiêu vua Thuấn ngày trước sử đã chép rằng bọn vu-sử làm hại phong-tục, nhà vua đã phải đặt quan đề cai-quản, không để cho thần với người lẫn lộn. Đến đời Tam-đại tuy nhà vua đã công-nhiên định rõ cách tế-tự, nhưng dân-gian vẫn mê-hoặc những sự tà-ma quỉ-quái. Thiết-tưởng dấu đến ngày nay lòng tin-tưởng ấy có đổi hình - thức đi, nhưng kỳ-thực cũng không khác là mấy.

Vậy người Tàu trước đã tin có quỉ có thần, nghĩa là ngoài cái thế - giới mắt ta trông thấy này, lại có một thế-giới khác có những vị thần-linh u-ẩn, thường hay can-thiệp đến sự sinh-hoạt của trần-gian. Người thường lại hay tin rằng một đôi khi những vị thần-linh ấy xuất-hiện ra làm người rồi hoặc biến đi mất, hoặc đi ở những nơi thâm-sơn cùng-cốc, tu-luyện được phép trường-sinh bất-tử, tức là thành tiên. Đã thành tiên, thì không những là không sinh không chết, mà lại có thể đi trên mây trên gió, biến-hóa được, và có pháp - thuật cao-cường, thường ở những danh-sơn thắng-cảnh xa vắng tịch-mịch. Xem những chuyện như vua Hoàng-đế cưỡi rồng lên trời, chứ không chết ; hay là vua Mục-vương nhà Chu theo Tây-vương-mẫu thành tiên, v. v., đều là chuyện đã có từ trước đời Đông-Chu cả. Sách *Liệt-tử*, thiên *Chu Mục-vương* chép rằng : Đời vua Chu Mục-vương có người hóa-nhân ở Tây-vực đến chơi cõi nhà

Chu. Người ấy có tài vào lửa, vào nước, không việc gì, đi suốt qua vàng, qua đá, thiên-biến vạn-hóa. Vua Mục-vương tôn-trọng như thần. Sau người ấy bảo vua nắm lấy tay áo mình, đem vua lên trên không - gian, xem những cung liên, thấy lắm vật không có ở trần-gian bao giờ. Hóa-nhân lại đem vua lên quá trên mặt trời mặt trăng, cái ánh sáng chiếu vào mắt quáng trông không rõ, cái tiếng vang làm loạn cả tai nghe không được, tinh-thần mê-loạn cả, vua xin cho trở về. Đến khi về đến cung - điện thì thấy mình đang ngồi đàm tiệc, chén rượu uống chưa vui. Hỏi tả hữu, đều tâu rằng chỉ thấy vua ngồi im lặng một lúc. Hỏi hóa-nhân, thì nói rằng : Tôi cùng cái tinh-thần nhà vua đi chơi, chứ không động gì đến cái hình-hải. Từ đó vua Mục-vương cứ mơ-tưởng cõi tiên, không thiết gì đến việc nước. Sau vua làm xe tám ngựa, sai Tào-Phủ ngự xe, đi chơi phương tây lên núi Côn-lôn xem cung vua Hoàng-đế, vào chơi với bà chúa tiên là Tây-vương-mẫu, giữ yến ở chỗ Giao-trì. — Ở thiên *Hoàng-đế* chép rằng : Ở khu đất giữa bể có núi Cô-dịch, trên núi ấy có những người thần không ăn ngũ-cốc, chỉ hợp gió uống sương, bụng sáng suốt như nước ở vực sâu, hình như người con gái trẻ, không thiên-vị, không yêu-ghét, ăn ở theo lẽ tự-nhiên, mà được sung-sướng đủ mọi điều. — Lại ở thiên *Trang-vấn* có chép rằng : Ở phía đông bể Bột-hải có chỗ chũng lớn như cái hang không có đáy, tên gọi là Qui-khư, nước ở các phương và ở trên trời đều chảy về đấy mà không lúc nào đầy lúc nào vơi cả. Trong cái vũng ấy có năm quả núi là : Đại-dư 岱輿, Viên-kiệu 員嶠, Phương-hồ 方壺, Doanh - châu 瀛洲, Bồng - lai 蓬萊. Ở trên những núi ấy nhà cửa đều bằng vàng ngọc cả, các giống cầm-thú rất quen thân với người, những cây-cối

thì rất nhiều, và hoa quả rất ngon, ai ăn được những thứ ấy thì không bao giờ chết. Bởi vậy những người ở đây đều là thần-tiên cả. Những núi ấy lúc đầu nổi trên mặt nước, thường cứ theo nước thủy-triều đi lại lên xuống, các tiên-thánh ở trên ấy không được yên, mới lên kêu với Thượng-đế. Thượng-đế bèn sai Bắc-hải Long-vương bắt 15 con rùa cử ba con đội một núi. Từ đó các núi ấy được đứng yên một chỗ. Sau ở nước Long-bá, người rất to lớn, sang cầu mất 6 con rùa đội núi Đại-dư và núi Viên-kiệu, cho nên hai quả núi ấy trôi về bề Bắc, rồi chìm xuống bề mất, chỉ còn lại có 3 quả.

Sách *Trang-tử*, thiên *Tại - hựu* thứ 11, chép rằng : Vua Hoàng-đế biết có ông Quảng Thành-tử 廣成子 ở trong cái nhà đá trên núi Không-động 崆峒 bèn lên lạy mà hỏi rằng : « Ông đã đạt được cái chí-đạo, vậy hỏi cái cách trị mình thì phải thế nào cho được lâu dài. » — Quảng Thành-tử nói rằng : « *Chí-đạo chi tinh, ảo ảo minh minh, chí-đạo chi cực, hân hân mạc mạc, vô thị, vô thính, bảo thần dĩ tĩnh, hình tượng tự chính, tất tĩnh tất thanh, vô lao nhĩ hình, vô dao nhĩ tinh, nữ khả dĩ trường sinh, 至道之精。窈窈冥冥。至道之極。昏昏默默。無視無聽。抱神以靜。形將自正。必靜必清。無勞爾形。無搖爾精。乃可以長生。* » — Bấy nhiêu lời thành ra yếu-ngôn của đạo thần-tiên, các đạo-sĩ đều phải biết những lời ấy trước các điều khác.

Vậy sự tin có thần-tiên vốn đã có trước khi có những sách bàn về Đạo. Nên chi Liệt Trang mới nhân lấy những chuyện ấy mà ghi vào sách để làm cái bằng-chứng cho cái lý-thuyết của mình. Sự tin-tưởng ấy về sau lại càng có phần tăng hơn lên, vì là bao giờ cũng vậy, số người có học-thức thì ít, mà số người ngu-

dại thì nhiều, lại có những kẻ muốn nhân lấy những sự huyền-hoặc đó để lợi-dụng cho mình, thành-thử sự tin có thần-tiên mỗi ngày một thịnh. Về đời Chiến-quốc vào quãng thế-kỷ thứ tư và thứ ba trước kỷ-nguyên, đã có sách chép rằng Tống Vô-ky 宋無忌 cùng với Tiên-môn-tử-cao 羨門子高 là người nước Yên đã hóa thành tiên. Bởi vậy Uy-vương và Tuyên-vương nước Tề (Sơn-dông), Chiêu-vương nước Yên (Trực-lệ) sai người ra bề tìm những núi Bồng-lai, Phương-trượng và Doanh-châu để xin thuốc tiên cho khỏi chết. Những người đi về nói rằng những núi ấy ở xa trông thấy thì trắng như mây, mà hề đến gần thì lặn xuống bề và gió lại cứ đánh bạt thuyền ra, không thể nào lại gần được.

Vua Thủy-hoàng nhà Tần cũng hay mơ-tưởng sự thần-tiên, lập đàn làm lễ phong-thiện trên núi Thái-sơn để cầu lấy sự trường-sinh-bất-lão, và sai người Từ Thỉ, nhất-danh là Từ Phúc, đem con trai con gái mấy nghìn người đi ra bề tìm thuốc tiên, nhưng không được.

Đến lúc Hán-sơ, mưu-thần nhà Hán là Trương Tử-Phòng không muốn làm quan, nói nhịn ăn để theo ông Xích-tùng-tử. Tuy không chắc Trương Tử-Phòng đã di tu-tiên thật, nhưng lấy việc đó làm cái cơ cho người ta khỏi phiền đến mình, ấy cũng rõ là sự tin thần-tiên lúc bấy giờ đã có rồi. Vua Vũ-đế nhà Hán, tuy là ông vua hùng-tài đại-lược, mà vẫn hay tin những việc thần-tiên, mong-mỗi được gặp tiên để cầu sự trường-sinh. Thời bấy giờ có những phương-sĩ như Lý Thiếu - Quán 李少君, Thiếu-Ông 少翁, Loạn Đại 欒大, Công-tôn Khanh 公孫卿, đều lấy chuyện thần-tiên mà được trọng-dụng. Vua nghe bọn ấy, sai người đi ra bề tìm những núi Bồng-lai để xin thuốc trường-

sinh và hỏi phép nấu ra vàng. Lại làm đền thờ Thái-nhất Thượng-đế và Ngũ-đế ở phía nam đất Trường-an. Về sau sự giả-dối rõ ra, bọn Thiệu-Ông, Loan-Đại đều bị tru-lục. Tuy vậy vua vẫn cứ sai phương-sĩ đi chực tiên, và cứ làm lễ phong-thiện ở trên núi Thái-sơn. Mãi đến lúc già, vua mới tỉnh-ngộ là thiên-hạ không có tiên, bấy giờ mới bãi cả bọn phương-sĩ và hạ bài chiếu ở Luân-dài để nhận các điều lỗi của mình.

Trong một nước quân-chủ chuyên-chế như nước Tàu lúc bấy giờ, mà trên vua đã sùng-tin thần-tiên như thế, thì dưới những sĩ-phu nhân-dân ai là người chẳng noi theo. Bởi vậy từ đấy về sau cái lòng tin-tưởng ấy càng mạnh dần dần lên mãi. Lại nhân trước tục đã tin rằng vua Hoàng-đế gặp tiên Quảng-thành-tử truyền phép cho được thành tiên, sau lại có Lão-tử khởi đầu thuyết-minh ra cái huyền-lý của Đạo. Vì thế người đời mới cho là Hoàng-đế và Lão-tử lập ra đạo thần-tiên, và thường hay gọi đạo ấy là đạo Hoàng-Lão.

Cứ như ý-kiến của những nhà học đạo thần-tiên thì Lão-tử là một vị đại-tiên, thỉnh-thoảng hiện ra đời để dạy người ta các phép tu - luyện. Cát-Hồng đời Đông-Tấn nói rằng : Lão-tử đời nào cũng có : đời Hoàng-đế là Quảng-thành-tử, đời Văn-vương nhà Chu là Nhiếp-áp-tử, đời Vũ-vương là Dục-thành-tử, đời Văn-đế nhà Hán là Hà - thượng - công, v. v. , bấy nhiêu người đều là một Lão-tử, chỉ đổi họ đổi tên đi mà thôi. Đây là Đạo-học thiên về mặt thần-tiên, chủ về sự tu-luyện và pháp-thuật huyền-bí, cho nên mới có những cái ý-tưởng ấy.

Từ đời vua Hán Vũ-đế đến cuối đời nhà Đông-Hán, vào chừng độ non 300 năm, Nho-giáo thịnh-hành lắm, cho nên phái thần - tiên ít có thể-

lực ở chỗ triều-đường, nhưng ở chỗ dân-gian thì chắc là lòng mê-tin càng ngày càng mạnh, mà nhất là về những xứ như đất Yên (Trực-lệ) và đất Tề (Sơn-đông) người ta hay tin những việc thần-tiên và có lắm phương-sĩ đem chuyện tu-luyện và những phép nhượng-tai trị-bệnh đi mê-hoặc mọi người. Bọn phương-sĩ ấy cùng với bọn vu-sử đời trước cũng là một môn, tuy có lấy thần - tiên làm đà, nhưng cái tinh-thần cũng không khác nhau là mấy. Đời trước khi nào có đám tang-tế vua quan đi thăm viếng, bọn vu-sử phải cầm cành đào đi trước, để xua đuổi những ác-qui đi, hoặc khi có ai đau ốm thì bọn ấy đến cúng lễ làm phép đọc thần-chú chữa cho người có bệnh. Tưởng xã-hội nào lúc mới phôi-thai, thì cũng thường hay có những bọn vu-sử ấy, rồi sau nhân-trí mở-mang ra, bọn ấy biến-tự hóa đi, hoặc là sáp-nhập vào với tôn-giáo khác. Ở Viên-Đông ta thì bọn ấy biến thành ra phái đạo-sĩ. Và từ Đông-Hán về sau, đạo Phật đã lan sang nước Tàu, người Ấn-độ đem những pháp-thuật phù-chú sang truyền-bá mọi nơi, bọn đạo-sĩ lại nhặt lấy những điều đó để thêm vào pháp-thuật đã có sẵn của phái thần-tiên. Ấy là cái gốc bởi đấy mà thành ra các mối phù-lục rất thịnh về sau.

Phái thần-tiên tổ-chức thành ra có trật-tự và có quán miếu, là khởi đầu từ Trương Đạo-Lăng 張道陵. Cứ theo sách *Tam-quốc-chí* của ông Bùi Chú thì Trương Đạo - Lăng là người đất Bái (An-huy), ở vào đời vua Thuận-đế nhà Hán (126-144), học phép trường-sinh. Nhưng nhà nghèo phải cùng với học-trò vào đất Thục, lên ở trên núi Hạc-minh-sơn, làm ra bộ sách *Đạo-thư* 24 thiên. Sách *Thần-tiên truyện* nói rằng khi Trương Đạo-Lăng tu-luyện trên núi Hạc-minh-

son có người trên trời xuống truyền cho đạo « Chính nhất minh uy 正一明威 », Trương Đạo-Lãng mới dùng mà chữa bệnh. Nhân-chúng theo rất nhiều, học-trò có kẻ hàng vạn người, mới đặt ra chức tế-tửu để coi từng hộ, như quan-trưởng cai-quản vậy, lại đặt ra những điều-lệ sai học-trò cứ lần-lượt đem nộp lụa gạo giấy bút, củi-duốc và các thứ thập-vật, v. v.. Những người giữ chức - phận phải sửa-sang đường-sá, hễ ai không chịu thì làm cho ốm đau. Bởi vậy ở gần đây hễ đâu có cầu quán đường - sá phải chữa sửa, thì người ta tranh nhau đi dọn-dẹp. Trương Đạo-Lãng lại muốn lấy sự liêm-sỉ mà trị người, chứ không muốn dùng hình-phạt, mới đặt ra điều-lệ, hễ ai ốm đau thì phải nhớ ra xưa nay mình phạm những tội gì, biên rõ ra tờ giấy rồi đem ném xuống sông mà thề với thần-minh rằng từ sau trở đi xin chữa, không dám phạm vào những tội ấy ; nếu còn phạm vào nữa thì xin chịu chết. Bởi vậy cho nên ai chẳng may mắc phải bệnh-tật đều tự-thủ lỗi mình. Làm như thế một là mong được khỏi bệnh, hai là lấy làm xấu-hổ không làm điều bậy, thành ra bỏ được những điều lỗi mà làm điều lành. Nhờ có những phương-thuật ấy, Trương Đạo-Lãng mới có tiền-của để mua thuốc mà nấu kim-dan, rồi được thành tiên lên trời.

Trương Đạo-Lãng mất rồi (tục cho lên trời), con là Trương Hành nối nghiệp dùng phép chữa bệnh, cháu là Trương Lỗ thờ thêm đạo « Ngũ-dấu-mễ 五斗米 » của bọn giặc Mê-tặc Trương Tu. Đạo ấy gọi như thế là vì cứ bắt ai có bệnh phải nộp năm đấu gạo, thì chữa thuốc cho khỏi bệnh. Trương Lỗ tự-xưng là sư-quân 師君, còn những người mới đến học đạo thì gọi là quỷ-tốt 鬼卒, ai học được đạo rồi thì được chức

tế-tửu 祭酒. Tế-tửu được quyền cai-quản một toán người và việc gì cũng do ở bọn tế-tửu quyết-đoán hết cả. Bởi vậy Trương Lỗ mới có thế-lực kháng-cự với quan-quân, Triều-đình không đánh nổi, bèn phong cho Trương Lỗ làm Hán-ninh Thái-thú.

Cùng một thời với Trương Đạo-Lãng lại có một người tên là Vu-Cát 于吉 làm ra bộ sách Thái-bình thanh-linh 太平清令 tức là bộ sách Thái-bình-kinh của Đạo-gia, nói về âm-duyang ngũ-hành, và những chuyện vu-nghiên cùng những cách dùng phù-lục, v. v.. Lúc bấy giờ có người đem sách ấy vào dâng Triều-đình, nhưng quan hữu-tư cho là quyển sách ấy nói những sự yêu-quái rông-dài, bèn đem cất đi một chỗ. Sau anh em bọn Trương Giác được sách ấy dùng những yêu-thuật để củ-tập đồ-đảng, chẳng bao lâu mà ở nước Tàu đâu đâu cũng có người theo, vậy nên bọn ấy mới gây nên cuộc loạn Hoàng-cân. Cái thói lấy yêu-thuật mà làm loạn là khởi đầu từ đây. Cũng vì lẽ rằng người đời phần nhiều ngu-dại, hễ thấy ai bày ra những trò quái-lạ là hay đua nhau mà theo. Bởi thế cho nên mới có những kẻ dùng pháp-thuật phù-chú, đề mờ mắt những người vô-học, rồi hễ khi nào thấy cái số đồ-đảng của mình to lên, cái thế-lực của mình mạnh lên, là đem lòng mong sự tranh-bá đồ-vương. Ấy là thành ra cái mối loạn. Mà tự xưa đến nay bao nhiêu cuộc biến-loạn trong xã-hội Tàu thường cũng hay bởi những sự yêu-quái huyền-hoặc mà sinh ra nhiều hơn cả.

Vào quãng thế-kỷ thứ hai, đạo thần-tiên rất thịnh, vua Hoàng-đế (147-167) nhà Hán sai quan về Hồ-huyện làm đền thờ Lão-tử, rồi năm sau vua thân đến tế Lão-tử ở Trạc-long-cung. Lúc

tế bắt phải đánh nhạc tế Giao, nghĩa là tế Lão tử như tế trời vậy. Sự nhà vua công-nhận thờ Lão-tử là khởi đầu từ đây. Trong khoảng đời vua Linh-đế (168 - 188) và Hiến-đế (190-220) lại có một người tên là Tả Từ 左慈 vào tu ở núi Thiên-trụ 天柱山 được bộ kinh *Cửu-dan-kim-dịch* ở trong cái nhà đá, mới học được phép biến-hóa vô-cùng, gian-hùng như Tào Tháo mà định bụng giết cũng không được. Tả Từ truyền phép cho Cát Huyền đời Ngô Đại-đế (238 - 250), Cát Huyền truyền cho Trịnh Tư-Viên đời Tây-Tấn, Trịnh Tư-Viên truyền cho cháu Cát Huyền là Cát Hồng.

Cát Hồng 葛洪 ở đời Đông-Tấn là dòng-dõi thế-gia, lúc nhỏ đã học Thi Thư, sau mới kê-cứu các sách-vở, rồi chuyên-trị về đàng Đạo-học. Những sách của Cát Hồng soạn ra thì nhiều, nhưng về đàng thần-tiên truyện 10 quyển và *Bảo-phác-tử* nội-thiên 20 quyển nói về việc thần-tiên phương-lược, biến-hóa, dưỡng-sinh v. v., và ngoại-thiên 50 quyển bàn về việc phải trái trong thế-gian.

Sách *Bảo-phác-tử* nội-thiên giải-diễn các lẽ về đường tu-tiên, cho nên thật là bộ sách yếu-trọng của phái đạo-sĩ ; mà đạo thần-tiên cũng bởi sách ấy mà thành ra có đường-mối, và cái tôn-chỉ lại rõ-ràng hơn trước. Bởi vậy tưởng nên xét kỹ một vài cái đại-yếu để biết cho rõ cái tôn-chỉ ấy. Cát Hồng đem Đạo-giáo so-sánh với các học-phái khác : Nho-gia biết rộng mà cái cốt-yếu hẹp, công việc nhiều mà kết-quả ít ; Mặc-gia cần-kiệm nhiều mà khó theo ; Pháp-gia nghiêm-khắc quá mà không có ân-tình, phá-hoại mất cả nhân-nghĩa. Chỉ có Đạo-giáo là có thể khiến người ta đem cái tinh-thần mà chuyên về cái *một*, hề làm gì cũng đúng vào cái mục vô-vi, bao được cái hay của Nho-gia, Mặc-gia, tóm

được cái cốt-yếu của Danh-gia, Pháp-gia, cùng với thời mà dòi-dòi, ứng với vật mà biến-hóa, cái tôn-chỉ đơn-sơ mà dễ hiểu, công việc ít mà kết-quả nhiều, vụ lấy cái thiên-chân cho trọn vẹn và giữ lấy cái nguồn chân-tinh. Đối với Nho-giáo thì Cát Hồng cho Đạo là gốc của Nho, mà Nho là ngọn của Đạo 道者儒之本也. 儒者道之末也. Dạy cái cách lên xuống, cúi ngửng, cái thuật công-thủ tiến-thoái, cái tiết khinh - thân trọng-nghĩa, vui, lo, lễ, nhạc, mưu chước trị đời, yên dân, đấy là những điều Nho-gia chăm làm. Còn như không nghĩ đến sự-vật, không dùng đến trí-tuệ, bỏ hết cơ-biến, quên những cái giàu sang, cùng - khổ không lấy làm lo, hiền-đạt không lấy làm vinh, chê không lấy làm buồn, khen không lấy làm vui, đấy là cái nghiệp của Đạo-gia. Nho lấy tế-tự mà cầu-phúc, Đạo lấy chính mà trừ họa. Nho-giả sở-thích là thế-lợi, Đạo-giả sở-quí là vô-dục. Nho thì chăm-chăm về việc danh-lợi, Đạo thì giữ cái *một* để làm hay cho mình (1).

Thiết-tưởng đấy là lời của một nhà Đạo-học muốn tôn Đạo mà khinh Nho, chứ vị-lắt đã đúng với sự-thực. Nho-giáo tuy không nói đến những sự huyền-bí của tạo-hóa như Đạo-giáo, nhưng vẫn có phần thanh-cao trong cách giữ hồn-phận làm người. Cát Hồng là một nhà thiên về mặt thần-tiên, cho nên không những là chỉ - chích Nho - giáo mà thôi, lại bài-bác cả bọn Văn - tử Trang - tử, cho những bậc ấy tuy có tổ-thuật Hoàng-Lão, hiền-chương sự huyền-hư, nhưng chỉ diễn được cái đại-y, chứ không có điều nào là chí-ngôn, mà lại cho tử-sinh như nhau không khác gì, lấy sự sống làm khó-nhọc, sự chết làm nghi-ngoi, như thế là đã cách đạo thần-tiên xa lắm (2). Mà

(1) *Bảo-phác-tử* : Minh-bản, quyển thứ 10.

(2) — : Thích-trệ, quyển thứ 8.

cách xa thật, vì là chú-hiền trong Đạo - giáo đời trước chỉ chú về mặt triết-lý, chứ có nghĩ đến đường bảo-tồn cái xác thịt như bọn đạo-sĩ theo phái thần-tiên sau này đâu. Cứ như Cát Hồng thì những bậc hiền-triết ấy không phải là không muốn sống, nhưng chỉ vì không tìm được cái thuật khỏi chết, cho nên mới lấy chữ *lạc-thiên tri mệnh* 樂天知命 để cho khuây sự lo sự buồn đó thôi (1) — Cát Hồng phải bác cái lẽ triết-lý về sự sống chết đi, thì mới bày tỏ được cái đạo trường-sinh bất-tử của phái thần - tiên. Nhưng chỉ hiềm một nỗi rằng cái đạo trường-sinh bất-tử chỉ thấy có nhiều chuyện bịa-đặt ra mà không có bằng-cứ gì là xác-thực.

Cát Hồng cho những chuyện thần-tiên là chuyện thực có, và tin rằng người ta có thể thành tiên được, miễn là hiểu được cái huyền-đạo và biết cách tu-luyện thì ắt là thế nào cũng thành công. Vậy huyền là gì? Huyền là thủy-tổ của tự-nhiên, đại-tôn của muôn vật, sáng như mặt trời mặt trăng, nhanh như điện chạy, nhoáng như cái bóng đi qua, cứng hơn vàng đá, mềm hơn mưa móc, đến không có ai trông thấy, đi không ai theo đuổi được. Trời bởi cái huyền ấy mà cao, đất bởi nó mà thấp, mây bởi nó mà bay, mưa bởi nó mà xuống. Nó sinh ra cái nguyên-chất, đúc thành âm-dương, gây dựng ra muôn loài, thêm vào cũng không đầy, vơi đi cũng không vơi, cho không lấy làm vinh, cướp mất cũng không lấy làm khổ, cho nên cái huyền ở đâu thì đầy vui vô-cùng, huyền bỏ đâu thì đầy hình nát mà thần mất. Hễ ai đã biết được huyền-đạo thì khả được lâu dài, ai không biết huyền-đạo thì khó

lòng mà còn được 其知玄道者可與爲永。不知玄道者難與爲存。Cái huyền-đạo quan-hệ cho người ta lắm, vì rằng được cái huyền-đạo thì các điều hay minh thu nạp vào trong, mất cái huyền-đạo thì các điều hay lẩn nát ra ngoài, dùng cái huyền-đạo thì được cái tinh-thần, đánh mất cái huyền-đạo thì chỉ còn cái hình-thức, ấy là lời yếu-ngôn của Đạo vậy. 夫玄道者得之者內。失之者外。用之者神。忘之者器。此道之要言也。(2)

Có hiểu được cái huyền-đạo ấy thì mới tu-luyện được. Mà sự tu-luyện trước hết cốt lấy trung-hiếu, hòa-thuận, nhân-tín làm gốc. Nếu không sửa được cái đức-hạnh thì cầu cái huyền-đạo cũng vô-ích mà thôi, 求仙者要當以忠孝和順仁信爲本。若德行不修。而但務求玄道。無益也。bởi vì ở trên trời có thần tư-mệnh, xem xét những tội ác của người ta. Ai làm điều ác lớn thì thần tư-mệnh giảm đi một *kỷ* là 300 ngày, làm điều lỗi nhỏ thì giảm đi một *toán* là 3 ngày. Người ta sống lâu chóng là đã có cái định-số, như người nào có cái tiên - thiên tốt thì sống được lâu, ví bằng cái tiên-thiên kém mà lại phạm nhiều điều lỗi thì chóng chết. Ai muốn làm địa-tiên thì phải làm 300 điều lành, mà ai muốn thành thiên-tiên thì phải làm 1.200 điều lành. Nếu đã làm được một nghìn một trăm chín-mươi chín điều lành, mà lại phạm vào một điều ác thì bao nhiêu điều lành của mình đã làm cũng mất cả. Có khi việc của mình làm là việc lành mà bụng nghĩ đến điều ác thì việc lành ấy cũng không kể nữa. Nếu ai làm điều lành chưa đủ, mà dẫu có uống thuốc tiên cũng không thành tiên được. Mà ai đã làm điều lành, dẫu không được thuốc

(1) *Bảo phác-tử* : Câu câu, quyển thứ 14.

(2) — : *Xương-huyền*, quyển thứ nhất.

tiên, thì không thành tiên, nhưng cũng khỏi được cái họa phải chết phi-mệnh (1). Cát Hồng lại dẫn *Xích-tùng-tử-kinh* và *Hà-dồ-kỷ-mệnh-phủ* rằng : Trời đất có đặt thần tư-quá 司過 để xem xét những tội lỗi của người ta, tùy người phạm tội nặng nhẹ mà bớt số ngày đi. Số ngày mà bớt đi thì người ta thành ra nghèo cùng sa-sút và ốm đau, hay gặp những sự lo buồn, số ngày hết thì chết. Những điều làm cho người ta phải bớt số ngày thì nhiều lắm, kể không xiết được. Trong người ta lại có *tam-thi* 三尸 (2) là ba thứ thần. Hễ người ta chết sớm thì *tam-thi* ấy thành quỷ được phóng-túng đi chơi bời và hưởng sự cúng-tế của người ta, bởi vậy cứ đến ngày canh-thân nó lên trời đem những điều lỗi của người ta, lên bạch với thần tư-mệnh. Táo-thần là vua bếp cũng cứ tối ba-mươi lên trời khai những tội-lỗi của người đời.

Những điều lành ta nên làm là : lòng từ đến cả muôn vật, yêu người cũng như yêu mình, nhân cả với giống côn-trùng, người ta được điều hay thì mình lấy làm vui, người ta bị điều khổ thì mình lấy làm buồn, cứu-giúp người ta trong lúc cùng-cấp. Tay không giết giống gì sống, miệng không khuyên ai làm cái tai-vạ gì, không tự-cao, tự-khen lấy mình, không gheu-ghét người hơn mình, không xiêm-nịnh những kẻ gian-ác. Như thế mới được phúc ở trên trời và cầu tiên mới mong có công-hiệu được. Còn như những kẻ ghét điều lành ưa sự giết, mồm nói phải, bụng nghĩ xằng, giết hại người ta, lấy của người ta, v. v., thì không những là mình bị chết non, mà lại hại đến cả vợ con (3).

Những điều ấy chắc là có cái ảnh-hưởng của Nho-giáo và Phật-giáo, vì có lắm câu khuyển-thiện thật là chép trong sách nhà Phật ra. Dầu thế mặc lòng, cái nền luân-lý ấy vẫn không cao, vì rằng cái kết-quả chỉ cốt ở sự thiên-cận là sự sống lâu mà thôi, cho nên cái giá-trị thành ra kém đi mất nhiều. Vả lại cái nền luân-lý thực-hành ấy lại trái với cái tôn-chỉ thanh-tĩnh vô-vi và cái lý-trưởng « tuyệt-nhân khi-nghĩa » của Lão-tử. Nhưng đây là đạo thần-tiên đã khác với Đạo-giáo lúc đầu xa lắm rồi. Đạo thần-tiên chủ về sự bảo-tồn cái hình-thể của người ta, mong được thiên-vạn-niên không hư-hỏng, cùng với trời đất mà trường-sinh bất-lão. Ấy cũng là một cái vọng-tưởng thô-thiền do sự sợ chết mà thành ra. Nhà thần-tiên lại cứ hay lợi-dụng những sự mê-tin của nhân-chúng, và lại bắt-chước những cái tư-tưởng của người ta nhận làm của mình, có ý muốn lập thành một tôn-giáo có thế-lực để ganh với đạo Phật ; bởi vậy cho nên thần-tiên-phái không có cái gì là đặc-sắc, mà những cái tư-tưởng cũng không có gì là cao-kỳ vậy.

Bàn đến những phép tu-luyện thì Cát Hồng cho rằng có cái nền đạo-đức mới tu được đạo trường-sinh. Mà đạo ấy không phải ở sự tế-tự trời đất hay là sự thờ cúng quỷ-thần, chỉ cốt ở thần-đan 神丹 mà thôi. Thần-đan thì khó biết được và rất khó làm, nhưng đã làm được thứ « cứu-chuyển thần - đan 九轉神丹 » thì chỉ uống một chút là thành tiên ngay (4). Cứu-chuyển thần-dan là luyện nước vàng mỗi lần $9 \times 9 = 81$ ngày là một chuyển, mà phải 9 lần 81 ngày thì

(1) *Bảo-phác-tử* : Đối-tục, quyền thứ ba.

(2) Sách Phật gọi là *tam-bành*.

(3) *Bảo-phác-tử* : Vi-chỉ, quyền thứ 6.

(4) *Bảo-phác-tử* : Kim-dan, quyền thứ 4.

thần-đan mới thành. Thần-đan khó như thế, cho nên không mấy người luyện được mà thành tiên.

Trong phép tu-tiên có ba điều chi-yếu là hành-khí 行氣, hoàn-tinh 還精 và phục-dại-dược. 服大藥 Nhưng cần phải gặp danh-sư và phải chịu cần-khổ thì mới biết được những phép ấy, vì mỗi một phép có nhiều thứ, như hành-khí có những mấy phép, hoàn-tinh có hàng trăm việc, mà phục-dược có đến hàng nghìn điều.

10 Phép hành-khí có thể trị được trăm bệnh, cấm được rắn được hổ, ở được dưới nước, đi được trên mặt nước, chịu được đói khát, làm cho niên-mệnh của mình được lâu dài. Cái đại-yếu phép hành-khí là thai-tức 胎息, nghĩa là không thở bằng mồm bằng mũi, phải thở như lúc còn ở trong bào-thai vậy. Học phép hành-khí thì phải hít khí vào mũi, rồi nín hơi lại, mà trong bụng đếm từ một cho đến một trăm hai-mươi, rồi sẽ thở ra mồm. Lúc thở ra thở vào phải êm - ái đừng để tai mình nghe thấy tiếng thở. Trong lúc thở thì phải thở vào nhiều mà thở ra ít, và phải lấy cái lòng rất nhẹ để ngang mồm ngang mũi, rồi phải thở thế nào cho cái lòng không động-dậy. Cứ theo lối ấy mà thở, trước còn đếm từ một đến một trăm hai-mươi, rồi cứ tăng cái số đếm ngậm trong bụng lên cho đến một nghìn. Khi đã đếm như thế được đến một nghìn, thì có thể đổi già ra trẻ. Trong một ngày một đêm có 12 giờ : từ nửa đêm cho đến trưa là sinh-khí, từ đúng Ngọ cho đến nửa đêm là tử-khí, vậy phải tập thở vào lúc sinh-khí, chứ lúc tử-khí thì không có ích gì. Hễ ai đã học được phép hành-khí rồi, thì thổi vào nước là nước đang chảy

xuôi cũng chảy ngược lên mấy bước; thổi vào những giếng hồ-lang, thì hồ-lang phải phục xuống, thổi vào những rãnh rết phải cuộn lại v. v.. Học phép hành-khí thì cốt phải giữ cho yên-tĩnh, không được giận-giối làm cho loạn-khí, không nên ăn rau sống và thịt cá, những giếng ấy làm cho cái khí cường lên khó nín được.

20 Phép thứ hai là phép thuộc về phòng-sự, đã có người bàn đến : người thì bảo để hồ-cứu những cái hại đã tồn, người thì bảo để trị mọi bệnh, người thì bảo để sống được lâu. Tóm cái đại-yếu lại là cốt ở phép hoàn-tinh. Phép ấy thì các chân-nhân đời trước chỉ truyền miệng, chứ không có sách. Ai tu-tiên đã uống được danh-dược, mà không biết phép hoàn-tinh thì cũng không trường-sinh được. Vì rằng cái nhân-dục không giao thì thành ra bệnh ung-át, cũng không thọ được ; mà nếu cứ để tùy thích phóng-túng thì cái niên-mệnh cũng kém đi. Duy chỉ có điều-độ thì mới không tồn được (1)

30 Ba là thuốc kim-đan. Cát Hồng nói rằng vua Hoàng-đế ngày trước được phép dùng kim-đan mà lên trời, trường-thọ bằng trời đất. Sau Hoàng-đế truyền phép ấy cho Huyền-tử, có dặn rằng : Đạo này rất trọng, tất phải truyền cho người hiền mới được, nếu không phải là người hiền thì dầu có ngọc xếp bằng núi cũng không được. Khi mình dạy cho ai biết phép ấy thì phải làm người vàng, cá vàng, ném xuống sông rồi uống máu ăn thề mới được dạy. Còn phép nấu thuốc thì phải vào trong một núi danh-sơn, chọn chỗ nào không có người, và chỉ được ba người với nhau mà thôi, chứ không được hơn. Trước lúc nấu thuốc thì phải trai-giới một

1) Bão-phác-tử : Thích-trê, quyển thứ 8.

trăm ngày, tắm bằng nước hương, không được gần cái dơ bẩn. Hễ đi lại với người tục, hay là để cho ai là người không tin đạo mà biết thì thuốc nấu không thành được.

Thuốc thần-đan có 9 thứ: 1^o Đan-hoa 丹 花, uống xong 6 ngày thì thành tiên; — 2^o Thần-dan 神 丹 hay là thần-phù 神符, trăm ngày thành tiên; — 3^o Thần-dan 神丹, trăm ngày thành tiên; — 4^o Hoàn-dan 還丹, trăm ngày thành tiên; 5^o Nhĩ-dan 餌丹, 30 ngày thành tiên; — 6^o Luyện-dan 鍊丹, 10 ngày thành tiên; — 7^o Nhu-dan 柔丹, trăm ngày thành tiên; — 8^o Phục-dan 伏丹, uống thì thành tiên ngay; — 9^o Hàn-dan 寒丹, trăm ngày thành tiên. — Chín thứ thần-dan ấy phần nhiều nấu ra thành vàng được (1). Ngoài 9 thứ thần-dan ấy, lại còn có thứ thái-thanh-thần-dan 太清神丹 của Nguyên-quân 元君 là thầy Lão-tử truyền lại. Nguyên-quân là một bậc đại-thần-tiên, có thể điều-hòa được âm-dương, sai khiến được quỷ-thần, làm mưa làm gió, bắt long hổ đóng xe; các tiên trong thiên-hạ đều học tập ở đấy cả. (2)

Phép tu-luyện cốt có bấy nhiêu, nhưng không phải là ai cũng có thể tu được. Người nào đã không bâm-thụ được cái khí thần-tiên thì dầu có tu cũng không thành công. Mà ai đã

có cái khí thần-tiên ấy; thì ngay từ lúc còn ở trong bào-thai đã có cái tính tin đạo, đến khi sinh ra và lớn lên thì tự-nhiên muốn tu-đạo và gặp thầy giỏi truyền phép cho. Người ta có thể tu thành được ba thứ tiên. Một là thiên-tiên 天仙 là người uống được thần-dan, rồi giữa ban ngày bay bổng lên trời. Hai là địa-tiên 地仙 là người tu đắc-đạo mà chưa lên trời được, còn ở những nơi danh-sơn. Ba là thi-giải-tiên 尸解仙 là người chết rồi thoát xác mà thành tiên.

Những người đã thành tiên rồi thì bất-kỳ hạng tiên nào cũng có phép đoạn-cốc 斷穀 là nhịn cơm mà sống được, phép phù-thủy 符水 là dùng phù và nước mà chữa bệnh hay là trừ yêu quái, phép phân-binh 分形 là một người trong một lúc biến ra làm năm bảy người và phép hóa kim-ngân là phép làm ra vàng bạc. Đã là tiên, thì thường chỉ có nghề chuyên về đường tìm cây tim cỏ để làm thuốc chữa bệnh.

Đại-khái cả bộ *Bảo-phác-tử nội-thiên* của Cát Hồng là chỉ cốt bày tỏ các lẽ về đường thần-tiên, chủ-đích là đem cái tôn-chỉ của Đạo chú vào sự tu-luyện để bảo-tồn thân-thể tức là sự trường-sinh bất-tử vậy.

(Còn nữa)

TRẦN TRỌNG-KIM

(1) Phép nấu ra vàng này thì bên đạo thần-tiên lấy làm quan-hệ lắm. Không phải là làm vàng ra để làm giàu, nhưng có vàng thì mới luyện được thần-dan. Phép làm vàng trước ở bên Ấn-độ đã thịnh-hành lắm, có lẽ là bọn đạo-sĩ ở bên Tàu cùng học theo phép ấy mà thuật lại chẳng.

(2) *Bảo-phác-tử*: Kim-dan, quyển thứ 4.



HOÀI - NAM CA-KHÚC

(Thai-dương-xứ-sĩ HOÀNG QUANG nguyên-soạn)

Ông Hoàng Quang 黃光 người làng Thai-dương 邵陽, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên. Ông thông-minh hay chữ, có lòng trung-nghĩa; nhưng sinh phải thời Hậu-Lê, đương buổi rối loạn. Vậy ông ở nhà, tự-hiệu là Thai-dương-xứ-sĩ 邵陽處士. Vua Tây-sơn đòi ra cho làm quan, ông cũng không chịu làm. Ông thấy dân thời bấy giờ cực-khổ, nên mới làm ra bài ca nôm gọi là Hoài-nam-khúc 懷南曲, kể công-nghiệp triều Nguyễn ta từ đức Gia-dụ vào trấn Thuận-hóa đến đức Hiếu-võ là tám đời, Liệt-thánh kinh-doanh khai-thất làm cho dân càng giàu, nước càng thịnh. Đến khi đức Hiếu-định lên ngôi, tuổi còn thơ-ấu, Trương Phúc-Loan 張福巒 phụ-chính, tham-lam vô-đạo, làm cho việc nước càng ngày càng suy, trong thi giặc Tây-sơn nổi ở Bình-định đánh ra, ngoài thì chúa Trịnh sai quân ở Bắc-hà đánh vào, đức Hiếu-định phải chạy vào Nam-kỳ. Bấy giờ dân bị giặc-giã cực khổ đói khát, tình-trạng rất là thảm-thiết.

Khi ấy bà Ngọc-huyền-công-chúa là con gái đức Hiếu-võ, sao được bài ca ấy gửi vào cho đức Cao-Hoàng ở trong Gia-định, ngài tuyên đọc cho chư-quân nghe, thì nhiều người rơi lụy.

Khi đức Cao-hoàng đã thu-phục kinh-đô rồi, ngài có cho đòi ông Hoàng Quang để ban cho tước-lộc, thì ông ấy đã mất. Ngài mới ban cho con ông ấy là Hoàng Hoán làm chức Hàn-lâm, sau làm đến Tham-tri bộ Lại. Con ông Hoàng Hoán là Hoàng Huýnh, Hoàng Thọ, đều là hay chữ và làm quan to, Hoàng Huýnh làm đến Bộ-chánh tỉnh Gia-định, Hoàng Thọ làm đến Thi-lang bộ Binh, ấy cũng là một nhà danh-giá trong Thừa-thiên vậy.

Bài ca Hoài-nam này xuất-hiện ra lúc Nguyễn-sơ, đang buổi quốc-triều trung-hưng, thế mà trong bài ca ấy hay tán-dương được Hoàng-triều công-nghiệp, lại hay kể hết được dân-gian tình-trạng, cũng có đoạn sen thêm bài thơ, hoặc đặt thêm bài văn tế, giọng trầm-hùng, lời bi-tráng, làm cho người ta ăn cơm mới nhắc truyện cũ, ai cũng phải thương Nguyễn-chúa 阮主, nhớ Tiên-vương 仙王, hễ đọc đến câu văn thì giọt lụy khôn cầm, càng tỏ nhân-tâm lúc bấy giờ ai cũng nức lòng tư Nguyễn.

Ấy đấy, một bài văn quốc-âm mà hay cảm-động được lòng người cũng có thể giúp được một phần vào sự-nghiệp đời trung-hưng, lại đủ chứng rằng lúc Nguyễn-sơ chính là lúc văn-chương quốc-âm đương thịnh.

Bài ca này ông Hoàng Quang làm theo tiếng Trung-kỳ, mà dùng nhiều điển tích, bản-chí sao-lục bản cũ và chú-thích ra sau này, nếu có chữ gì, tiếng gì còn sai lầm, xin chư quân-tử bảo cho để sửa lại, trước là để ghi lấy tên ông Hoàng Quang, sau nữa là in được hai chữ Hoài-nam 懷南 về mai sau mãi mãi.

Ảnh chùa Hương (động Hương-tích)



Cửa chùa Thiên-Trù (lục gọi chùa ngoài)
Chùa Hương-tích, thuộc phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-dông,
là một nơi danh-lam thắng-cảnh xứ Bắc-kỳ.

Ảnh chùa Hương (động Hương-lịch)



Bến dò chùa Thiên-Trù. Mấy người bán mớ.



Đường núi đi vào động.



Cửa động (ảnh ở trong ra)

Ăn cơm mới, nhắc chuyện cũ,
Tương cơ-đồ Nguyễn - chúa thêm
thương!

Ngùi-ngùi nhớ đức Tiên-vương (1),
Công-phu chỉ ngõ mở đường vào đây.

Phân-cương từ chốn Lũy-Thầy (2),
Bắc nam tương-giới nào lay ngọn cờ.

Đề-phòng chẳng chút vi-sơ,
Đã hâm ao nóng lại hơ thành vàng.

Tượng vị trên chúa Đào-Đường (3),
Dưới tôi lại có những trang Cao

Qui (4).

Thang non bè biển đều về (5),
Có nhân trời đất cũng vì nữa ai.

Dây-dưa truyền đã bảy đời,
Kiệm cần còn hãy đội trời Thang
Văn (6).

Tám truyền mới đến tiên-quân (7),
Đai-cân mới đổi, áo quần mới thay (8).

Một trường lễ-nhạc xum-vầy,
Tranh treo thế - giới, gấm xây cung-
thành.

Đàn đàn hòa chẳng đua tranh,

Cửa quyền tia đỏ, lều tranh ý-là (9).

Ngậm cơm võ bụng đều ca,
Nhìn xem Nam-Việt ngõ là Đường,
Ngu (10).

Àu vàng vững dặt mấy thu,
Ở ăn nào có âu-lo sự nghèo.

Quấy đem trách bầy tôi yêu,
Mở đường một nước xui điều sâu dân.

Lợi đo từ tắc nhân phân,
Tầm xa dễ vậy, thước gằn ít ngay (11).

Chín trùng nào chúa có hay,
Lệnh ra thì ít, lạc bay thì nhiều.

Ngàn chung rước những sự nghèo,
Phủ xây oán-hận, thêm rào họa-tai.

Luống toan phú-quí làm mồi,
Đàn hòa lũ nịnh, phẩn giời mặt du.

Ngọt lời dễ tạt cho vua,
Cảm-ngón nào thấy một mồ Ti-Can (12).

Đề cho mạch nước hao-tàn,
Đào-khuê (13) cantẽ, chưa toan rước
thầy.

Trong khi cõi nước động lay,
Cung xanh trước quạnh chưa xây nền
Chừ (14).

(1) Tiên-vương là hiệu đức Gia-dụ, khi ngài trấn Thuận-hóa có nhân-đức, dân tôn lên gọi là ông vua Tiên.

(2) Là lũy Trường-dục ở Quảng-bình, ông quốc-sư Đào Duy-Từ coi làm lũy ấy, nên tục gọi là Lũy-Thầy.

(3-4) Đào-đường là họ vua Nghiêu; Cao, Qui là tên hai người tôi hiền của vua Nghiêu; vi như vua tôi triều Nguyễn bấy giờ đều hiền cả.

(5) Nghĩa là gần xa đều trèo non vượt biển đều về.

(6) Thang là vua nhà Thương, Văn là vua nhà Chu, đều là vua hiền.

(7) Tiên-quân là đức Hiếu-võ; từ đức Gia-dụ đến ngài là tám đời. Thái-tổ Gia-dụ (1558-1614); Hi-tôn Hiếu-văn (1614-1636); Thần-tôn Hiếu-chiêu (1636-1649); Thái-tôn Hiếu-triết (1649-1688); Anh-tôn Hiếu-nghĩa (1688-1692); Hiền-tôn Hiếu-minh (1692-1726); Túc-tôn Hiếu-ninh (1726-1739); Thế-tôn Hiếu-vô (1739-1766).

(8) Đời trước còn hiệu là chúa, đến đời đức Hiếu-vô mới xưng-vương, nên mới nói là mới thay đổi.

(9) Ý-là nghĩa là gấm-vóc.

(10) Đường là đời vua Nghiêu, Ngu là đời vua Thuấn; là hai đời thái-bình, đời vua Hiếu-vô cũng thái-bình như Đường, và Ngu.

(11) Thước đã không ngay, thì tầm cũng phải cong, nghĩa bóng là nhiều kẻ cong mình l uốn-lồi.

(12) Ti-Can là tôi hiền, can vua Trụ mà bị giết, đây là nói đời vua Hiếu-vô, không có bầy tôi hiền dám can ngăn vua như ông Ti-Can, chỉ toàn là nịnh-thần cả.

(13) Là tên tể thước hay.

(14) Cung xanh là cung của Thái-tử ở, Chừ là ngôi thái-tử đề chực sẵn rồi lên làm vua, khi ấy Thái-tử Hiệu là con vua Hiếu-vô mất sớm chưa lập ai lên thay.

Mười phần thế nước dưng tơ,
Đời không Tứ-hiệu ai hòa gỡ xong(1).

Hiềm-nghi ai khéo sinh lòng,
Ngọt-ngon một bánh chúc mừng các
con (2).

Xa lo kia hỡi Qui-tôn (3),
Giặc trong thêm vách, dạ còn nhớ
quên (4).

Giáp-thân chúa mới Tân-thiên (5),
Tranh nhau trận ấy ước nên dầm-vàng.

Đình-hồ (6) từ quanh xe loan,
Điện-vongngùi tả hai chương văn-từ(7).

Bài thứ nhất :

Ba chín năm dư sáng nghiệp vương,
Ản oai cương-đoán tốt đường gương.
Mặt nam đốc sửa trong phong-hóa,
Cối bắc thường cầm nổi bản-chương.
Cối nước chẳng toan tôn Thái-tử,
Mối nhà nữ để rỗi triều-cương.

Đã không Chiêu-Liệt còn chi nữa,
Bếp Hán ai nhen lửa dặng hương (8).

Bài thứ hai

Non nước trời nam đã bảy triều,
Nghiệp vương gây dựng để tôn-miêu(9).
Rõ-ràng chính-hóa đời Văn, Võ,
Réo-rắt (10) âu-ca thừa Thuấn, Nghiêu.
Của dặng Công-Lưu sao chẳng muốn (11),
Sắc như Đản-phủ cũng nên yên (12).
Cơ chi quốc-thúc còn Cơ-Đán (13),
Chống đỡ chi cho cõi nước xiêu.

Thơ thời chạnh tưởng bơ-vơ,
Thế này chưa biết cuộc cờ về ai ?
Lại cho cướp dặng bán trời,
Thẹn cùng Tử-Ngũ, hồ người Di, Tề(14).
Lại cho ôm dặng ngọc khuê,
Soi gương Nguyên - Cát, nhắm bia
Kiến-Thành (15).

(1) Là bốn ông già đời vua Hán Cao-tổ, làm vây cánh cho Thái-tử, nên Lã-hậu đầu muốn
cắt ngôi cũng không được.

(2) Thừa ấy vua Hiếu-võ se, ông Thái-tử Hiếu đã mất, ngài muốn lập ông Hoàng-tôn
Đương, mà chưa quyết, nên các con đều muốn cho mình làm vua.

(3-4) Đức Khổng-tử khuyên họ Qui-tôn 季孫 nên lo xa, vì còn sợ ở trong chốn thêm
vách, chớ không nên đi đánh rợ Chuyên-du 顛與.

(5) Tân thiên 賓天 là châu trời, năm Giáp-thân (1705) đức Hiếu-võ 孝武 băng-hà,
các ông con đều muốn tranh làm vua.

(6) Vua Hoàng-đế 黃帝 mất ở Đình-hồ, đây là mượn tích vua mất.

(7) Điện-vong 悼亡 nghĩa là viếng người mất, Văn-từ 挽詞 là lời viếng.

(8) Nhà Hán đã suy, lại có vua Chiêu-Liệt nổi lên, nổi dồng hỏa-đức nhà Hán, cũng như
thời bếp cho lửa cháy lên vậy.

(9) Tôn-miêu là đời con cháu về sau.

(10) Có bản nôm chép là « lè-luyện », và chua là một giọng hát, nhưng không tra rõ là giọng
hát gì.

(11-12) Công-Lưu muốn của, mà cũng làm cho dân được nhiều của. Ông Đản-Phủ hiếu
sắc, mà cũng làm cho dân trai gái cũng đều được chốn cả. Đó là điển kinh Thi, có giải
nghĩa ra ở sách Mạnh-tử, khen hai ông ấy là tổ vua nhà Chu, mà có nhân-đức.

(13) Cơ-Đán 姬旦 là ông Chu-công, chú vua Thành-vương nhà Chu. Khi ấy con đức
Hiếu-võ là Văn bị trầm, em đức Hiếu-võ là Hoàng bị sát, đều là bị oan cả. Đó là không có
người chống đỡ như ông Cơ-Đán, nên cõi nước xiêu dờ như vậy.

(14) Tử-Ngũ 子圉 là con vua Tấn Huệ-công đời Xuân-thu, nhân bà mẹ ghét, phải chạy
sang ở nước Tần, sau lại trở về làm vua, tức là Tấn Hoài-công. Di 夷 Tề 齊 là Bá-Di, Thục-
Tề, hai anh em ruột, con vua Cô-Trúc, cũng nhường nhau không chịu làm vua, đều lên ở
trên núi Thủ-dương.

(15) Nguyên-Cát 元吉, Kiến-Thành 建成 là hai con ông Đường Cao-tổ, anh ông Thế-
Dân, thấy Thế-Dân giỏi, có công-nghiệp, sợ sau được làm vua, bèn cùng mưu hại em.

Nỡ nào cốt-nhục phân-tranh,
 Chẳng hay thiên-ý đã dành chân-vương.
 Một mình ấu-chúa đảm-đương(1),
 Cựu-dinh may lại có trang anh-hùng.
 Mượn tay kia bẫy Trương-công,
 Gót gian ăn-tích, da trung lộ ngăn.
 Cùng thuyền e lậu tắc phân,
 Âm-mưu Hữu-Ý uống hẳn chín sông(2).
 Hòa triều đều rứt lưỡi trung,
 Nào ai có dám cãi trong ngọc-trần.
 Chua le thay ! nổi ân-cần,
 Béo gầy khéo mượn Việt Tần lòng
 thương(3).
 Chín truyền bèn đến Tân-
 vương(4).
 Ấu-thơ nào biết mối đường đảm-đương.
 Trưng-xưa Thái-Giáp thêm thương,
 Mấy lần bầu trách « phúc Thang
 điển-bình »(5).

Cơ chi có Doãn A-hành(6),
 Làm chi đến nổi rồi mảnh nhà
 Thương.
 Trách vì quốc-phó họ Trương,
 Chánh-quản(7) khéo khéo chẳng
 nhường Y Châu(8).
 Của dân muốn một mình thâu,
 Như sành còn hãy rán dầu cho khô !
 Muốn chung ăn tưởng chữa no,
 Cùng loài hãy muốn lên gò cho cao(9).
 Một đoàn phú-quí xôn-xao,
 Trâm-anh còn bủ, đai-bào còn
 mem(10).
 Trong triều hòa những con em,
 Có ai mà lại nghi-hiền dạ ai ?
 Đua nhau ăn uống cơm trời,
 Cạnh đường thịt chạy, nhuận vời thầy
 đi(11).

(1) Tòa ấy ông Thái-tử Hiệu đã mất sớm, ông Hoàng - Tôn Dương 陽 còn nhỏ. Vua mới lập ông Hoàng-tử Vô 瑀, giao cho Hữu-nội-quân Ý-lức-hầu 懿德侯 nuôi. Đến khi vua băng, Thái-giám Đỗ Đức 杜德 và Chương - dinh Nguyễn Cửu - Thông 阮久通 thông mưu với quyền-thần Trương Phúc-Loan 張福爵 trá-truyền di-chức lập ông Thiếu-tử Thuần 淳 làm vua (tức là Duệ-Tôn-Hiếu-Định 睿尊孝定). Bèn phục-binh giết Ý-lức-hầu và hồ tũ ông hoàng-tử Vô. Vua Duệ-Tôn mới 12 tuổi, con thứ 16 vua Hiếu-võ, cháu ngoại Trương Phúc-Loan, sau chạy vào Nam-kỳ, băng tại tỉnh Định-trương.

(2) Hữu-Ý 右懿 là Hữu-nội-quân Ý-lức-hầu, về phe ông hoàng-tử Vô. Trương Phúc-Loan hồ tũ ông Vô, phục-binh giết Hữu-Ý, để mà lập đức Duệ-Tôn. Đó là kẻ ông Hữu-Ý phải nuốt sự giận mà chết.

(3) Người Tần coi người Việt béo hay gầy cũng chẳng thương xót gì. Đó là nói nổi ân-cần giả cách thương yêu.

(4) Tân-Vương là đức Duệ-tôn lên làm vua từ năm 1766 đến năm 1777.

(5) « Phúc Thang điển-bình » 覆湯典型 nghĩa là nói Thái-Giáp còn bé làm nghiêng đổ cả phép-tác vua Thang.

(6) Doãn A-hành 尹阿衡 là ông Y-Doãn làm quan A-hành đời nhà Thương giúp vua Thái-Giáp làm nên được vua hiền. Đây là nói như có Phụ-chính giỏi như Y-Doãn, thời nước Nam sao đến loạn; vì Trương Phúc-Loan tham-ô quyền-hoạch quá mà không ai dám nói, nên nước mới suy.

(7) Chánh-quản 正君 nghĩa là giúp vua cho ngay.

(8) Y là Y-Doãn, Châu là Châu-công. « Chẳng nhường Y, Châu » có bản chép là : « giả đường Y, Châu. »

(9) Mạnh-tử rằng : Kẻ tiện-trương-phu đến chợ, lên gò cao để hóng lợi. Đây là nói đã làm quan mà lại hóng lợi riêng.

(10) Câu này có bản là : « Trâm-anh còn rử đai-bào còn niêm. »

(11) Lũ những người vô-dụng chỉ như thịt chạy thầy đi cạnh đường nhuận vời mà thôi.

Cho hay Thuấn đã qua kỳ,
Tài dầu chẳng sánh Cao Qui cũng
dâng (1).

Của tiền thì dặng tri-thần,
Thiếu-tiêu tu-cần, dầu học chi nên.
Mãn-triều châu-tử vẻ-vang,
Đều những đọc tiền, nào thấy đọc thơ!

Học-trò là báu nước nhà,
Non cao hang thẳm tiếc đà bỏ rơi.

Há rằng chẳng có bằng trời ?
Thi tiền thì đỗ, thi tài thì bay.

Anh-hùng khó chịu chau mày,
Nhà giàu con trẻ lướt mây thè-lè.

Có tai bùng-bít chẳng nghe,
Đã chẵn sao đề trâu dê gầy mòn (2) ?

Nỡ tàn cõi nước chẳng vun,
Ngọc vàng con hát, lấm bùn trắng dlan.

Ăn chơi cho sướng cái thân,
Béo mình những tưởng, ốm dân chi
sờn.

Lấy ai cứu chúng lâm-than ?
Nóng muốn thêm nóng, sâu càng thêm
sâu (3).

Hãy còn hối-lộ tham cầu,
Chút hờn dưới thẳm, chông sâu trên
xanh.

Có phen Bạt-qui (4) hiện-hình,
Ba đồng rục-rở trên nhánh trở lam.

Có phen chan-chứa nguồn tham,
Lụt dẫy Hàn-đàm, nước đục dòng Xuân.

Có phen diêm biện yêu-phân (5),
Trời năm sáu mặt treo ngàn giữa
không.

Có phen sấm-sét bão-bùng,
Lúa có hoàng-trùng, nội có hồ-lang.
Có phen diêm giới sắc-hoang (6),
Tối-tăm hồng-nhật, rõ-ràng tuệ-tinh.
Có phen diêm ứng giáp-binh,
Nước sông dường máu đã tanh lại
nồng.

Có phen diêm ứng hư-không,
Lở non nên vực, cạn sông nên gò.

Có phen dậy trận đánh khua,
Bồng-dưng đất động trái mùa sấm ran.

Có phen cốt-nhục tương-tàn,
Ban ngày sao mọc, rõ-ràng hơn đêm.

Mống bày mười mắt thừa xem (7),
Tham vui nào có nghi-hiềm sự chi.

Há rằng trời chẳng lòng vi,
Mấy diêm răn trước, hay gì đã nên.

Trách vì phụ-tá chẳng hiền,
Lợi tai vui mắt, lại quên sự nghèo (8).

Rõ-ràng lỗ miệng khéo thêu,
Áo che việc dữ, bia treo sự lành.

Khiến trên ngăn lấp thánh-minh,
Ấu-sung (9) nào biết bất-bình lẽ chi.

Đua nhau quấy rối triều-nghi,
Kiếm đồ ngoạn-bảo dị-kỳ dăng lên.

Nào hay thuốc độc bề trên,
Mê-tám không tưởng nước nên sự
nghèo.

Kể từ ất-dậu lâm-triều,
Rồi qua qui-tịch lúc nghèo chín năm (10).

Giặc dân nổi dậy xứ Chiêm (11),
Tây-son Biện - Nhạc nghĩ cầm Võ,
Thắng.

(1) Câu này ý là nói vua Thuấn đã qua, dầu kẻ không có tài sánh bằng Cao, Qui cũng được làm quan.

(2) Chẵn dân như chẵn trâu dê, không nên để gầy mòn.

(3) Mạnh-lử có chữ rằng : « Hỏa ích nhiệt, thủy ích thâm », nghĩa là dân đã khổ lại làm tàn-bạo thêm, vì như lửa lại thêm nóng, nước lại thêm sâu.

(4) Là thần làm nắng.

(5) Là khí mây quái gỡ.

(6) Hoang chơi nữ-sắc, thi trời hiện diêm rần.

(7) Ý là rõ như mười mắt trông một.

(8) Mạnh-lử có chữ : « An kỳ nguy, lợi kỳ tai, lạc kỳ sở dĩ vong giả. 安其危。利其災。樂其所以亡者。 » nghĩa là lấy sự tai vạ làm lợi, sự mất làm vui, sự nguy làm yên.

(9) Ấu-sung là trẻ trung.

(10) Là khoảng năm Cảnh-hung thứ 34 nhà Lê.

(11) Là tỉnh Bình-định, nguyên trước thuộc Chiêm-thành.

« Phú-minh diệt-ám » tiếng vang,
Đã liều búa sắt, gươm vàng quân chi.
Trong non khói lửa đen xi,
Cờ thì treo áo, binh thì rút cây.

Rủ nhau chuột lỗ cáo bày,
Vuốt nanh khách-khừa, cánh vai
buôn-bè (1).

Nực cười châu-chấu chống xe,
Những ngờ châu ngã, ai dè xe nghiêng.

Lớn oai sao nó chẳng kinh,
Đầu còn chó gặm, sau liền kinh ăn.

Tỏi dầu ngọc-thạch câu phần (2),
Than rằng Thăng Điện ấy dân-tội gì (3)?

Triều-dinh xa để chẳng nghe,
Đã đành đuổi cáo muông què nhọc
khua.

Há không lương-sĩ cù-cù (4)?
Bởi vì ngọng miệng xói chầu tham
ăn (5).

Há không lúa thóc đầy căng?
Ba quân đánh giặc phải ăn cơm nhà.

Há rằng chẳng sắc can-qua?
Can-qua sắc nữa, ai hòa đánh cho.

Chẳng nài trăm trận đều thua,
Miễn là dắc-thắng đầy kho bạc vàng (6).

Tinh-binh đồn-thủ Phấn-dương,
Đem binh lão-nhược lọt đường Tây-
son.

Ài ngoài sai chúng khó-khăn,
Góc nhà đồn-thủ về phần cháu con.
Trận bày dưới biển trên non,

Vây dân tiền của đắp đồn miễn hơn.
Khéo là đành dạ bất-nhân,
Một mình muốn sống, muốn dân nở
hoài.

Vì dầu Xướng ngựa lên ngai,
Không dân chưa dễ cùng ai sang giầu
Trông hơn nào thiệt có ầu,

Nước nhà đã mất công hầu cùng ai?
Sao không chống sức ra tài,

Lấy gan làm lủy, lấy vai làm thành.
Đề cho giặc nọ vô-danh,

Xôn-xao ếch giếng khoe mình nổi
chi.

Anh-hùng đã phải tế-thì,
Nào là tài-cán chẳng đi dẹp loạn?

Bình-cơ khéo vận trong màn,
Chưa lo đánh giặc, đã cần đánh dân.

Mới hay Tần lại công Tần (7),
Quét hang đã lỗ, cây sần lại chịu (8).

Đến đâu máu mỡ đều hao,
Của dân sao khéo tư-hào chẳng kiêng.

Ài làm dân Quảng-truân-chiên,
Dễ hầu gà lược mấy pheo nữa là.

Tranh nhau mấy trận vào ra,
Xương phơi trắng núi, máu hòa đỏ
sông.

Lấy ai làm trước chiến-phong;
Trận-tiền dễ thấy anh-hùng mặt nao?

Tả-quân tuy có tài cao,
Than rằng hùm một nài sao cáo bày!

Hãn sinh Võ-mục đời này (9),

(1) Nguyễn Văn-Nhạc cùng em là Huệ, Lữ khởi binh, có mộ hai người khách tên là Tập-dinh, Lý Tài, coi hai đạo quân là: Trung-nghĩa đạo và Hòa-nghĩa đạo.

(2) Lửa cháy núi Côn-cương, ngọc đá đều cháy. Mượn nghĩa rằng giặc đến đâu thì dân đều hại cả.

(3) Thăng 升 Điện 奠 là phủ Thăng-ba, với Điện-bàn-thuộc tỉnh Quảng-nam. Giặc Tây-son nổi lên đánh ra đến Quảng-nam, gặp quân Nguyễn-triều đánh vào. Phủ Thăng-ba với Điện-bàn hai đầu đều thụ-địch, dân cực-khổ lắm.

(4) Lương-sĩ cù.cù 良士 矍矍 nghĩa là kẻ tướng-sĩ mạnh-mẽ, đó là chữ kinh Thi.

(5) Khi ấy sai quan-quân đi đánh giặc, ai không muốn đi thì lo tiền với Trương Phúc-Loan. Còn những người không tiền thì phải đi, nên không ai có bụng đánh giặc, trăm trận đều thua.

(6) Quân hơi thắng được một chút, Trương Phúc-Loan tâu với vua rằng đại-thắng, xin thưởng cho tướng-sĩ.

(7) Nghĩa là lấy binh-lương của nhà Tần mà lại đánh nhà Tần.

(8) Quét hang, cây sần, nghĩa là đánh trận đi.

(9) Hãn sinh 罕生 là ít khi sinh ra được. Võ Mục 武穆 là hiệu Nhạc-Phi là trung-thần danh-tướng đời nhà Tống.

Có Trương Tần - Cối khó bày nên
công (1).

Xa-xôi nào thấu chia trùng,
Có hay mưu hãm anh-hùng vậy chẳng?
Tiếc tài chân-tướng ai bằng,
Tạc bia muôn thửa kích dăng một đề.

Thơ rằng :

*Vô-kỳ lục-lục lũ muôn ngàn,
Khen Tả-quân Du có tri ngoan.
Ngoài cõi vững bền thành họ Lý (2),*

*Trong quân da lạnh khổ người Hàn(3).
Điêm trời cõi bắc còn bia tiếng,
Trái đất non tây thấy nếp gan.
Khá tiếc dương nghèo trong vận nước,
Anh-hùng nữ đề luy ba-lan !*

Thơ thôi thâm-thiết nhiều bề,
Trưởng anh-hùng lại càng ghê nổi lòng!
Ngao cò dùng-dắng dư đông,
Bắc-hà chốc đã chén nồng ống ngư(4).

(Còn nữa)

KHẢO VỀ CÁC LỐI VĂN TÀU

III

V. — Thê văn tặng-tự

Xưa nay tuyên cô-văn vẫn cho thê văn
Tặng-tự với thê văn *Tự-bạt* hợp làm
một. Đến Diêu-thị soạn ra tập *Cô-văn từ-
loại* mới chia hai thê văn ấy ra làm hai
mục. Song nguyên cái cơ sở-dĩ gọi là
Tự là vì khi tiên-biệt những người thân-
cố cùng nhau làm ra thơ ca, đề tả cái
tình quyến-luyến ; những thơ-ca ấy
tích lại thành tập thời phải có bài *Tự*,
đề thuật lại sự duyên-khởi, thê cho nên
cũng không khác gì thê văn *Tự-bạt*.
Nhưng cũng có khi không cứ rằng có
thơ ca mới làm *Tự*, hoặc là chỉ chuyên
làm bài *Tự* đề tiên tặng người, từ bấy
giờ mới khác với thê văn *Tự-bạt*, họ
Diêu phân ra là phải. Phạm thuộc về thê
văn *Tặng-tự* phân ra có 4 mục: *Tự* 序,
Thọ-tự 壽序, *Dẫn* 引, *Thuyết* 說.

1) *Tự*. — Thê văn *Tặng-tự*, cốt sao
viện-dẫn được cô-nghĩa đề tả cái ý
khuyến-miễn, như thê mới hợp cái ý
cô-nhân làm-biệt tặng - ngôn. Nếu chỉ
tả cái tình riêng lẫn-mẫn như lời
dàn-bà thì không phải cách. Ông Hàn
Xương-Lê sở-trường nhất về thê văn
tặng-tự này.

2) *Thọ tự*. — Thê văn này mới thấy
ở đời Nguyên, đến khoảng giữa đời
Minh về sau mới thịnh-hành. Song lời
văn phần nhiều là lời phù-phiểm nói
dua-nịnh, đó là thê văn kém. Còn như
người hay chữ làm ra, thì mới có nghị-
luận, cũng gián-hoặc có bài hay.

3) *Dẫn*. — *Dẫn* là một biệt-danh về thê
văn *tự*.

4) *Thuyết*. — Trong thê văn luận-
biện có thê văn *thuyết*, duy trong tập

(1) Tần Cối 秦檜 là nịnh-thần làm Thừa-tướng đời vua Cao-tôn nhà Tống, vu-hãm giết Nhạc-Pai ; Trương Phác-Loan cũng là gian-nịnh, nên người ta gọi là Trương Tần-Cối 張秦檜

(2) Ví như là Lý Tích tướng giỏi nhà Đường.

(3) Hàn Kỳ tướng nhà Tống.

(4) Cò chai dùng-dắng giữ nhau, ngư-đang đến chụp cả đôi, ví như quân Nguyễn-triều đánh nhau với Tây-sơn, thì quân Trịnh tự Bắc-hà vào đánh chụp cả hai bên.

văn cô-nhân thường nói là *mô-thuyết* là của người này làm ra, ngữ-khi cũng không khác gì thể văn *tặng-tự*.

VI. — **Thề văn chiếu-lệnh**

Chiếu-lệnh là cái lời người trên bảo người dưới, thề văn ấy thấy ở kinh Thượng-thư có nhiều, song trong kinh Thượng-thư không thấy có tên hai chữ *chiếu-lệnh*, đến đời Tần mới thấy có. Đời sau thời cho thề văn *Chiếu* là chuyên thuộc về lời nói của vua. Lệnh thời thông-dụng cả. Duy Tăng-thị biên - lục các văn Kinh Sử bách-gia-tạp-sao, như bài thư Mã-Viện răn con nhà anh, bài thư Trịnh Huyền răn con, đều đề vào thề văn *Lệnh*, như thế thì phạm những thư của các bậc tôn-trưởng răn bảo kẻ ti-ấu, đều có lời qui-giới, những thư như thế biết là bao nhiêu, dễ thường đều cải đi không gọi là *thư* nữa mà cho thuộc cả về mục *lệnh* hay sao? Như thế thì không thể theo được. Phạm thuộc về thề văn *chiếu lệnh* phân ra có 35 mục: *Chiếu* 詔, *Tức-vị-chiếu* 卽位詔, *Di-chiếu* 遺詔, *Lệnh* 令, *Di-lệnh* 遺令, *Dụ* 諭, *Thư* 書, *Tỉ-thư* 壺書, *Ngự-trát* 御札, *Sắc* 敕, *Đức-âm* 德音, *Khẩu-tuyên* 口宣, *Sách-vấn* 策問, *Cáo* 誥, *Cáo từ* 告詞, *Chế* 制, *Phê-đáp* 批答, *Giáo* 教, *Sách-vấn* 詩文, *Thụy-sách* 諡, *Ai-sách* 哀冊, *Xá-văn* 赦文, *Hịch* 檄, *Điệp* 牒, *Phù* 符, *Cửu-tích-văn* 九錫文, *Thiết-khoán-văn* 鐵券文, *Phán* 判, *Tham* - bình 參評, *Khảo-ngữ* 考語, *Khuyến-nông-văn* 勸農文, *Ước* 約, *Bằng* 榜, *Thị* 示, *Thẩm-đơn* 審單.

1) *Chiếu*. — Vua Văn-vương nhà Chu có bài *Chiếu* cho Thái-tử Phát, thề văn *Chiếu* là bắt đầu từ đó. Đời sau truyền là tự Tần Thủy-hoàng mới làm ra thề *Chiếu*, song không thấy còn có bài văn nào. Đời Hán thời còn truyền lại nhiều thề văn *Chiếu*, văn-từ diên-lhã, các *riều* không thể kịp được, vì văn đời

Hán còn là cận-cổ. Đời Đường vì bà Võ-hậu tên là *Chiếu*, nên tị-húy đổi bài *Chiếu* gọi là bài *Chế*. Đến khoảng giữa đời Đường lại gọi là bài *chiếu*, đó là những bài không phải dùng ở triều Võ-hậu chăng.

2) *Tức-vị chiếu*. — Ông vua mới lên ngôi tất là ban chiếu cho tứ-phương, không cứ rằng vua khai-sáng hay vua nối ngôi đều có ban chiếu cả. Song từ đời Tống đời Nguyên trở về trước thì không thấy có thề văn ấy.

3) *Di-chiếu*. — Đó là lời lúc vua gần mất, tựa kỹ mà dặn lại, xem như thiên Cổ-mệnh ở kinh *Thư* thời là bài văn rất cổ. Còn phần nhiều là lời kẻ đại-thần làm thay, cũng có một vài thiên có thể tin là tự tay vua làm ra.

4) *Lệnh*. — Về thời Tam-đại lời vua bảo kẻ dưới thời gọi là *Mệnh*, như là thiên *Vi-tử chi mệnh* 微子之命, *Văn-hầu chi mệnh* 文侯之命, chép ở kinh *Thư*. Đời sau mới bỏ thề văn *Mệnh* đi, mà làm ra thề văn *Lệnh*. Lưu Tai có nói rằng: « Về đời thất-quốc đều xưng là *Lệnh*. » Xem như Tần Hiếu-công có bài văn hạ-lệnh cho trong nước thì khá rõ. Nhưng trong tập *Văn-tuyên* có chú rằng: « Phép nhà Tần: Hoàng-hậu với Thái-tử mới xưng *Lệnh*. » Song Tần Thủy-hoàng lúc mới kiêm-tính được thiên-hạ đã có hạ lệnh xuống bàn về đế-hiệu, ý hẳn là lúc còn chưa định phép-chế, vua thiên-tử cũng thông-dụng cả tờ lệnh chăng. Tự đời Tần trở xuống, vua thiên-tử và kẻ thần-hạ đều thông-dụng tờ lệnh cả, chớ không có định-chế phân-biệt.

5) *Di-lệnh*. — Đó là lúc người trên gần mất, có lời đề lại răn dạy người sau, đều thông-dụng được cả.

6) *Dụ*. — Sách *Tả-truyện* có chép rằng: « Chu thiên-tử dụ-cáo các nước

Chư-hầu » thể thì gọi là thể văn *Dụ* đã thấy ở đời Xuân-thu. Hán Cao-tổ cũng có bài *Dụ* khi vào đất Quan-trung. Đời Tiền-Thanh tự thiên-tử ban *dụ* ra thì gọi là *Thượng-dụ*. Các quan trên bảo kẻ liêu-thuộc cũng gọi là *Dụ*.

7) *Thư*. — Thời nhà Hán có thể văn *chiếu-thư*, *sách-thư*, *chế-thư* thể-chế đều nghiêm-trang lắm. Cũng có khi chỉ gọi là *Thư* là tự thiên-tử đưa thư cho thần-hạ, lấy tình thân như bè-bạn, chớ không kể gì tôn-ti, đó là còn gần thời cổ, còn có cái ý kể trên người dưới thân nhau. Tự đời Đường trở về sau, thần-hạ gián-hoặc dùng thư đưa cho các nước ngoại-phiên mà thôi.

8) *Ti-thư*. — Cổ-giả những ấn-chương của thần-hạ dùng, đều được gọi là *Ti*, cho nên thư-từ cũng được gọi là *Ti-thư*. Đời sau chỉ có ấn của thiên-tử mới xưng là *Ti*, nên chỉ có thiên-tử mới được ban *Ti-thư*.

Ti-thư tức là một biệt-danh từ chiếu-sắc, đời nhà Hán thường thấy có. Đến đời Đường thời gián-hoặc mới có từ *Ti-thư*, đời Ngũ-đại về sau thời không thấy có nữa.

9) *Ngự-trát*. — *Trát* tức là biệt-danh một từ thư, tự thiên-tử làm ra thì gọi là từ *ngự-trát*. Đời sau thì chỉ có những từ công-văn mới gọi là *Trát*, chớ lời nói của vua không thấy gọi là *Trát* nữa.

10) *Sắc*. — Sách *Hậu-Hán - thư* về *Quang-vũ-kỷ* có chép rằng : « từ thư của vua có bốn thứ : 1. *sách-thư*, 2. *chế-thư*, 3. *chiếu-thư*, 4. *sắc-thư* ». *Sắc* là có nghĩa răn bảo, cho nên lại gọi là giới - sắc. Đời nhà Hán cứ mỗi quan Thứ-sử, Thái-thủ đi phó-nhiệm, đều có cấp cho từ *sắc-thư*. Người nhà Tống dùng *sắc - thư* làm một từ *tướng-dụ*, thời không phải nghĩa. Đời Minh phạm sai khiến quan đại-thần, đều có ban cho từ *sắc* để làm việc. Đời

Thanh thời duy có việc phong-tặng mới dùng đến từ *sắc*.

11) *Đức-âm*. — Kinh *Thi* có câu : « *Đức-âm trát-trát, đức-âm mạc-vi* » Nghĩa là lời nói người có đức có thứ-tự mà không trái, đó là tán-tụng lời nói của người hiền, chớ không hẳn trở vào lời nói của vua. Đời Đường Tống, ngoài thể văn chiếu-sắc ra, lại biệt có một thể văn *Đức-âm* nữa, dùng để gia-ân cho người thân, tức như đời sau gọi là từ *ân-chiếu* vậy.

12) *Khẩu-tuyên*. — Chỉ-dụ của nhà vua lại có biệt-danh là *tuyên*, cho nên truyền-chỉ gọi là *truyền-tuyên*, hậu-chỉ gọi là *hân-tuyên*. *Khẩu-tuyên* nghĩa là lúc lâm-thời tạm sai người thân-thần *tuyên-truyền* ý vua ra, cho nên lời *khẩu-tuyên* chỉ có và câu văn mà thôi. Trong văn-tập người đời Tống cũng thịnh-thoảng mới thấy có.

13) *Sách-vấn*. — Đời vua Văn vua Võ nhà Hán đều có ra bài sách-vấn đề thi khoa hiền-lương văn-học, đời sau bài sách thi học-trò là bắt đầu từ đó. Tự đời Nam-Bắc triều đến đời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh cũng vẫn theo như thế mà không đổi. Cũng có khi vua thân-ngự tự ra bài sách để hỏi học-trò, cũng có khi giao cho các quan hữu-ty làm chủ - khảo.

14) *Cáo*. — Gọi tên là bài văn *cáo* mới thấy tự kinh *Thư*, xuất-hiện ra trước văn chiếu-lệnh. Đời Hán, Đường ít thấy có. Đời Vương Mãng, Tô Xước có làm bài *Đại-cáo*, song chẳng qua là chỉ lấy ý mà mô-phỏng văn cổ, chớ không phải là thể văn thường dùng. Đời Tống hề trao chức quan cho kẻ thần-hạ thì hay dùng từ *cáo*, cũng như là từ *Cáo-thần* đời Đường. Đời Thanh thời đều dùng cả từ *cáo* từ *sắc*, cứ theo thứ bậc phẩm quan cao thấp mà ban cho.

15) *Cáo-từ*. — *Cáo-từ* là trao cho người làm quan, tức là một tên riêng thuộc về loài văn *Cáo*, cũng đại-lược giống như tờ *Cáo-thân* đời Đường.

16) *Chế*. — Sách *Văn-tâm điều-long* rằng: «*Đời Tần kiêm-tính thiên-hạ, đổi tờ mệnh gọi là tờ chế.*» Song không còn xét thấy văn nữa. Hán-thư có chép khi bà Cao-hậu lâm-triều tự-xưng tờ *chế*. *Chế* tức là tờ *chiếu*, chỉ là gọi khác tên đó thôi. Đời Hán tờ *chiếu-thư*, vẫn thường nói chum là *chế-chiếu*, đủ chứng rằng *chế-chiếu* cũng là một. xem như vua Vũ-đế có ba bài *chiếu* thi khoa hiền-lương truyền về đời sau cũng hoặc gọi là bài *chế*. Lúc đầu đời Đường bài *chế* cũng không khác gì bài *chiếu*. Đến thời Võ-hậu vì tị tên húy nên chỉ gọi là bài *chế*, chớ không gọi là bài *chiếu* nữa. Đời Tống khi nào có bổ quan cho người nào thì mới ban cho tờ *chế*. Chức quan làm thay tờ *chế* cho vua ấy gọi là quan *Chưởng-chế*, và cũng gọi là quan *Tri-chế-cáo*.

17) *Phê-dáp*. — Thời nhà Đường chỉ gọi là *phê*, như Trương Cửu-Linh có *phê* vào bài tấu của Trương Thủ-Khuê đưa An Lộc-Sơn vào cửa khuyết. Trong tập văn Nguyên-vi cũng có câu *phê* vào bài tạ-ân-biêu của Lưu Ngộ, câu *phê* vào bài tạ-quan-biêu của Vương Bá. Đến đời Tống mới gọi là *phê-dáp*, từ đó về sau, gọi là *phê* thì các quan lớn cũng có khi được dùng; còn gọi là *phê-dáp* thì chuyên thuộc là lời nói của vua.

18) *Giáo*. — Sái Ung nói rằng: «*Lời nói vua chư-hầu gọi là Giáo.*» Nghĩa là lời người trên dụ-bảo kẻ dưới. về đời Hán đã thấy có, đời Tấn Ngụy hãy còn thường thấy. Nay thời Tống gọi là *Dụ*, chớ không gọi là *Giáo* nữa.

19) *Sách-văn*. — *Cổ-giả* phạm phong trước đều ban cho tờ *sách*, tức như *Tả-*

truyện có nói sự sách-mệnh Tấn-hầu làm tước hầu-bá. Song không còn xét thấy văn nữa. Đời Hán những bài *phong-sách* còn thấy chép ở trong sử họ Mã họ Ban. Song cách quan cũng thấy dùng đến tờ *sách* như là vua Ai-đế nhà Hán có giáng tờ *sách* miễn-quan người Bành Tuyên và tờ *sách* miễn-quan người Sư Đan. Đời sau đổi chữ 策 sách này ra chữ 冊 sách này, cũng tức là tờ *sách*, xem như thiên Cố-mệnh trong kinh *Thư*, cũng là một thể văn cổ vậy.

20) *Thụy-sách*. — Đó là cái bài văn dâng tên thụy, đều là lời kê bày công-dức, cùng với thể văn dâng huy-hiệu cũng là một lệ, bắt đầu từ đời Đường đến đời Tống cũng theo dùng cả.

21) *Ai-sách*. — Gặp khi nào vua hay hoàng-hậu băng-hà lúc sắp thiên-thần ra lăng nào, thời sai quan văn-thần soạn ra bài văn đề tán - dương công-dức, thường làm theo lối văn-vấn.

22) *Xá-văn*. — Trong *Thư-truyện* thường nói *xá* mà không thấy có văn chỉ thấy có bài công-văn của vua Văn-đế nước Ngụy, thực là bài *Xá-văn* tối-cổ. Đời Đường Tống trở về sau, phạm có *xá* tất là có văn, không biết bao nhiêu mà kể.

23) *Hịch*. — Chu Mục vương sai Sái-công Mưu-Phủ làm ra bài văn lời hùng-tợn để trách quân giặc, thể văn ấy giống như thể văn *Hịch*. *Chiếu-quốc-sách* có chép truyện Trương Nghi làm bài *Hịch* đề bảo tướng nước Sở, tên bài *Hịch* mới thấy ra từ đó. Phạm trong quân có việc gì khẩn-cấp, thời lấy cái lông cắm vào tờ thư cáo-cấp, gọi là tờ *vũ-hịch*. Diêu, Tăng hai họ đều đề văn *Hịch* vào mục *chiếu-lệnh*. Họ Diêu lại lấy bài văn của Hàn Xương-Lê tế Ngạc-ngư cũng đề vào mục ấy, thì chưa chắc đã phải.

24) *Diệp*. — *Diệp* tức là tờ Trát, xem như *Tả-truyện* có chép rằng: «*Quan*

Hữu-sư không dám đối-đáp lại, phải chịu nhận tờ *Diệp* mà lui. » Lại chua nghĩa rằng *Diệp* cũng là tờ Trát thì biết. Đời Hán trở về trước ít thấy dùng *Diệp*, từ Đường trở về sau mới dùng nhiều. Lại có khi gọi là *Tiền* 籤, đời Lục-triều có quan Điền-tiền, tức là quan trông-coi về các tờ *Diệp* tờ Trát vậy.

25) *Phù*. — Phù là con so, chẻ tre ra làm đôi con so mỗi bên giữ một nửa, để làm dấu-hiệu hợp lại làm tin. Đời Hán có *Trúc-sứ-phù*, *Long-hồ-phù* cùng với tờ *Hịch* đều dụng về việc quân, cho nên thường gọi chung là tờ *phù-hịch*.

26) *Cửu-tích văn*. — *Cửu-tích* hai chữ mới thấy ở sách *Hàn-thi ngoại-truyện*, đó là một điển-lễ thưởng-công rất to, để đãi cho các vua chư-hầu nào có công to. Từ khi Tháo Mãng cướp ngôi tiếm lấy cả phần *cửu-tích*, tự đó cho đến đời Tống, Tề, Lương, Trần, hệ đời nào cướp ngôi, thì trước khi truyền ngôi, tất là bày ra lễ *cửu-tích*, đã thành ra một thói quen, bài văn *cửu-tích* đại-lược cũng giống nhau cả.

27) *Thiết-khoán-văn*. — Khi đầu đời Hán hệ phong kẻ công-thần thì tất ban cho lời thệ : « Hoàng-hà như dải, Thái-sơn như lệ (1). » Đến khoảng giữa đời Đường, các nước phiên-trấn kiêu-hoạnh, triều-đình sinh-biến, mới ban cho tờ *thiết-khoán* để cho yên lòng. Trong văn *thiết-khoán* nói rõ rằng dấu có trọng-tội cũng xá cho không trị tội, cũng như là cái lệ Bát-ngự (2) trong Chu-lễ. Tờ *Khoán* thì làm bằng sắt, chữ thì khảm bằng vàng, hình giống như hòn ngói úp.

28) *Phán*. — Thề văn *Phán* khởi-thủy từ đời Tây-Hán, vốn đặt ra để thi học-trò, như là Dương Hùng đã xét bài văn *Phán* để lấy kẻ sĩ. Lời phán là làm ra lời thăm phán nguyên-bị lưỡng-tháo, rồi định lời phán-đoán cho rõ khúc-trực. Đời Đường có chia : *Thân*, *Ngôn*, *Thu*, *Phán* làm bốn khoa thi, đời Tống vẫn giữ theo lệ ấy, song thề văn *Phán* có hơi khác trước.

29) *Tham-binh*. — Là lời răn-bảo kẻ thuộc-lại, tức như cỗ-nhân gọi là lời *Giáo*. Người nhà Minh thỉnh-thoảng mới thấy làm thề văn ấy, chớ ngoài ra không thấy đâu có cả.

30) *Khảo-ngữ*. — Cỗ-giả các bậc quan-trưởng xét kẻ thuộc-lại, hệ gặp kỳ khảo-công, thì tất kê hết chính-tích khi bình-nhật để định lên lui hơn kém, đó là theo cái phép xét-hạch quan-lại ở thiên Chu-quan, trong số tên mỗi người thuộc-lại tất có phê một lời *khảo-ngữ*, hoặc gọi là *khảo-từ*. Như sách Đường-thư trong truyện Dương Thành có phê tám chữ : « *Phủ tự tâm lao, thôi khoa chính chuyết, 撫字心勞。催科政拙。* » Nghĩa là lao-tâm về đường chăn nuôi dân, mà vụng về đường thôi-đốc thuế má, đó tức là câu *khảo-ngữ*.

31) *Khuyến-nông-văn*. — Đời nhà Hán trọng việc nông, vua Văn-đế có bài chiếu khuyến kẻ hiếu-đễ lực-diễn, tức là khơi mào ra thề văn *khuyến-nông* đó. Thề văn này phần nhiều là tóm cái ý thiên Mân-phong, thiên Nguyệt-lệnh mà làm ra. Đời Đường trở về thì không thấy có, mới có từ đời Tống.

(1) Thề rằng bao giờ sông Hoàng-hà như dải áo, núi Thái-sơn như đá mài, thì nước mới mất.

(2) Một là người có công-lao, hai là người thân-cổ, vân-vân, nếu có mắc tội cũng có nghị lại để lượng giảm.

32) *Ước*. — *Ước* là lấy dây bó buộc, nghĩa là ước-thúc. Nhân Ngạn-Thắng có tập Văn-chương-duyên-khởi đề riêng *Ước* ra làm một thể văn, người đời Lục-triều cũng đã thường làm, xem như Vương Bao có bài *Đông-ước*; đời sau như những thể văn về chương-trình qui-tắc, đều là ý ấy cả, song phần nhiều làm lời tục-ngữ, ít được điển-nhã như lời của cổ-nhân.

33) *Bảng*. — Khi đời Đường khoa-cử thịnh-hành, hễ người nào thi đỗ thì viết họ tên lên bảng yết ra ngoài đường, nhân gọi là *Bảng* nên mới có tên là *Long-hồ-bảng*. Song văn *Bảng*, là lời yết lên đề bảo cả công-chúng, không những là yết bảng về việc khoa-cử mà thôi.

34) *Thị*. — Cổ-giả những lời cáo-du cho dân đều gọi là *Dụ*, không thấy gọi là *Thị*. Đời sau thời kiêm cả hai tên: *Thị* hay *Dụ* đều là ý tuyên-bá cả. Kinh *Lễ* có câu: « Quốc xa tắc thị chi dĩ kiệm 國奢則示之以儉 quốc kiệm tắc thị chi dĩ lễ 國儉則示之以禮 » nghĩa là gặp lúc nước xa-xỉ quá thì bảo lấy điều kiệm, nước kiệm-bạc quá thì bảo cho phải lễ, đó tức là ý-nghĩa chữ *Thị* vậy.

35) *Thăm-don*. — Đời cổ không có tên này, đến đời Minh mới thấy có tên hai chữ *Thăm-don*, xét xem thể văn thời cũng như là lời đương-đương hiểu-dụ ở thời nay.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU

HẢI-VĂN

LỜI THƯ THẦN LƯƠNG-TÂM TRÁCH THẦN TAI, THẦN MẮT, THẦN LƯỠI, THẦN TAY

Kính-khải

Tử-thông (tai), Tử-minh (mắt), Tử-hoạt (lưỡi), Tử-xảo (tay), liệt-vị tiên-sinh xét cho mấy lời thân-thiết như sau này :

Nguyên tôi với các ngài được thụ-mệnh đức Thượng-đế, được xuất-hiện ra ở thế-gian; Thượng-đế lại đãi chúng ta một cách đặc-biệt, đặt họ riêng cho chúng ta là họ Linh, là chủ nghĩa nhân-linh-ư-vạn-vật, khiến cho khác với các loài thực-vật, loài khoáng-vật, và các loài động-vật.

Tôi còn nhớ khi Thượng-đế phong-thần cho chúng ta, định-ninh có mấy câu sắc-ngữ rằng: « Sắc cho mày thần Mắt sáng - sửa giữ việc trông; sắc cho mày thần Tai, thông tỏ giữ việc nghe; sắc cho mày thần Lưỡi giảo-hoạt giữ việc nói; sắc cho mày thần Tay, nhanh-nhẹn giữ việc làm;

sắc cho mày thần Lương-tâm khôn-ngoan giữ việc suy-nghĩ. Bốn người chức ngoại-thần, một người chức nội-thần; ngoại-thần quản-lý phần xác phần hữu-hình, nội-thần quản-lý phần hồn, phần vô-hình; nội-ngoại hồn xác, cùng nhau quan-thiết, đều noi chức mày, chớ bỏ mệnh trẫm. Khâm thủ! »

Vậy tôi với các ngài, sinh đã cùng sinh, thụ-mệnh đã cùng thụ-mệnh; thế thì vinh há không cùng vinh, nhục há không cùng nhục, tốt đẹp há không cùng tốt đẹp, xấu-xa há không cùng xấu-xa ư? mà khi đối với Thượng-đế, đối với thế-gian, đắc-tội há không cùng đắc-tội, vô-tội há không cùng vô-tội ư?

Từ khi ra đời đến giờ, tôi vẫn tính rằng các ngài, cứ hết bổn-phận của các ngài, mà tôi cũng xin

hết bồn-phận của tôi, yêu nhau thân nhau, giúp việc cho nhau, khiến cho trí-thức một ngày một rộng mở, đạo-đức một ngày một tăng-tiến, sự-nghiệp một ngày một vẻ-vang, miễn cho thiên-hạ đừng chê cười, đừng khinh-bĩ, đừng cho ta là loài gỗ đá, đừng bảo ta là giống chim muông. Rồi Thượng-đế cũng biết cho ta rằng cái đàn ấu-trĩ này nó cũng biết đòi dũ làm lành, đòi đại làm khôn ; nó cũng biết giữ gìn lấy tinh-túy ; nó cũng biết lăn lộn với phong-trào, rồi Thượng-đế cũng có ngày giáng cho hạnh-phúc.

Ngờ đâu, các ngài hình như vẫn có cái đặc-ý riêng, cái vui-thú riêng, đối với tôi ra ý hững-hờ, ra hình chệnh-mãng. Bấy lâu nay tôi với các ngài chẳng khác gì kẻ Việt với người Tần, mặt trăng với mặt trời, không được mấy lúc ở chung với nhau một nhà, làm chung với nhau một việc, chơi chung với nhau một cuộc, thờ chung với nhau một hình một bóng, ngủ chung với nhau một giấc chiêm-bao ; thậm-chí lại có khi không được bàn soạn với nhau chung một làng, giao-du với nhau trong một nước. Than ôi ! Tôi nhận các ngài là chồng, các ngài chẳng nhận tôi là vợ ; tôi nhận các ngài là anh, các ngài chẳng nhận tôi là em ; tôi nhận các ngài là ông sư, các ngài chẳng nhận tôi là quyền kinh ; tôi nhận các ngài là con dĩa, các ngài chẳng nhận tôi là hộp phấn ; tôi nhận các ngài là cái dạ - dầy, các ngài chẳng nhận tôi là cơm ; tôi nhận các ngài là chỗ phụ-thương, các ngài chẳng nhận tôi là người thầy thuốc ; tôi nhận các ngài là xe-lửa, các ngài chẳng nhận tôi là đường sắt, là nhà ga ; tôi nhận các ngài là tàu lặn tàu bay, các ngài chẳng nhận tôi là nước là không-khí. Nghĩ cũng buồn thay ! mà cũng tủi thay !

Ồi ngài Mắt ôi ! ngài trông thấy

những màu phú-quí phù-vân, xa-hoa vô-cực ; những đồ ngoại-hóa nhập-cảnh, xa-xỉ vô-cùng. Lại khi ngài qua hội-chợ, ngài thấy vàng của khách hồ cơ ; khi ngài ngồi công-đường, ngài thấy bạc của dân đem lễ ; khi ngài hiện ra câu công-tử, ngài thấy gái mĩ-miêu ; khi ngài biến ra ả gió-trắng, ngài thấy trai xinh đẹp ; ngài trông, ngài hẳn thú lắm chứ ? Nhưng ngài có biết nông-nỗ ai nắm khềnh ở ngoài cõi hư-vô đấy không ?

Ồi ngài Tai ôi ! nào những tiếng đàn ngọt, những tiếng hát hay ; tiếng mõ khua xôi, tiếng trống rung thịch ; tiếng tổ-tôm trắng tay gọi phỗng, tiếng sóc-đĩa một mặt khuôn rền ; tiếng ông cụ-nho nhấp chén rượu suông ngậm nga thời-thế, tiếng bác tân-học ngậm diều si-gà bập-bẹ văn-minh ; tiếng ông quan giao - thiệp với dân nhè-nhè, được-được, ừ-ừ, tiếng người dân ứng-đối với quan bầm-bầm, vâng-vâng, dạ-dạ ; ngài nghe, ngài hẳn vui lắm chứ ? Nhưng ngài có biết đến tinh-cảnh ai ngồi suông ở trong nhà thái-cực đấy không ?

Ồi ngài Lưỡi ôi ! trời phú-chất cho ngài không xương, cho nên ngài dễ xuất-nhập thiện-ác, trời phú-tính cho ngài mềm-mỏng, cho nên ngài dễ diên-đảo thị-phi ; ngài yêu ai thì cú đấy cũng là tiên, ma đấy cũng là bụt ; ngài ghét ai thì thánh đấy cũng là phạm, trời đấy cũng là vũng ; ngài hình như gái dĩa, mà ngài vẫn già mồm ; ngài hình như mắc quai, mà ngài vẫn há miệng ; ngài sơn ngài sột, chẳng là trong dạ ớt ngậm ; ngài thề ngài thề, chẳng là cá trê chui ống. Khi đêm khi hôm, ngài đi nịnh người, thì ngài nói rằng chúng tôi như bèo như bọt, như ruồi như muỗi, là phận ti-tiểu, là phận tôi con. Khi ban ngày ban mặt, ngài về ngài kiêu-căng với người, thì ngài lại nói rằng ta đây

như sấm như sét, như rầu như rờng, là bậc kẻ sang, là bậc phụ-mẫu. Ngài nói ngài hẳn sướng lắm chứ? Nhưng ngài có biết đến ai phải than ngậm khóc ngậm ở trong chốn u-độc đấy không?

Ồi ngài Tay ôi! trời cho ngài được cầm gươm, tha-hồ ngài trở; trời cho ngài được cầm bút, tha-hồ ngài phê; trời cho ngài được cầm thước, cầm dẫu, cầm cân, tha-hồ ngài nhắc ngài đo, ngài lường ngài gạt. Có khi ngài ray tay mắt miệng với những kẻ bần-hàn; cũng có khi ngài cúi đầu chấp tay với những kẻ quyền-thế. Có lúc ngài ngửa tay xin việc, là vì cái lợi nó rành-rành; lại có lúc ngài đứng ngoài thu tay, là vì cái lợi nó chưa hiển. Ngài làm những việc đó, ngài thích lắm chứ? Nhưng ngài có biết đến ai phải thơ-thần ở trong làng vô-hà-hữu đấy không?

Tôi còn nhớ khi xưa tôi giúp cho cái mắt ông Cách-lực-lược-ty về hồi thập-thất thế-kỷ, mà ông Cách sáng-tạo ra được cái vọng-viên-kinh, phát-minh ra được cái nguyên-lý quả địa-cầu. Giúp cho cái tai ông Ngô Quý-Trát ở đời Xuân-thu, mà ông Ngô hiền-danh là khách quan-phong, là người tri-nhạc. Giúp cho cái lưỡi thầy Mạnh-Kha và cái lưỡi ông phật Thích-Già, mà thầy Mạnh nổi tiếng là hùng-biện, ông Phật cũng nên giá là thuyết-pháp-sư. Tôi lại từng giúp tay ông vua Ai-cập, để xây lấy cái Kim-tự-tháp; giúp tay ông Tần Thủy-hoàng để đắp lấy cái Vạn-lý-tràng-thành; giúp tay người Pháp, để đào lấy cái kênh Tô-di-sĩ; giúp tay người Nga để đặt lấy cái thiết-lộ, khởi tự Nga-kinh, qua Tây-bá-lợi-á, đạt sang Viễn-Đông, vòng quanh hồ nửa quả địa-cầu. Thế-giới không phụ tôi, tôi cũng không phụ gì thế-giới.

Nhưng mà thôi, tôi cũng không dám

kể những sự viễn-vòng chi nữa. Hiện nay tôi với các ngài còn đương lo-lắng về cái vận-mệnh chữ quốc-ngữ của nước Nam ta. Các ngài trông vào chữ quốc-ngữ đã nhanh như cắt; nghe chữ quốc-ngữ đã vang như kèn; nói chữ quốc-ngữ đã trơn như nước chảy; viết chữ quốc-ngữ đã quen như đồng-thuộc; cứ lấy bề ngoài mà xem ra, thì trong làng quốc-ngữ, tưởng đã lắm trạng lắm thánh cả rồi. Song, lấy bề trong mà xét ra, thì nghĩa-lý chữ quốc-ngữ là một; tư-tưởng chữ quốc-ngữ là hai; tài-liệu chữ quốc-ngữ là ba; và văn-pháp chữ quốc-ngữ là bốn; trong bốn đường ấy, thì trong làng quốc-ngữ, chả biết đã có lắm trạng lắm thánh cho chưa?

Ấy mới đáng lo! Ấy mới đáng sợ!

Vả lại chữ quốc-ngữ là chữ gốc-rễ của nòi giống người Nam; chữ quốc-ngữ trân-trọng lắm đấy! quan-hệ với quốc-dân lắm đấy! Chớ cho chữ quốc-ngữ là rẻ-rúng, không mua được danh không bán được lợi mà xem thường. Vậy tôi xin quả-quyết với các ngài rằng đốt chữ Tây, đốt chữ Tàu, chưa phải là thật đốt, đốt chữ quốc-ngữ mới phải là thật đốt; hay chữ Tây, hay chữ Tàu, chưa phải là thật hay, hay chữ quốc-ngữ, mới phải là thật hay.

Vậy tôi lại xin ước-nguyện với các ngài rằng từ rầy trở đi, các ngài xem chữ quốc-ngữ, cứ việc cho nhanh; nghe chữ quốc-ngữ, cứ việc cho lọt; nói chữ quốc-ngữ, cứ việc cho thoảng; viết chữ quốc-ngữ, cứ việc cho giẻ; duy gặp cái vấn-đề gì nên nghĩ-ngợi, cái nghĩa-lý gì nên suy-xét, hay hoặc cái tinh-từ gì nên bần-khoăn, nên đau-dớn, nên mừng-rỡ, nên vui-cười, thì các ngài dừng cho tôi là cái vật vô-dụng, mà chịu khó lại giao-thiệp với tôi. Mà tôi đây cũng xin chú hết tinh-thần về chữ quốc-ngữ, may ra được cái tư-tưởng gì cao sâu, cái tài-hiệu gì tốt đẹp, hay hoặc

cái văn-tâm văn-pháp gì khôn-khéo lạ-lùng, thì tôi cũng xin đem ra mà tôi cống-hiến các ngài. Rồi chữ quốc-ngữ nước ta, mới có cơ hi-vọng, mà cái danh-dự chúng ta, sẽ có ngày vẻ-vang. Tôi ngu-kiến như vậy, như vậy; các ngài tỉnh sao? các ngài tỉnh sao? Kéo nữa thiên-hạ người ta mỉa-mai các ngài rằng tai mắt tượng gỗ, cuống lưỡi kèn hát, bàn tay máy in; thế cũng thông, thế cũng minh,

thế cũng hoạt, thế cũng xảo; mà người ta lại riếc - móc tôi rằng lương-tâm gì? lương-tâm cây gỗ sần, lương-tâm quả dừa điếc; thế cũng linh-đài, thế cũng thiên-quân; thì nhục lắm! thì nhục lắm!

Kính chúc bình-an, nay kính thư.
Năm vua tháng chúa, ngày trời.
— Lương-tâm đốn.

TÙNG-VÂN

TUÔNG HÒA - LẠC⁽¹⁾

Tuông Pháp dịch ra quốc-ngữ

(Horace, tragédie de Corneille, traduit en annamite)

II

HỒI THỨ BA

Kịch thứ I

SA-BIÊN

Gặp sự chẳng may như vậy, lòng ơi, lòng phải quyết sao? Một là làm vợ Hòa-Lạc, hai là làm chị Cù-Liệt, quyết sao cho khỏi phân-vân; ta nên nguyện-ước điều gì, cho bớt chút lòng áy-náy. Nhưng mà cực thay! cảnh tình ngang-trái như vậy, quyết-định bề nào bây giờ? Một bên là chồng, một bên là em, biết chọn người nào là thù? Đối với người này là máu-mủ, đối với người kia là tình-duyên, mà nghĩa-vụ buộc với cả hai. Trời, thì dạ anh-hùng đã quyết, lòng nhi-nữ phục-tòng, ta vừa làm vợ bên này, ta vừa làm chị bên kia, lấy danh-dự của hai bên làm cốt-tử; ta cũng phải gan như họ mà đừng nên sợ-hãi gì. Cái chết của hai bên là cái chết tốt-đẹp, đâu có tin hung-báo, cũng chẳng nên hãi-hùng. Chẳng nên trách trời oán

phận, phải nghĩ chết cho việc nước, không nghĩ chết bởi tay ai. Kẻ thẳng trận về, ta nên đón tiếp, chỉ nghĩ đến cái vẻ-vang cho cả nhà, không hề xét bởi máu ai mà được thế. Lấy sự hạnh-phúc một nhà, làm cái hạnh-phúc của ta. Nhà này ta là con dâu, nhà kia ta là con gái, đối với hai nhà, cái giây ràng-buộc, cũng là bền chặt như nhau, trừ tay người nhà không sao dứt được. Ôi! Dù số-phận khắt-khe thế nào, ta có cách lấy khổ làm sướng; cuộc chiến-đấu ngày nay, ta không sợ-hãi nữa, ta không vì người chết mà thông-hận, ta không thấy bên được mà kinh-hồn.

Nhưng than ôi! đó là sự ảo-tưởng, đó là sự mê-mộng, lòng ta cố gượng mà không được, khác nào như cái ánh sáng phát-phơ kia, lập-lòe trong một lúc, rồi tắt ngay! Như chớp loáng trong đêm tối, vụt sáng lại tối thêm; lập-lòe trước mắt được một lúc, rồi lại mặt-mù như đêm dài. Ôi! hồn-

(1) Xem hai hồi trên, N..P, số 73.

mộng mơ-màng, người làm cho ta được người sầu, lại khiến cho Trời càng thêm giận, đã muốn bắt ta phải mua đất một cái phút tạm yên ấy rồi ! Tôi tưởng như bây giờ, dù em tôi chết hay chồng tôi chết, vết thương đau-đớn cũng như đâm cả đến quả tim tôi. Dù rắp-định thế nào, tưởng đến nông-nỗi chết, cũng chỉ nghĩ chết bởi tay ai, không nghĩ đến chết cho việc nước, và trông thấy kẻ thắng-trận được vẻ-vang, chỉ nhớ bởi máu ai mà được thế. Lòng tôi chỉ cảm-cảnh cho nhà nào sẽ bị thua. Một nhà tôi là con gái, một nhà tôi là con dâu, đối với hai nhà cái giầy ràng-buộc cùng là bền chặt như nhau, phi chết đến người nhà, không sao dứt cho được. Ấy tôi mong-mỏi được yên lòng mà như thế đấy ! Ôi ! thần - minh phù-hộ cho tôi, nghe lời cầu-nguyện của tôi như thế đấy ! Phù-hộ mà ác thay như thế, tức giận thời lòi-đinh đến đâu ?

Đã kẻ vô-có cầu-nguyện mà như thế, trị kẻ bạc-ác phạm tội thì đến đâu ?

Kịch thứ II

SA-BIÊN DỤ-LI

SA-BIÊN

Đã xong chưa, bà Dụ-li, bà đem tin gì cho tôi đấy ? Tin em chết hay tin chồng chết ? Hay là lừa gạt oan-nghiệt, đâm nhau cùng giết, mảy tay vô-sĩ, hết thấy quyên-sinh, khiến tôi khỏi thấy kẻ thắng-trận mà kinh-hồn, chỉ phải đem nước mắt mà khóc cả ?

DỤ-LI

Thế nào ! việc mới rồi cô còn không biết à ?

SA-BIÊN

Tôi mô-hồ cả, bà còn lạ gì, bà lại không biết Gia-mĩ với tôi bị giam trong nhà này như kẻ bị tù ư ? Bà

Dụ-li ơi, người ta giam-cầm chúng tôi, sợ chúng tôi khóc-lóc. Không thời chúng tôi đã ra chỗ trận-tiền, đem nỗi tình-thân đau-đớn, làm cho hai quân động lòng.

DỤ-LI

Không cần phải đến cái cảnh nào-ruột ấy, lúc ra trận những trông thấy hai bên cũng đủ ngăn-trở rồi. Hai bên vừa xuất-trận, sắp-sửa đấu sức nhau, thời thấy trong hai quân đã những tiếng lao-nhao, nói rằng người tình-thân nghĩa-thiết như thế mà vì việc nước đến xung-đột giết - tróc nhau : kẻ này động lòng thương, kẻ kia thấy kinh-hãi, người thời cảm-phục cái lòng sốt-sắng quá chừng ấy, người thì tán-dương cái bụng công-đức vô-song ấy, lại có người cho là sự tiết-độc và tàn-nhẫn. Nhưng bấy nhiêu người cùng đồng-thanh trách các tướng và phàn-nàn về sự kén-chọn ấy, không thể nhẫn-tâm để cho hai bên đánh nhau một cách dã-man như thế, bèn kêu to lên, chạy xô ra mà phân-rẽ hai bên.

SA-BIÊN

Tấu lạy thần-minh, đã chiều lời cầu-nguyện của tôi, tôi xin hình-hương cảm-tạ các ngài.

DỤ-LI

Cô Sa-biên ơi, chưa được yên tâm đâu, cô ạ. Bây giờ có thể hi-vọng được, không đến nỗi sợ lắm, nhưng cũng còn phải lo nhiều. Bọn họ khàng-khái quá, muốn cho họ khỏi cái tình-cảnh hiềm - nghèo ấy, họ không chịu. Họ đặc-cử như thế, lấy làm vẻ-vang quá, lấy làm thỏa-thích cái chi công-danh, người ngoài thì phàn-nàn cho họ mà tự họ lấy làm sung-sướng, lại cho người ta xót-xa cho mình là ngạo-mạn mình. Hai quân xôn-xao, hình như giảm mất cái

danh-giá của họ. Thà rằng ra địch cả toàn-quân, bị chết bởi tay cầm quyền - phép mới, chứ không một người nào muốn bỏ cái danh-dự đặc-tuyền đó.

SA-BIÊN

Bụng sắt đá thay! vẫn cứ kháng-khăng không chuyễn sao ?

DỰ-LI

Phải, mà nhất-diện thời hai quân lại trở nghịch, cùng nhau kêu vang lên, đòi ra đánh nhau hay là cử người khác. Có các tướng đứng đấy cũng không sợ, hầu như không có oai-quyền nữa, không ai làm tai nghe nữa. Đến quốc-vương cũng phải lấy làm lạ, thậm-chí phải nói rằng : « Việc này đã phân-vân, ai ai cũng nóng-nảy như thế này, thì nên bói thần-minh, ngài là đấng oai-linh, xem ngài có thuận cho thay đổi không. Khi đã làm lễ rồi, thần-minh đã phán-báo rồi, còn kẻ nào bạo-ngược dám cưỡng lại nữa ? » Quốc-vương nói xong mấy câu ấy, như cái ngài mê làm cho người ta xuôi lòng, đến sáu tay võ-sĩ cũng phải buông khí-giới ; tuy lòng danh-dự làm cho mờ con mắt, mà nghe nói đến thần-minh cũng còn phải kính-trọng. Khí hăng-hái như sôi như nổi, nghe lời vua Tu-lê cũng phải êm xuôi. Hoặc là bởi lòng kính - trọng, hoặc là vụt chốc nghĩ lại, trong hai quân đều tuân lời ấy, như theo pháp-luật, khác nào như hai bên đã công-nhận ngài làm vua vậy. Còn việc sau này thế nào, xem con sinh-vật (1) sẽ biết.

SA-BIÊN

Thần-minh không bao giờ thuận cho một cuộc chiến-đấu độc-ác như thế. Việc nay đã hoãn lại, còn mong-mỏi được nhiều; lòng tôi từng cầu-nguyện, đã bắt đầu được như nguyện đây.

Kịch thứ III

SA-BIÊN, GIA-MĨ, DỰ-LI

SA-BIÊN

Có ơi, có tin mừng nói về cô hay.

GIA-MĨ

Nếu gọi là tin mừng, tôi đây đã biết rồi. Có người đến báo cho ông, bấy giờ tôi đương đứng đấy. Nhưng tôi xét chẳng có chi mà đủ vui-mừng. Cái khổ có hoãn lại, càng chậm lại càng đau. Chẳng qua chỉ thêm dài nỗi lo buồn, có người được chút nào là chậm phải khóc-lóc mà thôi, nhưng sớm trưa cũng đến phải khóc.

SA-BIÊN

Thần-minh đã ứng ra sự xôn-xao như thế, không phải rằng không có cơ.

GIA-MĨ

Chị ạ, nói rằng sự lễ-bái bây giờ là không có cơ thì phải hơn. Chính thần-minh đã ứng cho vua Tu-lê kén-chọn như thế ; còn tiếng xôn-xao của công-chúng, không phải là sự linh-ứng của quỷ-thần. Thần không có giáng đến những bậc hạ-lưu ấy, chỉ lấy vua chúa làm biểu-hiệu, và quân-quyền tức là cái hình-ảnh màu-nhiệm của thần-quyền.

DỰ-LI

Thật là vô-cố bày chuyện khó-khăn; muốn biết thần-ý thế nào, chỉ nghiệm ở lời sấm-bói. Nếu cho là chuyện hồng cả, chẳng là trái với lời bói hóm qua ư ?

GIA-MĨ

Lời sấm-bói không bao giờ đoán được : càng tưởng là đoán được, ấy lại càng không hiểu. Lời thần-phán như thế, không lấy gì chắc-bằng, tưởng là rõ nghĩa lắm, thế mà thật hời nghĩa.

(1) Vật giết làm hi-sinh và để bói.

SA-BIÊN

Việc có lợi cho ta, ta cũng nên vững dạ, và đáng mong-mỏi được, ta cũng nên mong-mỏi. Lòng Trời đã hé cửa hạnh-phúc cho ta, ai không sẵn dạ trông mong là người ấy không đáng hưởng; nhiều khi lại ngăn cho phúc trời không ban khắp, và hoặc có ban tới thời chênh-mảng cũng làm cho uổng mất.

GIA-MĨ

Những việc này là tự lòng trời khép-mở, há phải theo lòng ta sở-muốn.

DỤ-LI

Trời có ra oai là để trời lại giáng phúc. Hai cô ở lại, để tôi ra xem việc thế nào. Nên dẹp bớt lòng lo sợ; tôi mong rằng chuyện này về chỉ nói những chuyện tình-duyên vui-vẻ, và cả buổi chiều hôm nay chỉ hớn-hở mà lo sửa-soạn một cuộc hôn-nhân may-mắn.

SA-BIÊN

Tôi cũng vẫn mong-mỏi như thế.

GIA-MĨ

Tôi không còn mong-mỏi gì nữa.

DỤ-LI

Thử xem kết-quả sau này, dù biết chúng tôi xét phải.

Kịch thứ IV

SA-BIÊN, GIA-MĨ.

SA-BIÊN

Chị em ta khổ thật, nhưng tôi muốn trách cô một điều, là lòng có bối-rối quá, tôi tưởng thế không nên. Có phải vào cảnh tôi, phải lo-sợ như tôi, thấy hai bên đánh nhau đều đau đớn thiệt hại đến mình như tôi, thời có làm thế nào?

GIA-MĨ

Chị phải hiểu rõ cái khổ của chị

với cái khổ của tôi. Người ta xét cái khổ của kẻ khác không có giống như của mình. Nhưng cứ xét kỹ cái khổ-cảnh mà Trời đẩy tôi này, đem cái khổ của chị sánh cùng đã thấm vào đầu. Chị chỉ có sợ anh Hòa-lạc chết mà thôi. Còn đối với em thời bao giờ cho bằng chồng. Con gái đã đi lấy chồng rồi tất phải xa với nhà mình. Mỗi cái tình một khác: đã theo chồng ắt phải bỏ mẹ cha. Nhưng mà như tôi đây, vừa gần đến lúc kết-duyên cầm-sắt, đã được lòng cha chọn kẻ lương-nhân, thời người ấy đâu chưa có tình vợ chồng, tưởng không kém nghĩa anh em, thành ra đối với hai người lòng vẫn phân-vân, không biết riêng chọn về người nào, chỉ biết cầu-nguyện cho cả hai. Như thế thì về phần chị, trong khi chị thổ-than chị còn biết chúc-mong cho ai và lo-sợ điều gì, chớ như tôi, nếu Trời kia cay-nghiệt làm khổ chúng ta mãi, thời tôi chỉ biết lo sợ cả mà không biết chúc-mong gì bây giờ.

SA-BIÊN

Việc là việc trong hai người lắt một người phải chết, mà chết bằng tay người kia, thời cô biện lẽ như thế là không thông rồi. Tuy mỗi mỗi tình một khác thật, nhưng bỏ nhà mình không phải là quên cha mẹ. Tình cha mẹ là tình thâm, dẫu lấy chồng cũng không dứt, yêu chồng không phải là ghét em, mỗi tình tự-nhiên, bao giờ bỏ được. Thiệt hại đến thân em, còn gì phải kén chọn; em mình cũng như mình, chẳng kém gì chồng mình, và cái khổ đã đến cực, thời khổ nào cũng như khổ nào. Nhưng người tình-nhân mình yêu-giấu, mình khát-khao, chẳng qua là lòng mình ham muốn mà thôi. Một sự bất-bình, một chút ghen-tuông, đủ làm cho quên-nhãng đi. Lòng ham muốn nhất-thời, lấy lẽ phải bỏ được, không thể đem so-sánh với tình-nghĩa máu-mủ.

Lấy cái giày-duyên tự tay mình buộc vào, tự tay mình gỡ ra được, mà đối với cái mối tình tự máu-mủ gây nên, không thể nào dứt được, là có tội đó. Vậy thời nếu Trời kia cay-nghiệt, làm khổ chúng ta mãi, thời một mình tôi chỉ biết lo-sợ cả, không biết chúc-mòng gì. Còn như cô thời cái nghĩa-vụ đã rõ-ràng, cô có than-khóc cũng biết chúc-mòng cho ai và lo-sợ điều gì.

GIA-MĨ

Nghe chị nói tôi hiểu rồi, chị chưa từng biết ái-tình là cái gì, không biết ái-tình làm đau khổ người ta biết bao nhiêu. Khi lửa tình mới nhóm còn thể chống được, chớ đến khi đã bùng mạnh lên, lại được quyền cha cho phép, thừa-nhận đôi bên, không phải âm-thầm mà được thành-thời, thời không sao rập đi cho được. Lửa tình mới bén tẩm lòng thời còn dịu-dàng êm-ả, khi đã bùng to lên thì sức mạnh vô-cùng. Đã nếm vào mùi tình, muốn thôi không yêu nữa, thời không thể sao được, vì lòng không tự muốn được nữa, chỉ biết theo cái ái-tình nó sai-khiến. Ái-tình nó buộc người ta có thú thật mà cũng mạnh nữa.

Kịch thứ V

LÃO HÒA-LẠC, SA-BIÊN, GIA-MĨ

LÃO HÒA-LẠC

Cha đem tin không hay cho các con, nhưng không thể giấu được nữa, sớm trưa cũng phải nói cho các con biết. Anh em các con đương giao-chiến, thần-minh đã truyền phải như thế.

SA-BIÊN

Tôi xin thú thật, tin ấy lạ thay; tôi vẫn tưởng thần-minh không đâu ác-nghiệt thế, còn chút nhân-tử hơn. Đã bất-hạnh đến thế này, thời an-ủi cũng vô-bổ, đem lòng thương cũng chẳng ích gì, mà lấy lẽ nói lại càng trái tai. Chúng tôi nay, muốn cho khỏi nỗi đau đớn, đã có cách ở trong

tay; ai đã có gan chết được thời khổ đến đâu cũng chịu được. Trước mặt cha, chúng tôi có thể đổi lòng đau-đớn, làm mặt kiên gan được, nhưng không kiên-gan cũng không xấu-hổ gì mà làm giả mặt ngoài như thế, thì cũng là một sự hèn. Khéo dùng cái thuật ấy, xin đề cho đàn ông, chúng tôi là kẻ nhi-nữ, xin giữ phận đàn-bà. Chúng tôi không dám cầu một người can-đảm như cha cũng như mình mà phản-nản số-phận như chúng tôi. Xin cha cứ vững lòng mà chịu đựng lấy cái khổ-cảnh này, trông thấy chúng tôi khóc mà đừng khóc, nghĩa là gặp sự khổ-nạn như thế này, xin cứ giữ lấy dạ kiên-gan mà cho chúng tôi than-thở.

LÃO HÒA-LẠC

Cha không có trách các con khóc-lóc, cha nhận được khóc cũng đã quá rồi. Giá cha cũng cùng nỗi thiết-tha như các con, thời gặp cái khổ-cảnh này tưởng khó cầm lòng cho được. Không phải rằng bởi An-ba đã chọn mà ta đem lòng ghét các em con đâu; ta vẫn có lòng thương yêu cả ba người, nhưng mà nghĩa quen thuộc sao cho bằng tình máu-mủ được. Đối với các cậu ấy, ta không phải xót-xa đau-đớn như Sa-biên là tình chị em, như Gia-mĩ là tình ân-ái; ta có thể coi là kẻ thù được, và một lòng cầu-nguyện cho con ta, không có chút hối-hận gì. Nhờ thần-minh con ta cũng đáng với nước nhà, không có hề sửng-sốt chút nào, làm cho đến phi danh-giá. Không chịu cho hai quân đem lòng thương-xót, thật đã thấy danh-dự tăng lên nửa phần. Vì lại non lòng cầu người ta thương, vì không khảng-khái biết phản-đối lại, thì tay ta ắt trừng-trị tức-thì, để rửa cái nhục lây cho ta vì cách nhu-nhược ấy. Nhưng kịp đến khi con ta vẫn sẵn lòng mà nước nhà chọn kẻ khác, thời ta không giấu làm chi, thật ta đã cùng lòng cầu-nguyện với con. Vì Trời biết thương người nghe đến

lời ta, thòi An-ba ắt phải chọn đến kẻ khác, ta sẽ được trông thấy con nhà Hòa-lạc thắng-trận mà không phải nhúng tay vào máu con nhà Cù-liệt, và thanh-danh thành La-mã sẽ được hệ-thuộc ở một cuộc chiến-dấu hợp với nhân-đạo hơn. Lòng trời lại định thế khác kia, lẽ trời mầu-nhiệm, ta cũng yên vậy, ta phải cố làm ra rộng lượng, lấy sự hạnh-phúc chung của nước làm sự hạnh-phúc riêng cho mình. Các con cũng nên làm như thế cho bớt lòng phiền-não, và cả hai người phải nhớ là con: gái La-mã cả con thòi đã thành ra con La-mã rồi, mà con thòi vẫn hãy còn thuộc về La-mã. Tên La-mã ấy là tên vẻ-vang qui-báu vô-cùng. Rồi sẽ có một ngày, một ngày kia, tên La-mã chấn-động cả hoán-cầu, muôn nước đều thần-phục, muôn vua đều ngóng trông. Thân-mình đã hứa cho ông tổ Ái-nê ta cái vận lớn vẻ-vang đó.

Kịch thứ VI

LÃO HÒA-LẠC, SA-BIÊN, GIA-MĨ, DỤ-LI

LÃO HÒA-LẠC

Thế nào, bà Dụ-li, bà đến báo tin thắng-trận cho chúng tôi đây có phải không?

DỤ-LI

Thắng-trận chẳng thấy đâu, tin bại-trận thì có. La-mã phải thần-phục An-ba, và các con ông bị thua cả. Ba người thì hai người chết, duy có chồng cô này còn.

LÃO HÒA-LẠC

Ôi! Khốn-nạn thay là cái nỗi thất-bại! La-mã phải thần-phục An-ba, mà nó không dùng đến cái hơi thở sáu cùng để chống giữ cho được khỏi! Không, không, không phải thế, người ta báo lầm cho bà đây, bà Dụ-li. La-mã không phải thần-phục, không thòi con tôi phải chết: máu-mủ tôi, tôi đã biết, nó hiền ngĩa-vụ nó chứ không có thế.

DỤ-LI

Nghìn con người đứng trên tường thành đã trông thấy như tôi. Hai em còn sống thì cậu ấy còn đánh giỏi lắm. Nhưng đến khi thấy một mình địch với ba người, gần bị vây mất thòi chạy trốn thoát.

LÃO HÒA-LẠC

Thế mà quân-lính ta bị nó phản như thế mà không giết quách nó đi! Nó hèn-mạt như thế mà lại còn để cho nó trốn vào trong quân!

DỤ-LI

Sau khi thấy thua như thế, tôi không muốn đứng lại xem gì nữa.

GIA-MĨ

Ôi! các anh tôi!

LÃO HÒA-LẠC

Hãy khoan chứ, đừng có khóc cả như thế. Hai đứa đã nên danh-phận, cha đây cũng thêm được thế, trên mà nên rắc hoa thơm là đáng lắm. Chết được vẻ-vang như thế, cũng đủ đền sự thiệt-thòi cho ta. Sức can-dảm không chịu thua, còn được chút hân-hạnh thừa, là trong khi còn sống còn trông thấy La-mã được tự-do, chỉ phải thần-phục một vua nhà, không làm quận-huyện cho nước khác. Khóc là khóc thẳng kia, nó đã chạy trốn để nhục lại cho ta, khóc là khóc sự mất danh-dự cho cả giống-nòi ta, khóc cái ô-danh muôn đời để lại cho họ Hòa-lạc ta.

DỤ-LI

Một địch với ba thì ông bảo làm thế nào?

LÃO HÒA-LẠC

Bảo chết đi, không thòi phần-nhiên liều thế nào cho thoát-nạn. Dù chậm thua được một lát, La-mã cũng khỏi thần-phục được một chút; để cho

khỏi nhục đến cái tóc râm ta, tưởng nó liều chết cũng không phải không đáng. Bao nhiêu máu của nó là nợ của nước cả, nó dành lại một giọt là nó phạm đến danh-giá ; nó đã hèn-mạt mà chạy trốn như thế, thời sống thêm ra một phút nào càng làm cho rõ thêm cái nhục của tôi với cái nhục của nó. Tôi không cho nó sống cho mà xem ; đối với một đứa con đốn như thế, tôi giận là phải lắm, và quyền tôi là cha có thể trừng-trị nó một cách cho rõ rửa được sạch cái nhục ấy.

SA-BIÊN

Xin cha hãy nén cái bụng khảng-khái ấy lại một chút, và đừng làm cho chúng tôi khốn-khổ quá.

LÃO HÒA-LẠC

Thôi, chị Sa-biên, cái khổ của chị cũng dễ người được. Chúng tôi đây mới khổ, chứ chị chẳng qua chút-dính gọi là, chị chữa dự phần vào sự khốn-nạn của chúng tôi. Trời tựa chị cứu cho cả chồng, cả em được thoát-nạn. Chúng tôi phải thần-phục là thần-phục nước chị ; em chị được thăng-trận, còn chúng tôi phải bị phân, chị trông thấy bên nhà chị vẻ-vang như thế, có quan-tâm gì đến sự nhục-nhẫn của chúng tôi. Nhưng mà chị quá thương thằng chồng hèn-mạt ấy, rồi đây chị cũng khổ về nó như chúng tôi. Chị than-khóc cho nó cũng không bênh nổi được nó. Tôi xin thề với thần-minh cao xa rằng từ giờ đến chiều hôm nay, bàn tay này, bàn tay tôi đây này, sẽ lấy máu nó rửa nhục cho người La-mã.

SA-BIÊN

Mau mau lên theo ông, ông đương cơn quá giận. Trời đất ơi ! Cứ thấy những sự khổ mãi như thế này sao ? Càng sợ lại càng thấy khổ hơn, và cứ phải lo về tay kẻ thân-tinh máu-mủ mãi thế này ư ?

HỒI THỨ TƯ

Kịch thứ I

LÃO HÒA-LẠC, GIA-MĨ

LÃO HÒA-LẠC

Đừng nói gì cho thằng hèn-mạt ấy nữa, để nó tránh xa ta ra cũng như lũ em con vợ nó. Nó tiếc cái thân nó như thế, muốn được thoát thân, đừng có giần mặt ta. Sa-biên phải liệu thế nào, không lập-tức ta thề thần-minh mà ra tay...

GIA-MĨ

Thưa cha, cha nên xuôi lòng, rồi cha xem chính La-mã cũng không xử đến thế, dù bị Trời đây khốn-khổ thế nào, cũng biết thương kẻ can-đảm vì quả-địch-chúng nên mới bị thua.

LÃO HÒA-LẠC

La-mã xét - đoán thế nào chẳng quan-hệ gì cho ta ; con phải biết ta là cha, ta có quyền-phép riêng, người thật can-đảm phải thế nào, ta đây đã biết : dẫu quả-địch-chúng mà không để cho chúng thăng được, bao giờ cũng giữ được cái khi mạnh hăng-hái của người trượng-phu, chỉ có bị kém mà chết, chứ không có bị thua mà lui. Thôi, đừng nói gì nữa, để xem Hoa-lê đến báo tin gì kia.

Kịch thứ II

LÃO HÒA-LẠC, HOA-LÊ, GIA-MĨ

HOA-LÊ

Đức vua sai tôi đến đề an-ủi ông đã sinh được con tuần-tử với nước và tổ lòng . . .

LÃO HÒA-LẠC

Xin đừng phiền lòng làm chi, tôi đây không cần phải an-ủi. Tay kẻ địch đã giết mất hai con tôi, thà rằng chết như thế còn hơn là sống đeo nhục.

Hai đứa đã vì nước mà chết là chết có danh-dự. Tôi cũng đủ thỏa lòng.

HOA-LÊ

Nhưng còn một bác còn lại là may-mắn lắm, một người bây giờ là thay cả ba người.

LÃO HÒA-LẠC

Sao nó không chết quách đi cho hết giống Hòa-lạc!

HOA-LÊ

Công-cán bác ấy như thế mà chỉ duy một mình ông bác-đãi quá.

LÃO HÒA-LẠC

Cũng chỉ duy một mình tôi phải trừng-trị cái tội xấu của nó.

HOA-LÊ

Hành-động xứng-đáng như thế mà ông bảo tội xấu là thế nào?

LÃO HÒA-LẠC

Nó chạy trốn như thế mà anh bảo công-cán hay sao?

HOA-LÊ

Vào cơ-hội ấy, chạy được là về-vang.

LÃO HÒA-LẠC

Anh làm cho tôi lại càng thêm hồ-thẹn. Thật cổ-lai không từng thấy bao giờ chạy trốn mà lại được về-vang, thật là một sự ít có, đáng kỷ-niệm thật!

HOA-LÊ

Ông sinh được người con đã cứu cho cả nước, làm cho La-mã được thắng, mở rộng bờ-cõi nước nhà, thế thời hồ chi, thẹn chi, thưa ông? Làm người cha còn muốn được về-vang thế nào nữa?

LÃO HÒA-LẠC

Tôi thử hỏi: phải chịu cái số-phận làm tôi-tó thành An-ba, thời về-vang

cái gì, thắng-trận cái gì, mở-mang bờ-cõi cái gì?

HOA-LÊ

Ông nói những chuyện An-ba thắng-trận là nói cái gì vậy? Dễ thường ông mới biết có một nửa chuyện sao?

LÃO HÒA-LẠC

Tôi biết rằng nó trốn là nó phản nước.

HOA-LÊ

Phải, nếu chạy trốn mà thôi đánh thì phản nước thật. Nhưng bác ấy chạy là chạy khôn, muốn đánh phần đặc-thắng cho La-mã.

LÃO HÒA-LẠC

Té ra La-mã thắng-trận sao?

HOA-LÊ

Ông ơi, ông phải biết cái giá-trị của người con kia ông dựng làm an oan. Còn có một mình phải địch với ba người, nhưng mà trong cuộc chiến-dấu ấy ba người đã bị thương mà một mình không thương-tích, đánh cả ba thời không đủ sức mà đánh một người một thời khỏe hơn nhiều, bèn khéo tìm cách thoát được cái bước nguy-hiểm ấy, chạy trốn để đánh cho tiện hơn; lập mẹo mau như thế, làm cho ba anh em bên kia phải lừa và khéo chia rẽ được ba người. Mỗi người chạy theo đuổi, người bị thương ít thời đuổi được mau, người bị thương nhiều thời đuổi tất chậm; ba người đuổi cùng hăng-hái cả, nhưng đánh không đều sức, thành ra chạy cũng lả-tả. Bác Hòa-lạc trông thấy ba người cách nhau, bèn quay lại, bấy giờ đã cầm chắc được một nửa rồi. Đứng lại đợi người đến trước, thời người ấy chính là người rề ông. Thấy dám đứng đợi như thế, người kia tức giận lắm, hết sức đánh lại, tỏ ra người

rất can-dảm, nhưng máu chảy nhiều quá, yếu mất sức đi, không sao đánh nổi. An-ba bấy giờ đã thấy bắt đầu sợ thua đến nơi, kêu gọi người thứ hai đến cứu anh ; người này vội-vàng cố gắng hết sức, tới nơi thì anh đã chết rồi.

GIA-MĨ

Than ôi !

HOA-LÊ

Kể đã hết hơi, nhưng cũng quyết đứng giao-chiến, làm cho Hòa-lạc lại thắng được một lần nữa, vì anh kia có can-dảm thật mà đã yếu sức quá rồi, không sao chống nổi, muốn báo thù cho anh mà phải chết cạnh anh. Bấy giờ những tiếng kêu vang-lừng, rập đến tận trời, An-ba thò kêu ai-oán, La-mã thò kêu vui-vẻ. Bác võ-sĩ ta đã thấy mình sắp thành-công, đánh được cũng chưa thỏa, còn muốn làm cách hào-hùng, nói rằng : « Ta đã giết được hai tên địch để tặng vong-ling hai em ta, còn tên thứ ba nữa ta sẽ đem hi-sinh cho La-mã », rồi chạy thẳng đến người thứ ba. Hai bên bấy giờ thắng-bại đã rành-rành rồi. Chàng An-ba đã đầy những thương-tích, lê đi không được, khác nào như con sinh-vật mang đến trước bàn thờ, chia cổ cho người ta đâm chết vậy. Nên cũng không chống lại được chút nào mà đành chịu chết ; thế là La-mã ta được toàn-thắng.

LÃO HÒA-LẠC

Ôi ! cốn tôi ! con tôi làm cho tôi vui-mừng biết bao nhiêu, làm cho tôi về-vang biết bao nhiêu ! Vận nước đương nguy, con tôi cứu được ! Ấy mới đáng làm dân La-mã, ấy mới đáng làm con Hòa-lạc ! Chống-giữ cho nước nhà, về-vang cho nòi-giống ! Cha đã lầm-lẫn, nghi-ngờ cho con, bao giờ được ôm con hôn con để rửa

cái bụng ngờ ấy ? Bao giờ được đem tẩm lòng âu-yếm, lấy giọt lệ hoan-hân mà tưới lên cái trán anh-hùng kia ?

HOA-LÊ

Lát nữa đây, ông sẽ được thỏa lòng võ-về âu-yếm. Vua cũng sắp cho bác ấy về đây, và định đến mai mới sửa lễ trọng-thể để tạ ơn thần-minh về sự hạnh-phúc lớn-lao ấy. Hôm nay chỉ hát các khúc khái-ca và cầu - nguyện thường thôi. Vua đương dẫn bác ấy ra đền, và nhất-diện phái tới lại đây để vừa báo ông biết tin buồn và tin vui. Nhưng mà ngài sai tôi lại đây cũng chưa đủ, ngài sẽ thân-hành lại, có lẽ lại ngay hôm nay. Ngài nghĩ bụng rằng nếu không chính ngài nói cho ông biết, chính ngài tỏ cho ông hay rằng quốc-gia phải chịu ơn nhà ông là dường nào, thì không đủ cảm hết cái công lớn lao ấy.

LÃO HÒA-LẠC

Nhà vua muốn cảm ơn như thế thì thời rõ-ràng cho tôi quá. Nghe lời anh nói tôi cũng đã thỏa lòng rồi, cũng đáng công một đứa con giúp cho nước, hai đứa con chết vì nước.

HOA-LÊ

Đức vua ngài đã tôn-trọng ai, không có biết tôn-trọng nữa chừng. Nay ngôi vua đã được thoát tay kẻ địch, ngài muốn tỏ lòng cảm ơn ông, còn cho thế là chưa đáng với cái công cao của hai phụ-tử. Để tôi về tâu lại ngài biết rằng ông nhất-cử nhất-động tỏ ra lòng cao-thượng khảng-khải là dường nào, và ông nhiệt-thành với nhà vua biết bao nhiêu.

LÃO HÒA-LẠC,

Anh có bụng tốt nói giúp như thế, tôi cảm ơn anh lắm.

Kịch thứ III

LÃO HÒA-LẠC, GIA-MĨ

LÃO HÒA-LẠC

Con ơi, lúc này không phải là lúc khóc-lóc ; đương được vinh-hiền thế này mà khóc là không nên. Nhà có thiệt-bại mà nước được toàn-thắng, khóc là không phải. La-mã thắng được An-ba, thế là chúng ta đủ vui rồi, đâu đau-khổ đến đâu cũng phải lấy làm cam-tâm. Con mất kẻ tình-nhân chẳng qua là mất một người, sự mất ấy có thể đền được ngay ở thành La-mã này. Sau cuộc toàn-thắng này, con trai La-mã nào là chẳng lấy làm vẻ-vang được lấy con làm vợ. Ta phải đem tin cho Sa-biên biết ; hẳn được tin này chắc sẽ lấy làm đau-đớn lắm đây ; ba em chết bởi tay chồng, hẳn có than khóc kẻ còn đáng hơn con nhiều. Nhưng ta mong cũng dễ làm được cho hẳn xuôi lòng, người vốn đã can-dảm, bụng sẵn lại khảng-khái, khôn-khéo một chút thời cũng khiến được đem lòng khoan-dung mà yêu-mến kẻ thắng-trận. Về phần con thì nên dẹp cái bụng buồn-rầu hèn-hạ ấy đi, anh con có về phải bạo-dạn mà ra đón-tiếp, cho tỏ ra người em gái xứng-đáng với anh, hai người cùng một máu Trời sinh ra.

Kịch thứ IV

GIA-MĨ

Phải, đề rồi tôi bày tỏ rạch-ròi cho nó biết rằng một cái ái - tình chân-chính có thể chấp cả sự chết mà không sợ, và không phải theo quyền - phép những kẻ tàn-nhẫn độc-ác kia mà ông Trời cay-nghiệt đã buộc làm người thân-tình của ta. Ôi ! cha không có bụng thương con kia ! cha trách mắng sự đau-đớn của tôi, cha dám cho thế là hèn-hạ, cái đau-đớn của tôi, cha càng tức nó bao nhiêu, tôi càng thương

xót nó bấy nhiêu, và Trời đã đẩy-đọa tôi khổ-sở thế này, thời tôi khổ bao nhiêu tôi đau-đớn bấy nhiêu cho nó cân. — Có cái thân-phận ai trặc-trở như thân-phận tôi hay không, không bao lâu mà xoay-sở ra biết mấy mươi chiều, mấy mươi lần vui mà mấy mươi lần khổ, mấy mươi lần khủng-cụ, rồi mới đến cái tin sét đánh này ! Có người nào trong một ngày vui-mừng sầu-khổ bấy nhiêu lần, mong-mỏi sợ-hãi bấy nhiêu lần, làm tôi-đòi cho bấy nhiêu sự biến-cổ, làm đồ chơi cho bấy nhiêu sự thay đổi ? Xem bói thấy vững dạ, nằm mộng lại sôi ruột, thấy chiến-tranh lo sợ, nghe hòa-bình yên lòng, đương sắp-sửa cuộc trăm năm thời ngay một lúc ấy được tin linh-lang phải chọn ra để đánh với anh mình. Sự kén chọn ấy làm cho mình thất-vọng và khiến cho ai ai cũng phải phân-nẫu ; chiến - cuộc đã bại rồi, thần-minh lại phục lại. La-mã đã tưởng rằng thua, và trong ba tay võ-sĩ An-ba, duy có Cù-liệt là không nhúng tay vào máu ta. Ôi ! thần-minh, lúc bấy giờ tôi nghĩ đến sự khổ của La-mã, sự chết của bai anh, lòng tôi cũng đau-xót gọi là mà thôi, tưởng rằng còn có thể yêu-giấu chồng mà không phạm-tội, còn có thể hi-vọng được chút gì chẳng ! Ấy tôi mơ-hồ như thế, nay chàng chết rồi thật đáng kiếp cho tôi, lại được tin ấy một cách độc-ác thế nào mới đáng kiếp nữa ! Kẻ cạnh-tranh với chàng thuật tin ấy cho tôi, trong khi kể-lễ những nỗi được thua khốn-nạn ấy ở giữa trước mặt tôi, lại tỏ cái sắc mặt hớn-hở, vui-vẻ vì sự hạnh-phúc chung cả nước thì ít, vì sự bất-hạnh riêng của tôi thì nhiều, nhân thấy người đau-khổ, trong bụng mơ-tưởng những chuyện đầu đầu, tựa-hồ như cũng thắng được chàng như anh tôi vậy. Nhưng mà thế đã thấm vào đâu với nỗi sau này : giữa lúc khốn-nạn này

mà bắt mình phải vui-vẻ, bắt mình phải cõ - võ hoan-nghênh kẻ thắng-trận, phải hôn cái tay kia đã đâm vào quả tim mình. Giữa lúc đáng than đáng khóc như lúc này, mà than lại xấu-hỗ, khóc thành tội-lỗi. Gan đầu có cái gan độc-ác, bắt người ta khổ phải nói rằng sừng, và không tàn-nhân như thế không phải là người khảng-khái. — Thôi, cha ta mà gan-góc như thế, ta cũng xin làm con bất-hiểu, anh ta mà khảng-khái như thế, ta cũng xin làm em bất-đề vậy. Làm kẻ trượng-phu mà ác-bạo như thế, hời làm kẻ nhi-nữ đau lòng cũng là vẻ-vang. Ôi ! tình oan nỗi khổ của ta ơi ! cứ việc mà vỡ-lở ra, còn cầm nên làm chi nữa ? Đã mất hết cả rồi, còn phải sợ gì nữa ? kẻ thắng-trận độc-ác như thế, ta chẳng nên kính-trọng làm gì ; không những ta không nên tránh mặt, mà ta lại nên dãn mặt, càng trông thấy mặt ta càng than khóc, cho nhục cái chiến-công của họ, cho khêu cái gan tức của họ ; ta nên gia sức làm cho họ căm-tức ta mới thỏa. Họ đến kia, ta nên ra gan tỏ cho họ biết một người có tình đối với kẻ tình-nbân bị chết phải thế nào.

Kịch thứ V

HÒA-LẠC, GIA-MĨ, BỘ-QUYÊN
(*Bộ-quyên tay cầm ba thanh gươm của họ Cù-liệt*)

HÒA-LẠC

Em ơi, một tay anh đây đã báo thù được cho hai em bị-nạn, một tay anh đây đã vãn-hồi được cho vận nước suy-vi, một tay anh đây đã làm cho chúng ta được làm chúa-lễ đất An-ba, một tay anh đây là ngày nay hệ đến vận-mệnh cả hai nước. Trông cái dấu danh-dự, cái hiệu vẻ-vang của ta đây, mà nên tỏ lòng vui-mừng cho cái vinh-hạnh chiến-thắng của ta.

GIA-MĨ

Tôi chỉ biết mừng bằng cái nước mắt của tôi thôi.

HÒA-LẠC

Đã nên được công-cuộc như thế, La-mã không muốn trông thấy nước mắt làm gì. Hai em ta tuy bị chết chốn binh-đao, nhưng cũng đã tẩy-oan bằng nhiều máu rồi, không cần phải thương-khóc nữa. Chết mà đã báo-thù được, thời không còn thiệt-thời gì nữa.

GIA-MĨ

Vong-linh hai anh tôi đã được thỏa vì máu người như thế, thời tôi cũng không vì hai người mà tôi thương-xót nữa. Anh đã trả thù được cho hai người, thời tôi cũng quên cả sự chết ấy. Nhưng ai trả thù được kẻ tình-nhân tôi bị chết, mà khiến cho tôi quên được sự chết ấy bây giờ ?

HÒA-LẠC

Mày nói gì thế, con đồ khốn này ?

GIA-MĨ

Ôi anh Cù-liệt ôi !

HÒA-LẠC

Em đâu lại có em thất-nghiệp thế ! Mày cả gan quá thật ! Kẻ thù với nước, tao mới đánh được, mà miệng mày đọc tên, lòng mày yêu giấu ! Mày dám hung-hăng nong-nả, mơ-màng những sự báo-thù ! Miệng mày đòi thế, lòng mày nguyện thế ! Nay bảo cho biết : nên bớt cái lòng mê ấy đi, nên tiết cái bụng đục ấy lại ; đừng dề cho ta nghe những lời than-thở ấy mà thêm xấu-hỗ thay ! từ nay phải tắt hết lửa tình, phải gác ra ngoài dạ, và chỉ nghĩ đến cái dấu thắng-trận của ta, từ giờ về sau chỉ được nói đến chuyện chiến-thắng mà thôi.

GIA-MĨ

Muốn thế thì hãy làm cho bụng

đây cũng dã-mantàn-nhân như bụng
đấy. *Thôi này, nói thực cho mà biết :*
trả chàng Cù-liệt tôi đây, không thời
mặc tôi than-thở. Tôi sướng tôi khổ
cũng chỉ vì chàng, chàng sống tôi giấu-
yêu, chàng chết tôi thương-khóc. Em
anh nay không phải như em anh xưa
nữa đâu, tôi bây giờ chỉ là một
người tình-nhân bị căm-giận, sẽ đi
theo anh từng bước như cái ác-thần
dễ mà trách - mắng cái tội giết
người. Con hồ khát máu kia, muốn
cắm người ta khóc, muốn cho kẻ
tình người ta chết rồi mà người ta
còn vui-thú, muốn cho người ta
tâng cao cái công-đức của mình lên
đến Trời, khác nào như bắt người ta
ra tay đâm giết kẻ kia một lần nữa !
Ước gì cho cả đời phải khổn-khổ, đến
nỗi trông thấy ta đây mà phải thêm,
cho phạm phải sự gì hèn-mạt làm
điểm-nhục cả cái danh-giá tàn-bạo kia !

HÒA-LẠC

Trời ơi ! người đâu mà cuồng dại
đến thế này ! Mày tưởng mày nói
nhục như thế, tao cảm lòng được hay
sao ? Mày tưởng tao cố nhịn được cái
cách ô-danh như thế sao ? Mày muốn
thương, mày muốn xót cái chết kia là
công vẻ-vang của chúng ta, mặc ý
mày, nhưng mày là con gái La-mã,
mày cũng phải biết cái nghĩa-vụ với
nước còn trọng hơn sự thương-xót
một người chứ !

GIA-MÃ

Ôi ! La-mã ! tôi căm giận La-mã
không gì bằng ; vì La-mã mà tay anh
đến giết tình - nhân tôi ; La-mã đã
sinh-thành ra anh mà lòng anh quyến-
luyến, tôi ghét La-mã vì La-mã tôn-
trọng anh ; ước-ao gì cho bao nhiêu
các lân-bang đều họp nhau lại mà
đến phá cái cơ-sở còn chông-chênh
này, một Ý-đại-lợi chưa đủ, thời cả
Đông - phương liên-hiệp với Tây-

phương, trăm dân trong khắp thế-
giới, vượt bề qua đèo tới đây mà phá-
hoại cả ; lại chính mình triệt-hạ cả
thành-trị, chính người mình ra tay
mà cắt ruột moi gan người mình ;
tôi cầu-nguyện sao cho Trời giáng
lôi-đình, tưới lửa xuống cho đốt cháy
hết cả ! Ước gì cho mắt tôi trông thấy
sấm-sét xuống đây, cho nhà cửa ra
tro cả, cho huy-chương thành bụi cả,
dân La-mã chết hết không còn một
kẻ nào, mà chỉ một tay tôi làm nên
thế, rồi tôi chết cũng sướng !

HÒA-LẠC, *tay cầm gươm
đuổi em chạy.*

Quá lắm thật, nhịn không được,
phải cứ lẽ phải mà làm, cho mày
xuống âm-phủ mà khóc thảng Cù-
liệt của mày.

GIA-MÃ, *bị thương, ở sau
sân khấu.*

Ôi ! thảng gian-ác !

HÒA-LẠC, *quay ra sân khấu.*

Đưa nào dám thương khóc quân
thù của La-mã, phải nên mau tay
trừng-trị như thế cho đáng kiếp.

Kịch thứ VI

HÒA-LẠC, BỘ-QUYÊN

BỘ-QUYÊN

Cậu vừa làm gì thế ?

HÒA-LẠC

Làm một sự công-bằng ; tội ấy phải
trị thế mới đáng.

BỘ-QUYÊN

Đối với em gái, cậu nên khoan-dung
hơn mới phải.

HÒA-LẠC

Đừng nói nó là máu - mủ ta, nó là
em gái ta nữa. Cha ta cũng không thể
nhận nó làm con nữa : đã nguyện rửa
nước mình thời là bỏ nhà mình rồi ;

nào là máu-mủ, nào là anh em, những tiếng âu-yếm ấy không được nói đến nữa, kẻ thân-tình thành kẻ cừ-địch rồi, chính vị tình máu-mủ mà phải ra tay trị tội, càng trừng-trị cho mau càng là việc chánh-đáng; dám mở miệng mà rủa nguyền như thế, dẫu chẳng làm gì được, cũng là một cái quái-gở, mới nho-nhoe ra phải vắn cổ đi.

Kịch thứ VII

HÒA-LẠC, SA-BIÊN, BỘ-QUYÊN

SA-BIÊN

Đứng đây mà giận-đữ hăng-hái làm chi vậy? Lại mà xem em gái đang chết trong lòng cha kia, lại mà xem cái cảnh ân-ái ấy cho thỏa con mắt; hay là ra tay anh-hùng như thế còn chưa nhọc, thời nên hòa nốt cái chút máu thừa của giống Cù-liệt này để làm hi-sinh cho nước qui-báu của họ Hòa-lạc khảng-khái kia. Máu nhà đã không biết tiếc, máu người còn dè làm gì, thôi cho Sa-biên theo Gia-mĩ, cho vợ đây theo em gái nốt. Chúng tôi tội cũng như nhau, khổ cũng như nhau: tôi cũng thở than như cô ấy, tôi cũng thương-xót cho em tôi, đối với pháp-luật khốc-hại nước này, lại còn có tội nặng hơn cô nữa, vì cô thương-khóc có một người, mà tôi thương khóc cả ba người, đã trị tội cô nên trị nốt tôi.

HÒA-LẠC

Nên gạt nước mắt đi, Sa-biên, không thời ra chỗ khác mà khóc, phải tỏ cho đáng làm vợ ta, đừng phiền lòng ta bằng một sự thương-xót không đáng. Nếu tình vợ chồng là nặng, phải đồng-tâm đồng-cảm với nhau, thời phận mình là đàn-bà phải nâng tấm lòng cho bằng lòng ta, chứ không phải việc ta phải hạ xuống để theo mình. Ta thương yêu mình, ta cũng biết lòng mình cực khổ là dường nào, nên tập

lấy can-dảm như ta để nén lấy nỗi thương của mình, nên cùng ta hưởng sự vinh-dự, đừng làm cho phi mất tiếng đi, cố lấy sự vẻ-vang của ta làm vẻ-vang cho mình, đừng làm cho ta đây đến phải mất danh-giá. Mình ghét cái danh-dự của ta lắm sao, mà muốn cho ta mang nhục lại sướng hơn? Nên làm vợ hơn làm chị, và nhất-thiết theo ta, lấy ta làm cái phép-tắc nhất-định.

SA-BIÊN

Xin đề cho người xứng-đáng hơn bắt-chước mà theo anh. Tôi không trách anh đã giết chết các em tôi, tình chị em tôi phải thương xót, tôi oán cái số-phận mà không oán cái nghĩa-vụ anh. Nhưng cái khí-khái con nhà Lamã, tôi đây xin chịu không sao tập được, vì muốn khi-khái phải đến tuyệt nhân-tình, chỉ được biết mình là vợ kẻ thặng-trần, không được biết mình là chị kẻ thất-bại. Ra chỗ công-chúng cũng phải làm mặt vui-vẻ với cuộc đắc-thắng chung, nhưng ở trong gia-định, ta cứ việc mà than-khóc những nỗi sâu-khổ riêng, và trông thấy cái khổ riêng của ta, chớ nghĩ đến cái sướng chung mọi người. Độc-ác lắm thế, mà lại còn muốn thế khác kia? Vào đến đây nên đặt cái vòng hoa chiến-thắng ở cửa kia, mà cùng với tôi hòa nước mắt. Thế nào? đây nói những lời hèn-mạt như thế mà đây không nổi lòng công-phần giết quách đi sao? Đây nhiều tội như thế mà đây không nổi giận sao? Rõ có Gia-mĩ cũng sướng thật! cô làm được cho đây tức-giận, cô muốn sao cô đã được vậy, cô có thiệt ở đây mà cô được lợi dưới kia. Nay, phu-quân yêu quý của tôi ơi, làm cho lòng tôi đau-dớn thế này nếu không giận tôi nữa thì xin thương đến tôi, đã cực đến thế này thời xin đem lòng giận hay lòng thương mà trị tội tôi đi, hay làm thế nào cho tôi hết khổ. Tôi cam

lòng chịu chết, tôi cầu cái chết như một sự ân-huệ hay một sự hình-phạt; dù-vị tình thương-xót hay vi lễ công-bằng, cũng chẳng hề gì, tôi được chết bởi tay chàng là tôi chết lấy làm sướng.

HÒA-LẠC

Rõ thần-minh cũng bất-minh thật, để cho kẻ nhi-nữ xiêu được dạ anh-hùng, để cho giống yếu-hèn như thế kia đoạt được cả bụng kháng-khái như thế này! Sức can-dảm tôi đi đâu mất cả rồi? Chỉ còn một cách chạy trốn mới thoát được. Thôi, ở lại, dùng theo tôi nữa, không thời phải cầm lấy nước mắt lại.

SA-BIÊN, một mình.

Ôi, căm-giận! ôi, thương-xót! Tôi xin tôi van mà cũng không nghe lời tôi, tôi có tội mà không thêm trị tôi, thấy tôi đau-dớn mà chán bỏ tôi, tôi xin làm án cho tôi, tôi xin hành-tội cho tôi, cũng không được cả. Thử cố than-khóc nữa xem có được không, không thời chỉ còn trông ở mình mà tự-tận cho xong đời mình.

T. C. dịch

(Còn hồi thứ năm nữa và lời ông CORNEILLE tự bình-phẩm bài kịch của mình, kị sau đây nốt)

TIÊU - THUYẾT CỔ
LĨNH - NAM DẠT - SỬ (1)
嶺南逸史

XXV

HỒI THỨ XXVI

Dụ Hoàng Doãn, một mình thông-tin.
Giết Lam Năng, bốn bề mai-phục.

Nói về Phùng-Ngọc từ-biệt Ngô Đốc-phủ rồi phát súng mở thuyền ra đi, mái chèo khua nước, bóng tinh rợp trời, cánh buồm thuận gió kéo thẳng đến Huệ-châu. Phùng-Ngọc liền mời Mai Anh, Gia-Cát Đồng cùng đến thương-nghị. Gia-Cát Đồng nói:

— Quân giặc ở Vĩnh-an này tuy rằng có đến và mươi vạn, đồn giữ các nơi hiểm-yếu, song khi tụ khi tán, cũng không lấy gì làm khinh trọng, chỉ có Lam Năng là tay dũng-hãn mà lại gian-hoạt hơn, các đảng giặc đều sợ phục cả. Nếu đánh phá được

Lam Năng, thì các đảng giặc tự-khắc là mất via hết cả.

Phùng-Ngọc nói:

— Chẳng hay dùng kế gì mà đánh được bây giờ?

Gia-Cát Đồng nói:

— Trại Tân-diên, trại Nam-lĩnh là chân tay của giặc; trại Miêu-mi, trại Thượng-trấn là tai mắt của giặc. Tướng-quân nếu khiển-bát một cánh quân ra đàng núi Nga-phụ, để khiển-chế quân trại Nam-lĩnh, Tân-diên; lại khiển-bát một cánh quân nữa ra Trung-trấn, để ách-tắc quân trại Miêu-mi, Thượng-trấn. Tự mình thời thống-lĩnh đại-quân kéo thẳng đến Sái-đầu, như thế mới thực là thượng-sách!

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

Phùng-Ngọc mừng mà rằng :

— Quân - sư luận-binh, thực rõ-ràng như trở bàn tay !

Phùng-Ngọc lại ngảnh vào Mai Anh mà rằng :

— Xin phiền đại-vương đem binh-tướng bảo-bộ theo đường bộ qua Nga-phụ rồi đem quân đóng chặt các nơi, cứ giữ thành cho bền chớ không ra đánh. Đợi khi đánh phá được Sài-đầu, rồi sẽ liệu đường tiến-thủ, thì ắt được như lời quân-sư liệu trước đó chẳng sai.

Mai Anh nói :

— Tiều-đệ xin đi.

Liên-từ-biệt Phùng-Ngọc kéo quân đi.

Phùng-Ngọc lại sai Bàn Ma-La làm chánh tiên-phong, Mã Tán, Đan Dũng làm phó tiên-phong, theo con đường Khô-trúc tiến lên giữ hãm Phật-tử, rồi tự đem đại-quân tiến-phát theo sau.

Nhắc lại Lam Năng khi đánh phá Súc Nục rồi tung quân ra cướp bóc, phía nam đến Trinh-hương, bắc đến Long-xuyên, đông đến Đông-quản, tây đến Bắc-la, không nơi nào là không đến cướp phá. Kịp nghe thấy tin Ngô Quế-Phương lại ra nhậm-chức, mới thu các quân - đội kéo về sơn-trại. Lại cướp được vô-số kiều-nương mĩ-nữ họp đầy trong một trại, say sưa múa hát, suốt ngày ở trong xóm ôn-nhu. Kịp nghe thấy tin Phùng-Ngọc đem binh-mã hai trại lại đánh, y tự cậy mình là anh-hùng, chẳng coi ai vào đâu cả, cũng chẳng cùng với Quý-Nhi thương-nghị điều gì cả, liền sai ngay Lại Triệu-Minh làm tiên-phong, Trương Dịch làm nguyên-sứ, Hoàng Doãn làm cứu-ứng, đem hai vạn quân kéo thẳng đi cự-dịch. Khi kéo đến Kiều-diên, thì hãm Phật-tử

bị dã Bàn Ma-La chiếm-cứ mất rồi. Trương Dịch gọi Lại Triệu-Minh vào trông thương-nghị mà rằng :

— Nay đã thám được tin quân Dao-man oai-phong còn đương sắc - xảo lắm, phải nên sâu hào cao lũy, cứ cố thủ chớ không ra đánh vội. Đợi cho đến khi quân nó muốn khiêu-chiến không được, mỏi mệt chán chể, rồi mới xuất kỵ-binh ra đánh thì chắc là phải được.

Lại Triệu-Minh nói :

— Đại-vương ta từ khi chém Trần Thiết-Ngư đến giờ, đánh đâu cũng không ai địch được. Nay mới ủy cho Thừa-tướng ra tự đương một mặt, mà đã rút-rát khiếp sợ như thế, chẳng sợ để cho người rừng họ cười chớ ư ! Tiều-tướng biết chắc rằng quân Dao-man chẳng qua như đồ cáo chuột, nay đã lia khỏi tổ hang thì làm trò gì được. Tiều - tướng xin rấn thân đi trước quân-lính, dám quyết chắc là vì Thừa-tướng đánh phá được giặc.

Trương Dịch hai ba lần ngăn cản. Triệu-Minh không nghe, cứ khởi-binh đi. Trương Dịch không nài sao được, phải đem binh-mã đi theo sau. Đi chưa được mười dặm, chợt nghe tiếng pháo nổ, Bàn Ma-La đem quân ra bày thành trận-thế, tay cầm búa tuyên-hoa, đứng ở dưới cửa cờ. Bên tả thì Mã Tán, bên hữu thì Đan Dũng, trông khác với binh-mã của Súc Nục khi xưa nhiều. Triệu-Minh bước ra trước trận trở tay mà mắng rằng :

— Mày là loài sơn-tinh ở xó rừng, sao dám đến đây mà động đến đất cõi của Nguyên-soái ta ?

Bàn Ma-La nghe nói, nổi giận lên như con báo nhầy, âm-âm như sấm, múa cây đại-phủ xung-sát nhầy thẳng ra. Bộ-tướng của Lại Triệu-Minh là Thâm Anh nói lên rằng :

— Không cần phải đến tay tướng-quân, cứ để cho tiêu-tướng ra bắt ngay được.

Nói rồi, liền vung cây thương ra giao-chiến. Bàn Ma-La liền giơ húa lên hướng vào giữa đỉnh đầu bồ xuống. Thầm Anh vội-vàng giơ cây thương lên đỡ. Nhưng tay búa hồ xuống nặng quá, chẳng khác gì như hòn núi Thái-hàng từ lưng chừng trời sa xuống, đánh ầm một tiếng, cây thương gãy đôi làm hai đoạn, vỡ toạc hồ-khẩu ra, Thầm Anh xuyết nửa ngã ngựa, liền nhảy xống ra, vừa toan quay đầu ngựa chạy về trong trận, liền bị phải Bàn Ma-La sấn lên, vung tay búa chém lẩn xuống ngựa. Triệu-Minh cả giận, thúc ngựa lên giơ đao toan đâm đằng sau nã Ma-La. Ma-La hét lên một tiếng mà rằng :

— Quân giặc kia hãy khoan !

Hét rồi quay búa lại đỡ, Jao dâm lại búa bồ ra, nhất-vãng nhất-lai, đánh nhau đến hàng trăm hiệp, không phân thắng-phụ. Trương Dịch thấy Triệu-Minh đánh không nổi tướng Dao-man, liền sai kiêu-trưởng là Đồng Lạc-Đà, Trịnh Bạch - Hồ phi mã ra đánh xống vào hai bên. Đan Dững, Mã Tán trông thấy cũng nhảy ngựa ra nghênh - địch, roi vàng công-kích, gươm ngọc tung-hoành, cứ từng đôi một đánh nhau giáp-lá-cà. Đan Dững vung một đôi ngân-giản tung ra như từ trên không rơi xuống. Trịnh Bạch-Hồ đỡ không kịp, trúng ngay vào bả-vai và đập tạn đầu sọ ra như cám, và cả con ngựa cũng bị què gãy. Đồng Lạc-Đà trông thấy, trong bụng hoang-mang, liền bị Mã Tán đánh cho một roi, tránh không thể kịp, nghiêng mình ngã ngựa mà chết. Đan, Mã liền xống hai ngựa đến đánh Triệu-Minh, Triệu-Minh dẫu khỏe, song phải ba viên hồ-tướng vây đánh, không thể địch nổi, liền nhảy ra ngoài vòng vây,

muốn quay ngựa mà chạy. Ma-La hét to lên một tiếng mà rằng :

— Chạy đi đằng trời !

Liền sấn lên chém Triệu-Minh làm hai đoạn. Trương Dịch cả kinh, vội-vàng toan tháo chạy. Mã Tán đã tể ngựa lên trước trận vung roi ra đánh Trương Dịch ngã lẩn ra trước ngựa. Ma-La liền giơ tay lên vẫy, quân Dao-man liền xung-sát xống lên, ầm-ầm như là một đàn cọp, chém giết quân giặc thây lẩn đầy nội, huyết chảy thành ngòi. Đương lúc đuổi giết không đề-phòng gì cả, chợt đầu Hoàng Doãn đem một cánh quân tự trong hang núi sấn ra chặn đường. Ma-La thu quân không kịp, bị Hoàng Doãn đánh úp cho một trận, thiệt mất ít nhiều binh-mã, vội-vàng thu quân kéo đến đóng ở Trúc-bình. Hoàng Doãn cũng không dám đuổi theo nữa, bèn thu-thập lại những quân tàn-binh bại-mã, đóng giữ núi Nguyệt-giốc, sai người báo tin cho Lam Năng. Lam Năng cả kinh mà rằng :

— Không ngờ quân Dao-man lại giỏi như thế !

Nguyên Lại Triệu-Minh là một tướng kiêu-dũng đánh giỏi, quân giặc vẫn tỉ như là Lã Bố, hiệu là Lã Ôn-hầu, thế mà bây giờ bị giết chết, nên quân giặc cũng mất vía. Vì thế Lam Năng kịp sai người mời Qui-Nhi ra thương-nghị kế cự-địch. Qui - Nhi nguyên đã dò thám kỹ-càng, cùng với Kim-Liên đã bàn định kế giết giặc, chợt nghe thấy Lam Năng cho gọi, liền ra yết-kiến Lam Năng mà rằng :

— Tôi nghe : Lý công-chúa ở trại Gia-quế trước kia chỉ lấy có ba trăm nữ-binh mà đánh phá hai-mươi vạn binh của Súc Nục ở Lệ-tử ; giặc Ngũ - hoa ở La - bàng, thời đánh thành Triệu - khánh, làm cô huyện Tam-thủy, vây hãm tỉnh-thành, đi ra vào như cỗi không người, không

ai chống nổi, đó đều là bọn kinh-dịch. Thế mà đại-vương không nghĩ cái kế vạn-toàn, chỉ sai những tướng hung-hăng ra đánh, vọng-dộng khinh-cử, làm cho tổn mất quân-thanh, nhục mất nhục-khi, binh lính mất mật, ba dò hết hồn, mưu-trí tôi nông nổi còn làm sao được nữa.

Lam Năng nói :

— Ta hối không dùng người, nay đến lúc nguy-cấp mới dùng đến người, thực là lỗi quả-nhân. Thôi xin người chớ tiếc kỳ-muru, vì quả-nhân lo tính hộ cho.

Quý-Nhi nói :

— Đại-vương nếu hẳn là dùng tôi, thời nên truyền lệnh cho các trại, phải cứ cố-thủ các giới-hạn, nghiêm-cấm quân lính không được thi-thọt ra vào. Đề mặc tôi thân đến trại Hoàng Doãn, thám-thình tình hư-thực quân Dao-man, xem có cái cơ khả-thừa rồi sau sẽ ra đánh, thời mới có thể bảo-toàn được.

Lam Năng nói :

— Người lo việc thực là cần-thận, chớ không có khinh-táo như quả-nhân, tất là hay phá được giặc. Phạm sự quả-nhân đều tùy-y cho người cứ việc mà làm.

Quý-Nhi cáo-từ lui ra, ngầm đem theo cái khăn lụa thêu gấm hoa là của sinh-lễ, và tên tiều-dồng đi theo, đi đến núi Nguyệt - giốc, báo tin trước cho Hoàng Doãn biết, Hoàng Doãn ra đón mời vào trong trại. Quý-Nhi hỏi rằng :

— Chẳng hay mấy hôm nay Dao-binh có đến khiêu-chiến không?

Hoàng Doãn nói :

— Hôm trước tôi có sai thám-tử đi dò, nghe tin rằng chủ-tướng Hoàng Phùng - Ngọc mới đến, còn án-binh chưa động-dậy gì cả.

Quý-Nhi nghe nói mừng thầm. Đêm hôm ấy, Quý-Nhi đốt nến ngồi trong trường, sai đuổi cả tả-hữu ra ngoài, sai người gọi Hoàng Doãn vào hỏi rằng :

— Tôi nghe thúc-phụ là người sinh-viên ở Long-xuyên, chẳng hay vì sao mà lại đây làm giặc?

Hoàng Doãn nói :

— Tiều-tướng vì việc giết người, phải quan-tư họ bức-bách tâm-nã, nên mới đến đây, chớ kỳ-thực không phải là bản-tâm.

Quý-Nhi nói :

— Tôi nghe : Ngô Đốc-phủ là người từ-trường dề-dãi, yêu dân như con. Trại Thiên-mã, trại Gia-quế thì binh-cường tướng - dũng, kỷ - luật xâm-nghiêm. Nếu chủ-tướng ta đều theo ước-thức, đồng - tâm hiệp - muru, sự thắng-phụ cũng chừa biết ra làm sao. Hưởng-chi là kiêu-căng tàn-ác, có khi thúc trống không chịu tiến, hồi chiêng không chịu lui, cháu sợ rằng cháu với thúc-phụ không biết chết về chỗ nào đó.

Hoàng Doãn nói :

— Lam đại-vương từ khi theo mưu-kế của hiền-diệt, thắng-trận luôn mãi, sinh ra kiêu-căng, suốt ngày chỉ hoang-dâm vui chơi, không thương gì quân-lính cả, tất là không thành-công được. Về phần tiều-tướng thì sống đã có phép sống, chết đã có phép chết. Chỉ lo cho hiền-diệt là rề yêu của y, bấy lâu tận-trung hết trí, công ra công cốc, thực là đáng tiếc đó mà thôi.

Quý-Nhi hỏi :

— Chẳng hay thúc-phụ bảo là sống có phép sống như thế nào, xin báo cho biết với?

Hoàng Doãn nói :

— Tiều-tướng may được gặp hiền-diệt phụ-tử, đã nhận làm họ-hàng cốt-

nhục, lại còn dám nói giấu gì nữa. Nếu quan-quân mà thắng, thì tôi cũng liệu đường qui-phụ đó thôi.

Qui-Nhi nói :

— Cháu thực cũng có bụng ấy, chỉ sợ thúc-phụ còn mê-mạn chữa nghĩ lại đó thôi. Nay đã biểu-dồng-tình, thời xin phải cần-mật lắm mới được. Ngày mai đề tiêu-diệt cứ như thế... mà làm, thúc-phụ phải thân đến Kiêu-diên ứng-tiếp, phân-họa vi-phúc là ở cơ-hội này đây !

Hoàng Doãn nghe nói cả mừng. Ngày hôm sau, Qui-Nhi ăn-mặc chững-chạc, đem theo tên tiểu-dồng, nói giả-cách là đi thám xét, xuống khỏi núi Nguyệt-giốc, trông về trại quân Phùng-Ngọc mà tiến đi. Khi đến gần trại quân, bị phải đội nữ-binh bắt được, đem giải vào nộp trại Mai tiều-thư. Mai tiều-thư đứng ngồi trong trướng, trông thấy Qui-Nhi tươi như hoa xuân hơn-hở, trắng như ngọc tuyết phớt-phơ, đậm như tinh-thần đào-kiếm, đẹp như cốt-cách lê-hoa. Mai tiều-thư thét mà hỏi rằng :

— Mày là người ở đâu, mà dám đến đây đi do-thám ?

Qui-Nhi không hoang-mang gì cả cứ ung-dung mà rằng :

— Tiểu-sinh không phải là người do-thám, lại đây là muốn đem cái kế phá giặc đề hiến cho công-chúa đây thôi.

Mai tiều-thư nói :

— Người có biết công-chúa à ?

Qui-Nhi nói :

— Tiểu-sinh không biết công-chúa, nhưng có người em họ nói rằng có tình qua-cát với công-chúa, nhờ tôi lại đây đề hiến-kế đó.

Mai tiều-thư hỏi :

— Chẳng hay người em họ người tên họ là gì, nay ở đâu ?

Qui-Nhi nói :

— Em họ tôi, họ Hoàng tên là Qui-Nhi, hiệu ở Sái-đầu, là một người tâm-phúc của Lam đại-vương.

Mai tiều-thư nghe nói liền mắng rằng :

— Thật là nói dối quanh, đã là người tâm-phúc của quân Lam-tặc, cơ sao lại chịu đến đây mà bày mưu phá tặc ?

Qui-Nhi nói :

— Em tôi vẫn sợ rằng công-chúa có bụng nghi ngờ, nên có nhờ tôi đem lại một vật, bảo rằng đưa vật này ra cho công-chúa xem, rồi chuyển-giao cho Hoàng tướng-quân xem thì tự-khắc là biết rõ.

Nói rồi liền giở trong mình lấy ra một cái khăn lụa thêu hoa gấm đưa lên. Mai tiều-thư tiếp lấy nhận xem, có ý kinh-nhạ, nghĩ thầm rằng : Cái khăn lụa này giống như cái khăn lụa ở trong hòm Hoàng-lang, nghe Hoàng-lang nói cái khăn này là tự tay bà mẹ dệt ra, chỉ có hai cái, một cái đã đưa cho Trương thu-thư làm sinh-lễ, hay là cái khăn này chẳng ? Nhưng tên là Qui-Nhi thì tuy rằng phải thật, sao mà lại là họ Hoàng thì lạ thật ! Liền hỏi lên rằng :

— Chẳng hay Hoàng Qui-Nhi chừng độ bao nhiêu tuổi, đến Sái-đầu từ bao giờ ? Có người nào cùng bạn không ?

Qui-Nhi nói :

— Em tôi ước độ mười-bảy mười-tám tuổi, hồi tháng tư năm nay cùng với cha mẹ định đi đến chơi sơn-trại công - chúa. Khi qua đường Long-xuyên, bị phải bộ-tướng Lam đại-vương bắt giải về trong trại. Lại gặp được nghĩa-nữ Lam đại-vương là Tạ Kim-Liên yêu cái tài-mạo của y, cưới lấy làm chồng, hiện nay làm Tam-đô Đô-đốc.

Mai tiều-thư nghe mới nghĩ thầm

rằng : Nếu đã phải người nghĩa-nữ cưới lấy làm chồng, thì lại là người con trai, lại càng lấy làm nghi, rồi lại Lỗi rằng :

— Chẳng hay cha mẹ anh ấy tên họ là gì, mà là người ở đâu ?

Quý-Nhi nói :

— Người ở thôn Đào - hoa làng Trinh-hương, cha hiệu là Tư-trai, mẹ là Sa-thị.

Mai tiều-thư nghe nói lấy làm kinh-dị nghĩ thầm rằng : Nếu nói như thế thì rõ là tên bố mẹ chồng ta rồi. Song chẳng hay chú Phùng-Châu khi nhỏ có gọi tên là Quý-Nhi bao giờ ! Toan sai người mời Phùng-Ngọc ra hỏi. Chợt đâu Trương Chí-Long tự dưng ngoài tiến vào. Mai tiều-thư nói :

— Anh lại đây vừa hay !

Liên trở vào Quý-Nhi mà rằng :

— Vừa rồi bọn nữ-binh có bắt được người kia, hỏi ra thì nói nghiêukhê chẳng hiểu ra làm sao cả.

Chí-Long liền nhìn nhận Quý-Nhi, bất-giác thất-thanh mà rằng :

— Ở hay ! người này rõ giống em tôi !

Quý-Nhi trông thấy anh bụng nghĩ chua xót, bưng mặt khóc mà rằng :

— Tiều-muội chính là Quý-Nhi đây !

Chí-Long nghe nói, vừa kinh vừa mừng, liền chạy đến hỏi rằng :

— Thế ra hiền-muội bấy lâu không phải chết, chẳng hay trong hai năm nay ở đâu, làm sao lại mặc giả-dạng như vậy ?

Quý-Nhi nói :

— Tiều-muội không ăn mặc giả-dạng như thế này, thì có khi không được trông thấy anh nữa.

Mai tiều-thư nghe nói biết là Quý-Nhi, vội-vàng bước xuống đi ra dắt tay Quý-Nhi mà rằng :

— May sao gặp được thư-thư, xin mời vào trại trong tương-kiến.

Khi vào đến trại trong, thi-lễ xong, Quý-Nhi hương vào Chí-Long thôn-thức mà rằng :

— Em nghe công-chúa đã vị nhà ta báo-cửu giết giặc rồi, chẳng hay anh đã từng đến Hỏa-đái thu-nhặt lấy hài-cốt cha mẹ chưa ?

Chí-Long cũng khóc mà rằng :

— Hiền-muội chớ thương đau, hai thân tuy bị giặc bắt đến Hỏa-đái, song gặp được người môn-sinh Lại Tân-Vương cứu đỡ cho đem về trong trại, không đến nỗi phải khổ-sở. Hồi tháng ba mới rồi may gặp được chồng em cùng với Lý công-chúa và vị Mai Ảnh-Tuyệt này đem quân đến đánh phá Hỏa-đái, cứu được cha mẹ ta đem ra, lại nhờ được hai vị đưa về ở trại Gia-quế, lấy hậu-lễ tiếp-dãi tử-tế.

Quý-Nhi nghe nói mới biết rằng nàng đứng đó không phải là Lý công-chúa, té ra là nàng Mai tiều-thư. Hà Túc-Tượng đã từng nói là nàng ấy có cứu cho hắn. Quý-Nhi liền lau nước mắt hương vào Mai tiều-thư toan thụp xuống lạy. Mai tiều-thư liền giơ tay ra đỡ lấy mà rằng :

— Chết nỗi ! thư-thư làm thế ra giết tôi không bằng. Chẳng hay thư-thư có sao lại cải-trang ra làm vậy ?

Quý-Nhi bèn kể lại sự nhà gặp nạn phải cải-trang đi đến thôn Đào-hoa để tìm bố mẹ chồng, nào là lúc thì bị cướp, lúc thì phải chiêu-hôn, và những hồi dụng-kế chém Thiết-Ngưu, giết Trần Hưng, phá Dũng-khâu, được phong làm quân-sư, đều thuật qua cả lại một lượt, làm cho Mai tiều-thư mừng rỡ khen rú lên mà rằng :

— Thư-thư thực là người có gan có trí, tiều-muội không thể kịp được. Bấy lâu Hoàng-lang nhớ thư-thư, suốt ngày khóc-lóc, trước kia ở Gia-quế đã

vì thư-thư làm lễ thành-phục chiêu-hồn, Hoàng-lang đã toan quyên-sinh. Nay gặp thư-thư lại đây thì hay lắm, xin mời vào trung-quân cùng Hoàng-lang tương-kiến để cho yên lòng một chút.

Qui-Nhi nói :

— Nay tôi ăn mặc giả dạng thế này, trông thấy Hoàng-lang cũng thẹn mặt, nhờ tiêu-thư đạo-đạt hộ cho.

Mai tiêu-thư nói :

— Thư-thư đã biết thấu được bụng giặc, nay lại đây tất là có thâm-mưu. Nếu không vào yết-kiến Hoàng-lang thì hoạch-kế làm sao được.

Qui-Nhi không thể sao được, phải nghe theo Mai tiêu-thư đưa vào trung-quân. Mai tiêu-thư nói :

— Thư-thư hãy đứng ở đây, để tôi vào báo cho biết trước để ra đón.

Qui-Nhi bèn đứng lại ở cửa viên-môn. Phùng - Ngọc và Lý công - chúa nghe tin Qui-Nhi chưa chết, mà cha mẹ mình bị hãm ở Sái-dầu, may cũng không can sao, bất-giác vừa kinh-sợ vừa mừng rỡ, liền cùng với công-chúa ra ngoài cửa viên-môn để đón rước. Qui-Nhi trông thấy Phùng-Ngọc đỏ mặt tưng-bừng, cầm quạt che mặt không chịu bước lên. Lý công - chúa và Mai tiêu-thư cùng dắt đưa vào trại trong. Phùng-Ngọc ra dáng bẽn-lẽn vái một vái mà rằng :

— Tiêu-sinh phụ - ước, để đến nơi hiền-thê phải kinh sợ. Nay trông thấy hiền-thê thực lấy làm thẹn-thùng lắm ! Cha mẹ tôi nhờ hiền-thê cứu-hộ được vô-sự, chẳng hay ít lâu nay có được yên vui không?

Qui-Nhi che mặt khóc mà rằng :

— Ông bà ở trong sơn-trại may nhờ được nghĩa-nữ của Lam Năng là Tạ Kim-Liên sớm hôm phụng-dưỡng cũng được bình-yên cả, chàng không

phải lo. Bấy lâu thiếp nghe chàng vì thiếp mà bị nhục ở ngục Nam-hải, sau lại vì thiếp mà đánh phá giặc Hỏa-đái, thâm - tình cao - nghĩa của chàng, dẫu thiếp quyên-sinh đi cũng không thể báo-đáp được.

Nói dứt lời, liền giở địa-dò ra, dắt tay Lý công-chúa đến trước án, trở bảo rằng :

— Cái địa-dò này từ-chỉ phân-minh đủ cả các nơi hiểm-yếu.

Lại trở cái trại Tam-giác mà rằng :

— Trại này rừng sâu rậm-rạp, có thể phục-binh được. Công-chúa nên kén lấy cường - binh mãnh - tướng, mai - phục khắp cả mọi nơi, trong khoảng giữa thì giả-cách bày ra các doanh trại, kéo cờ hiệu Hoàng-lang. Đợi đến ngày mồng tám tháng chạp, tôi sẽ bày kế khiến các tướng kiêu-dũng của Lam Năng lại đó cướp trại, rồi ta nổi phục-binh lên đánh, thì bọn cường-đồ khá giết được hết. Giết được bọn cường-đồ ấy rồi lập-tức tiến đi đánh các trại : Dương-giốc, Yến-vĩ, có thể một trận đánh là hạ được cả. Công - chúa cùng Hoàng-lang thì đem một cánh quân kéo thẳng đến Sái-dầu, tôi sẽ báo Hoàng Doãn mở cửa ải ra nghênh-tiếp. Thôi nói thế là đủ, tôi phải trở về ngay bây giờ, sợ tri-trệ ra thì tiết-lộ chẳng.

Lý công-chúa nói :

— Thư-thư đã nói như thế, thì tôi không dám lưu lại nữa. Song tôi không biết thư-thư ở trong trại giặc thì thôi, nay đã biết thư-thư ở đó, có lẽ cứ phóng-tám để cho thư-thư đi một mình sao đành.

Liền ngảnh lại bảo Mai tiêu-thư rằng :

— Ta muốn cho hiền-muội theo thư-thư cùng đi.

Quý-Nhi nói :

— Cùng đi sao được, tôi lại đây không có tiêu-thư theo hầu, nay trở về lại đeo một nàng tiêu-thư đem về, há chẳng thêm cho người ta sinh ngờ ra ư ?

Mai tiêu-thư nín lặng nghĩ một hồi rồi nói rằng :

— Tôi có mẹo này rồi !

Liền ngoảnh lại Chi-Long mà rằng :

— Anh ra tìm thặng nhỏ hầu Quý-nương, bảo nó lột áo mũ ra cho tôi mượn.

Chi-Long ra lột áo mũ của thặng nhỏ đem vào. Mai tiêu-thư cầm lấy đem vào chỗ khuất cái-trang mặc ra lột tiêu-dồng rồi chạy ra hỏi rằng :

— Mặc như thế này có được không ?

Chúng đều cười mà rằng :

— Mặc như thế thì hết lắm !

Quý-Nhi cũng bung mồm cười mà rằng :

— Theo hầu thế thì coi sao đang.

Mai tiêu-thư cứ việc giắt ngậm lưu-tinh-trùy vào trong mình, để thặng tiêu-dồng hầu Quý-Nhi ở lại, rồi từ biệt mọi người cùng với Quý-Nhi ra khỏi cửa trại. Chợt gặp Hoàng Nhượng họp quân hương-dũng đem binh-mã đến trại định vào yết-kiến Phùng-Ngọc, chợt trông thấy mặt Quý-Nhi nói lên rằng :

— Tên nguy-đô-dốc của quân Lam-tặc này, làm sao lại đến đây !

Quý-Nhi chẳng nói chẳng rằng cứ bước ra đi. Phùng-Ngọc xua tay. Hoàng Nhượng hỏi lại rằng :

— Chẳng hay tướng-quân cùng với người ấy có quen biết không ?

Phùng-Ngọc cười mà không trả lời, chỉ hỏi rằng :

— Chẳng hay thúc-phụ đem đến được bao nhiêu binh-mã ?

Hoàng Nhượng nói :

— Có được hơn một nghìn quân.

Phùng-Ngọc nói :

— Nay thúc-phụ khá đem quân về Trung-trấn, đến mồng tám tháng chạp thì cứ y kế như thế... có thể phá Thượng-trấn mà bắt được Lý Đường-Tôn ; rồi thừa-thắng đánh phá Miêu-Mi thì Tô Doãn-Sơn cũng khá chém đầu được,

Hoàng Nhượng lĩnh mưu-kế rồi kéo quân đi. Phùng-Ngọc lên trưởng họp chủ-trưởng lại truyền lệnh : sai Đan Dũng, Mã Tán, Bàn Ma-La, Triệu Tín, Đường Hồ, Mã Cách, Giả Kỳ, Lợi Dụng đều đem một vạn quân tinh-dũng cường-cung kinh-nỗ cứ lặng-lặng kéo đến chòm Tam-giác, chia ra tám mặt mai-phục, hễ nghe hiệu pháo liên-châu nổi lên, thì đều xung-sát ra đánh, đừng có để cho một tên giặc nào chạy thoát được. Mã A-Ma thì đem ba trăm binh đến chòm Tam-giác, bày ra dinh-trại giả, rồi dựng cờ hiệu của ta lên. Nếu trông thấy quân giặc kéo đến, thì liền nổi hiệu pháo rồi tháo lui. Đợi khi chém hết quân giặc, thì lại lập-tức đem binh đi đánh các trại : Dương - giốc, Yên-vĩ, Kê-quan, Tử-liêm, rồi đến trại Sái-dầu mà hiển-tiếp. Phùng-Ngọc phân phát đã xong, các tướng đều chỉnh-bị kéo quân đến Tam-giác ; chỉ lưu hai vạn quân trông nom thuyền bè. Còn tự mình thì cùng với Lý công-chúa lĩnh lấy năm vạn binh bản-bộ đợi đến ngày mồng tám tháng chạp thì tiến đi đánh trại Sái-dầu. Thực là :

*Bày sẵn bẫy hãm rình bắt cọp,
Thả ngấm mồi tốt dữ câu hèn.*

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU

VĂN-UYÊN

DỊCH THƠ TÀU

I

湘中送友人

Trên sông Tương tiễn bạn

唐人李頻

(Của ông LÝ TẦN đời Đường)

中流欲暮見湘烟。

葦岸無窮接楚天。

Bảng lảng trời Tương mây khói quanh,
Bãi lau sông Sở bạt-ngàn xanh.

去雁遠衝雲夢雪。

離人獨上洞庭船。

Cánh hồng đây tuyết qua Vân-mộng,
Thuyền khách chia vui vượt Động-đình.

風波盡日依山轉。

星漢迤宵向水連。

Ngày sóng rập-rènh non đảo-đảo,
Đêm sao vắng-vặc nước long-lanh.

零落梅花過殘臘。

故園歸去及新年。

Hoa mai đã dãi qua màu chạp,

Vườn cũ thăm xuân, xuân vừa xinh.

Lời giải kèm lời bình. — Thơ này là thơ tiễn người bạn từ đất nước Sở quay thuyền về cố hương, thuộc về thể tống-biệt. Duy hai người cùng là khách du-hoạn, kẻ ở người về, người về thì chơi miền oanh-liêu ở xứ trung-đô, kẻ ở thì vui thú giang-hồ ở nơi trạch-quốc, đều là khách phong-lưu, đều là tay hào-đạt, không có nỗi gì cảm-xúc đến bi-thương. Cho nên trong thơ tả thời tả cảnh về phần nhiều, mà tả tình thì có ít. Nhưng, tả thời như câu thứ bảy thứ tám, thực là đã trông thấy thời tả cảnh như câu thứ năm thứ sáu, thực là đã trông thấy cảnh; mà như câu thứ nhất, câu thứ nhì, câu thứ ba, trong cảnh lại có vô-hạn tình; như câu thứ tư, trong tình lại có vô-hạn cảnh. Trong làng thơ xưa nay, ai cũng thích thơ Đường, xét ra cũng không phải là không có cơ.

II

酌酒與裴迪

Rót rượu mời bác Bùi Dịch

唐人王維

(Của ông VƯƠNG DUY đời Đường)

酌酒與君君自寬。

人情反復似波瀾。

Rót rượu mời ông, ông chớ buồn,
Tình người giao-giở nọ chan-chan.

白首相知猶按劍。

朱門先達笑彈冠。

Càng quen nhau lắm lên đau khỏe,
Kẻ cả trông chừng ngả mặt lên (1).

草色全經細雨濕。

花枝欲動春風寒。

Ngon cỏ mưa trơn màu biếc rờ,

Cành hoa gió thổi ý xuân ghen.

世事浮雲何足問。

不如高臥且加餐。

Nghĩ đời mà ngán cho mây nổi,
Năm khềnh ăn no gì sướng hơn!

Lời giải kèm lời bình. — Thơ này là thơ rót rượu mời bạn, khuyên bạn chớ buồn, mà tả ra bức tranh phiến-phúc của người đời, rồi kết lại lấy sự năm khềnh ăn no làm sướng, thuộc về mối cảm-khái. Duy, kẻ xem thơ phải nên biết rằng những sự vẻ-vang cho gia-quốc, chống-vác với giang-sơn, mới thật là sự sướng của người quân-tử; chứ cái sự năm khềnh ăn no nguyên không phải là sự sướng của người quân-tử đâu. Chỉ vì đời là đời phiến-phúc, thói là thói phù-vân; lợi hại không kể gì lạ quen, trước sau đã coi nhau hơn kém, kẻ đắc-chí kia ví như ngon cỏ gặp mưa, thiên gì về màu-mỡ, người quân-tử nọ ví như cành hoa đương gió, còn lắm nổi lung-lay. Nếu mà cứ lẫn lộn mãi ở trong đám phong-trần, mơ-màng mãi ở trong vòng thế-lợi, chẳng dơ lắm ru! mà chẳng thiệt lắm ru! Cho nên bắt-đắc-di cũng phải lấy sự năm khềnh ăn no làm sướng. Thơ này cảm-khái bao nhiêu mà cảnh-thế bao nhiêu!

Tùng-Vân

(1) « Kẻ cả ngả mặt lên » có hai nghĩa : một là nghĩa rộng lượng, hai là nghĩa 'kiêu-căng, chứa rồ nghĩa nào phải; đây dùng nghĩa thứ hai.

THƠ CỔ

Ngôn-ấn thi-tập

(Của Bằng-quân-công soạn)

Tiếp theo

IX

Ta cũng là con có mẹ cha,
 Sao trời thời thăm, chúa thời xa.
 Nghi thân chẳng phải người bèo-bọt,
 Cây dạ đà nên nghĩa ruột già.
 Chừa tỏ từ đâu bưng miệng lọ,
 Mong tìm đến chốn uốn cành đa.
 Biết thời khen đấy, chẳng chê đây.
 Xiết kẻ đua lời đũa trẻ ca.

X

Muốn mong thánh-đức nhận chi đầu,
 Mơu mạnh này ai kéo thăm sâu.
 Gấp lửa hư-không làm mống họa,
 Bắt bò bỗng-chốc buộc cành dâu.
 Hồ lòng quân-tử lòng lơ rỗi,
 Tưởng nghĩa Di Tề nước mắt màu.
 Giữ đạo quân-thần mình chẳng quản,
 Trời cao đã cậy có trên đầu.

XI

Khó hèn là phạm biết là sao,
 Sang trọng đã từng có lạ bao.
 Ngay-thảo đối cùng mười đất thấp,
 Ái-tru thấu đến chín trời cao.
 Hồ danh chút trộm dòng vàng ngọc,
 Thẹn nỗi còn pha tiếng mạn đào.
 Giận kẻ uốn ngay làm cong thế,
 Phạm yên đòi phạm dám phi-phao.

XII

Chực phạm thôn-bơn ép một bề,
 Nghi là được vẹn nghĩa Di, Tề.
 Dừng-dung nẻo lợi chẳng còn nổi,
 Lành-lạch đường danh đủ chịu ghê!
 Hai chữ bảo-toàn tay đã chắc,
 Nửa điều can-phạm dạ nào nghi.
 Nhân-tình có biết chẳng mà chớ,
 Sẻ cậy nhờ chừng mũi bút đề.

XIII

Sống chơi dương-thế thác thời về,
 Ai tiếc thân ai người ấy thề.
 Trót đã trộm sinh vào cửa Trịnh,
 Cũng hay ra đến ở cảnh Lê.

Cầm quân những ngỡ còn e giặc,
 Tha gánh nào ngờ lại giắt dề.
 Bịn-rịn nổi chỉ trong bụi đỏ,
 Thẹn người tai rửa lạch Tào-khê.

XIV

Vô-duyên trái kiếp thiết hòa hai,
 Chẳng biết là ai giống máu ai.
 Những tưởng trên thời đã suốt dưới,
 Nào hay trong lại phải thua ngoài.
 Nghi nguồn-cơn nọ gan dầm muối,
 Thấy khúc-nôi này thịt sỡ gai.
 Khen kẻ đặt lời sao khéo xiết,
 Rằng thân người chẳng khác con bài.

XV

Người thế này bỗng thế này,
 Biết làm sao được vậy là bay.
 Hư-không bới giờ nhìn lông vết,
 Bỗng chớp đôi co nổi cối chầy.
 Mực nầy mới tưởng cây khúc thẳng,
 Gương soi liền tỏ mặt gian ngay.
 Biết rầy khôn dãi niêm trung-ái,
 Những giống vô-đồ khéo chặt tay.

XVI

Chẳng bằng ai cũng chẳng thua ai,
 Nào nghi làm chi lọ thờ dài.
 Đắc-thất sự đời xem trước mắt,
 Thị-phi lời chúng gác bên tai.
 Tuổi cao đã đủ mùi nồng nhạt,
 Vạn bĩ liền trường nổi thăm phai.
 Rõ một mắt thời hồ chẵn được,
 Mặc dầu tây hồ lại đông lai

XVII

Phạm danh yên phạm chữa yên thân,
 Vàng ngọc còn chen đám tục-trần.
 Trong hãy trả ơn bề cốt-nhục,
 Ngoài càng lưỡng tưởng đạo quân-thần.
 Minh ta đã nghi ta vô-lụy,
 Dạ chúng đã hiềm chúng bất-nhân.
 Ấy bởi vụng sinh hay lỗi số,
 Máy thiêng khôn biết mặc xoay vần.

Bản-chí sao-lục

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới. — Việc sông Ruhr. —

Việc sông Ruhr vẫn cứ nhùng-nhằng như thàng trước, không tiến được bước nào. Thủ-tướng Cuno nước Đức đã từ-chức. Thủ-tướng mới lên là SCRESEMANN. Nhưng mà như mấy kỳ trước đã nói, việc sông Ruhr này không một là việc Pháp-Đức giao-thiệp, chính là việc Pháp-Anh giao-thiệp, nên nước Đức dẫu đổi thủ-tướng cũng không quan-hệ gì. Quan-hệ là sự thảo-luận của hai chính-phủ Pháp Anh với nhau; sự thảo-luận ấy trong tháng vừa rồi tuy vẫn ôn-hòa nhưng chưa giải-quyết được việc gì cả. Ngày 11 tháng 8 Lord Curzon là ngoại-tướng nước Anh có gửi một đạo quốc-thư cho Chính-phủ Pháp có ý trách nước Pháp về việc chiếm-cử sông Ruhr. Thủ-tướng kiêm ngoại-tướng Pháp là quan Poincaré liền phục-thư trả lời, bức thư ấy dài lắm, ngày 22 tháng 8 đã công-bố cho các báo, trong thư kể rất tường-tất về nguyên-ủy việc sông Ruhr và giải rõ cái thái-độ cùng cái chủ-nghĩa cũ nước Pháp. Đại-khái nói rằng chính-sách nước Pháp trong việc này không phải là chính-sách ích-kỷ, không có cho rằng vấn-đề bồi-thường có thể gác bỏ lợi-quyền của các nước Âu-châu ra ngoài mà giải-quyết được. Nước Pháp cũng biết những nỗi khó-khẩn của các Đồng-minh, nhất là nỗi nước Anh bị thợ không có việc làm phải nghỉ nhà. Nước Pháp cũng cố chăm-chước chứ không phải không, duy muốn sửa đổi lại hòa-ước Versailles thì là việc không nên, vì gây ra một cái nấp nguy-hiểm. Nước Pháp cũng đã chịu nhân-nhu cho nước Đức nhiều lắm, trước khi Hội-đồng Bồi-thường và tự khi Hội-đồng Bồi-thường đã định các khoản nợ của Đức, nước Pháp vẫn cứ nhân-nhu mãi, Đức thấy thế lại càng trầy lười thêm, hẹn ấy sang hẹn khác vẫn không trả được tí nào cả. Không những không tìm cách chỉnh-đốn lại tài-chính trong nước, mà lại định các giá vận-tải hạ hơn cả các nước khác, tăng lương-bổng cho các quan-lại, không đánh thuế nặng các nhà công-nghệ lớn và các chủ hãng tàu, tổ-chức lại đội thương-thuyền, đào sông cùng làm nhiều những công-trình to-tát mà nước Pháp hiện nay cũng chưa có sức làm nổi. Đã ba năm nay nước Đức

cứ « cù nhầy » như thế mãi, bắt-đắc-đi nước Pháp mới phải đem quân sang chiếm-cử hạt sông Ruhr. Hội-đồng Bồi-thường đã cho quyền nước Pháp được hành-động như thế, quyền ấy trong hòa-ước có dự-định, và chính các Đồng-minh cũng đã mấy phen công-nhận, theo như lời nghị-định của Hội-nghị thành Spa ngày 16 tháng 7 năm 1920, theo như lời tuyên-bố ở Londres ngày tháng ba năm 1921, và lời quyết-định của Cao-đẳng-Hội-nghị ngày mồng 5 tháng 5 năm 1921; cứ lời quyết-định ấy thời hễ nước Đức sai lời hứa, Đồng-minh có quyền được đóng binh ở hạt sông Ruhr. Nay nước Đức sai hẹn, chính nước Đức cũng đã công-nhiên chịu nhận như thế rồi. Dù vậy, và tuy trong hòa-ước đã nói rõ-ràng trước, nước Đức vẫn cho việc chiếm-cử ấy là một việc « chiến-tranh-hành-vi », ra sức chống-lại, nói là chống-lại một cách « tiêu-cực » mà thực chống-lại một cách hoạt-động, do bọn chủ công-nghệ lớn và chính Chính-phủ Berlin chủ-trương. Bao giờ nước Đức có thôi sự đê-kháng như thế thì Chính-phủ Pháp mới chịu đổi cách chiếm-cử, và kể nước Đức trả được bao nhiêu, nước Pháp sẽ rút quân về bấy nhiêu. Nước Pháp không có chủ-ý muốn đóng binh ở sông Ruhr mãi làm gì, và cũng không có lập-tâm muốn kiêm-tính hạt ấy. Muốn cho nước Pháp rút quân về, chỉ thuộc ở nước Đức mà thôi, nước Đức nên cố gắng lên, cứ xem như nước Áo không có sức mạnh như nước Đức mà còn chỉnh-đốn được tài-chính trong nước, huống là nước Đức. Nay muốn cho nước Pháp xử-trí theo cách khác, thời có khác gì về bè với Đức, cho Đức là phải, và theo như lời thủ-tướng Anh cũ là LLOYD GEORGE đã nói « bắt bên thắng bồi-thường cho bên bại và cho bên bại được hưởng-lợi sự chiến-thắng » hay không? Số tiền Pháp đòi Đức không phải là quá sức nước Đức không thể trả được. Pháp đã từng bàn với Đồng-minh định số tiền bồi-thường của Pháp được đòi Đức là 27 ngàn triệu mã-khắc vàng và trừ cho chia ba một phần tiền nước Pháp nợ các Đồng-minh. Đồng-minh đã thuận, trong số bồi-thường làm ở Londres đã công-nhận cho

nước Pháp hai điều đó, lại dành cho nước Pháp một phần lợi ngoài nữa. Đức không trả, nước Pháp đã phải ứng cho Đức nhiều lắm, nhưng không thể ứng cho mãi mà cũng không thể đình việc tu-bổ trong nước được. Nước Pháp không hề chối những khoản mình cơ nước Mĩ và nước Anh, nợ vì phải vay trong khi chiến-tranh để cùng nhau đánh cho được; chính nước Pháp cũng cho vay các Đồng-minh khác tới năm ngàn triệu mã-khắc vàng; nhưng nước Pháp tưởng rằng những khoản chiến-phí nên tính sau các khoản bồi-thường thì mới phải hơn. Các khoản bồi-thường còn cần hơn các khoản nhiên-phí. Tiền bồi-thường nước Đức chưa trả xong, mà Đồng-minh đã đòi nợ lẫn nhau về khoản chiến-phí, thì ngổ đã dang chưa? Ấy chính-phủ Pháp bàn như thế, lời bàn ấy đâu có thể chằm-chước sửa đổi ít nhiều, nhưng cũng được một điều hay là không phải sửa-đổi đến hòa-ước. Hội-đồng Bồi-thường đã định cái tổng-số nợ của nước Đức, bây giờ chỉ phải tùy tình-thế định lại các hạn trả ngắn dài là chừng nào mà thôi. Nước Đức bây giờ cố-ý cáo-cùng, nhưng uest Đồng-minh cho sự cáo-cùng tạm-thời ấy là cáo-cùng thật mà tính giảm số nợ cho nước Đức thì thật là mắc mưu nước Đức muốn trốn nợ vậy. Nước Đức chỉ có các khoản bồi-thường là nợ ngoài, còn nợ trong nước không có gì cả, nếu nợ ngoài lại không phải trả nữa thì nước Đức bại mà được phong-phú, các nước thắng lại phải bần-cùng. Vậy không thể bỏ các khoản bồi-thường để giúp cho nước Đức khôi-phục lại nền kinh-tế trong nước vì các nguồn-lợi của nước Đức vẫn còn y-nguyên, không đến nỗi sa-sút như các nước khác. Trong thư lại nói đến cái tình hình Hội-đồng Bồi-thường, tuy thiếu mất một viên đại-biểu Mĩ, nhưng mỗi lần nước Đức sai hạn trả nợ, trong bốn đại-biểu vẫn được ba người chứng-nhận sự sai hạn ấy đối với một người không, không cần phải dùng đến cái đặc-quyền quyết-định của viên chánh-hội-đồng là người Pháp. Và lại trong tổng-số nợ của Đức, nước Pháp và nước Tĩ đã được 60 phần trăm /; người Anh hay ra thực-tế hơn là lý-thuyết xem một điều đó cũng đủ hiểu. Bức thư kết-luận nội rằng nước Pháp sẵn lòng cùng thảo-luận các lẽ ấy với Đồng-minh một

cách thân-thiện, lấy rằng có thể đồng-ý nhau về sự bắt nước Đức phải trả ngay cái phần bồi-khoản cần để tu-bổ các miền bị tàn-phá. Còn phần bồi-khoản nữa cùng các khoản chiến-phí thì nên giao cho Hội-đồng Bồi-thường xét về sau. Nước Pháp chắc rằng nước Anh không có ý muốn đòi nợ Đồng-minh trước khi nước Đức trả tiền bồi-thường, vì nước Anh phải hiểu rằng nước Pháp cần phải sửa-sang chính-đốn trong nước lại đã, rồi mới có cách trả nợ được. Nếu cái lợi của nước Anh là muốn cho nước Đức khôi-phục được, thì cái lợi của nước Anh há lại muốn cho nước Pháp phải bại-hoại sao?

Lời phục-thư của nước Pháp thật đã kể rõ đầu đuôi việc sông Ruhr, nước Tĩ cũng đồng một ý-kiến ấy, và nước Ý cũng đã biểu-đồng-tình. Duy có nước Anh cứ kháng-khăng cho việc chiếm-cứ sông Ruhr là một việc thất-sách, tuy kuông công-nhiên cầu cho nước Pháp bại-hoại, nhưng trong bụng cầu cho nước Đức chóng khôi-phục. Nước Pháp thì tuy không công-nhiên cầu cho nước Đức suy-đồi, nhưng cũng không muốn cho nước Đức khôi-phục được chóng. Cái lợi hai bên có ý trái nhau, mà lợi-quyền đã xung-đột thì tình bè-bạn cũng quên-nhãng vậy.

Nghi-viện Pháp duyệt điều-ước Washington. — Ta còn nhớ rằng hồi cuối cùng năm 1921 các nước có quyền-lợi ở Thái-bình-dương họp một hội-nghị ở kinh-dô Washington nước Mĩ gọi là Hội-nghị Thái-bình-dương, các báo ở Á-Đông hồi bấy giờ bàn nói đến nhiều lắm. Mục-dích hội-nghị ấy là điều-đinh các việc quan-hệ đến mấy nước có lợi-quyền ở Thái-bình-dương. Hội-nghị xong có ký mấy cái điều-ước ngày 13 tháng 12 năm 1921 và mồng 6 tháng 2 năm 1922 trong mấy nước Pháp, Mĩ, Anh, Nhật. Theo phép thì các điều-ước phải do Nghi-viện các nước duyệt-y rồi mới thi-hành. Nghi-viện nước Pháp mãi đến tháng tám tây năm nay mới đem ra thảo-luận và quyết-nghị duyệt-y. Nhân đây ta thử xét qua xem điều-ước ấy định những gì. Điều-ước ấy trước nhất hạn-chế sự vũ-bị về hải-quân, rồi sau định rằng trong mấy nước ký-ước hoặc sau này có xảy ra sự cạnh-tranh gì thì phải họp nhau lại mà điều-đinh đã, không được tự-tiện khai-chiến. Hai điều

ấy là chủ giữ cuộc hòa-bình ở Thái-bình-dương. Nay về phần riêng mỗi nước có quyền-lợi ở Thái-bình-dương, thời trừ nước Anh, nước nào cũng có lợi cả. Nước Mỹ thời xin bãi được cái ước Đồng-minh Anh Nhật, thế là không phải lo về nước Nhật lắm như trước nữa; lại bên-vực được cho nước Tàu khiến cho thoát-li được nước Nhật, thế là không sợ Nhật có thế-lực mạnh quá ở Tàu, và về phần mình thì được cảm-tình với người Tàu, thế nào cũng có lợi cho mình. Về phần nước Nhật thời tuy phải hạn-chế thủy-quân, phải trả lại Sơn-đông cho Tàu và phải bỏ nhiều mỗi quyền-lợi riêng ở Tàu, nhưng cũng được nước Mỹ hứa không đặt pháo-dài ở *Philippines* và ở đảo *Guam*, thế là không sợ Mỹ có cách xâm-phạm đến mình được, và lại được Mỹ công-nhận cho có đặc-quyền trong hải-phận nước Tàu. Còn Cao-ly cùng bán-đảo Liêu-đông vẫn giữ được và cái thế-lực riêng ở Mãn-châu cũng không ai hỏi đến. Thế là vẫn được chắc chắn ở Tàu, và về đường lý-tài, đường kinh-tế nước Tàu cũng không thể đời hẳn Nhật mà theo với Mỹ được. Về phần nước Pháp thời tuy về hải-quân cũng phải hạn-chế, nhưng về lục-quân được tự-do kinh-doanh; thuộc về việc Thái-bình-dương thì nước Pháp cũng được tham-dự vào « điều-ước bốn nước » (*traité à quatre*), nghĩa là được liệt-cường công-nhận có quyền-lợi to ở Thái-bình-dương; lại được quyền-tự-do vô-bị các thuộc-địa ở Thái-bình-dương (đất Đồng-Pháp ta cũng kể vào đấy); được giữ Quảng-châu-loan, không phải trả lại Tàu ngay. Về phần nước Anh thì xem ra có ý tuiệt, không được lợi điều gì mà ước Đồng-minh với Nhật lại bị thủ-tiên, thành ra cách phòng-bị thuộc-địa Ấn-độ có lẽ không được chắc-chắn như trước (bởi thế nên gần đây thấy nói muốn đặt *Singapore* làm chiến-cảng và làm nơi căn-cứ cho hải-quân Anh ở Á-Đông). — Được lợi nhất ở Hội-nghị Thái-bình-dương, duy có nước Tàu, được liệt-cường công-nhận cho là một cường-quốc, được bằng-đẳng với các nước Thái-bây, lại được nước Nhật phải trả Sơn-đông và phải bỏ cái mật-ước 21 điều. — Nói tóm lại, xét về sự lợi-ích chung cho cuộc hòa-bình trong thế-giới thì Hội-nghị *Washington* thật đã nên kết-quả hay. Mấy năm

nay trong thiên-hạ vẫn cứ nơm-nớp sợ có một cuộc đại-chiến-tranh trên mặt bể Thái-bình; nay các nước có lợi-quyền ở bể này đã ước với nhau rằng nước nào cũng phải hạn-chế hải-quân của mình, lại ước với nhau hề có xảy ra sự gì bất-bình thì phải hội-nghị bàn giải trước đã, cùng-bất-đắc-dĩ mới phải đánh nhau, như thế thời tuy không tệt được hẳn cái họa chiến-tranh, nhưng cũng làm cho sự chiến-tranh khó-khăn ra, thế cũng là một sự may vậy.

Nghị-viện nước Pháp thảo-luận qua rồi duyệt-y các điều-ước *Washington*.

Việc nước Tàu. — Việc nước Tàu trong tháng vừa rồi cũng vẫn phân-vấn như thế. Hiện chưa thấy tin-tức gì về việc bầu-cử Tổng-thống. Ở Bắc-kinh bây giờ hậu như không có Chính-phủ. Các đảng có mời mấy tay ngoại-giao có giá-trị, như Nhan Huệ-khánh (Dr. YEN), Cổ Duy-Quân (Dr. Kou), lập nội-các mới, nhưng các ông ấy cũng ngần-ngại không muốn nhận. Lại nhiều người trông cậy vào Vương Khắc-Mãn (WANG KO-MIN) để chỉnh-dốn việc tài-chính, Vương cũng thoái-thác không chịu. Nói tóm lại thời việc nước Tàu nát quá, những người có giá-trị không dám ra mà cẳng-dáng nữa. Trong khi ấy thời thổ phỉ vẫn hoành-bành, nghe đâu liệt-cường đương ban lập một đội quân cảnh-sát do quân-quan ngoại-quốc coi, để giữ sinh-mệnh tài-sản của người ngoại-quốc ở Tàu. Các báo tây nói rằng thuế thương-chánh năm 1923 đã tăng hơn năm ngoài, mà số thu-nhập trong tháng bảy năm nay kém tháng bảy năm ngoái 18 vạn lạng; nước Tàu bây giờ chỉ trông vào thuế thương-chánh là chắc-chắn hơn, vì có người ngoại-quốc quản-lý cho, vậy mà thuế thương-chánh cũng sút đi như thế thì Chính-phủ lấy tiền đâu mà tiêu?

Động đất ở Nhật-bản. — Nhật-bản mới phải một sự thiên-tai rất dữ-dội. Hai

người hại của bằng mấy phen chiến-tranh.

Cứ theo như tin của quan Lĩnh-sự Nhật ở Hải-phòng truyền lại về sự thiên-tai dữ-dội ấy lược-thuật như sau này :

Hồi 8 giờ tối ngày mồng 1 tháng 9 tây bắt đầu động đất, mãi đến sớm ngày mồng 3 mới hơi yên-tĩnh một ít, đến sớm mồng 6 mới thực bình-tĩnh. Trong khi trấn-dộng ước có đến 1 nghìn 3 trăm lần. Cái khu-vực trấn-dộng dữ-dội nhất là từ nam đến bắc 40 dặm Nhật, đông đến tây 50 dặm Nhật, bao-vi đến 7 huyện, 5 thành-phố, 33 quận ; nhân-dân bị hại ở trong các khu-vực ấy, là sáu mươi vạn người, những sự tổn-hại chưa biết bao nhiêu mà kể cho hết được.

Kể những nơi bị hại là thành Đông-kinh (*Tokyo*), thành Hoàn-tân (*Yokohama*), quận Kiêm - thương (*Kamakura*), huyện Thiên-diệp (*Chiba*) và các nơi gần bề là đất Phầm-xuyên (*Shinakawa*), Đại - sâm (*Ômori*), Nhiệt-hải (*Atami*), v v . .

Ở Đông-kinh đương khi nổi động-đất thì lửa cháy đến gần năm mươi chỗ, cứu-hỏa-đội không thể nào chữa được ; thành Đông-kinh cả thấy 15 khu mà cháy mất đến già nửa. Nhà Đế-quốc-kịch-trường (*Teikokugekyô*), Đế-quốc-đại - học (*Teikoku-daigaku*) cùng các bộ-viện, các chùa-chiền đều bị cháy nhiều lắm. Đương khi lửa cháy, thì quan Thủ-tướng là Sơn-bồn-quyền-binh-vệ (*YAMAMOTO*) ở sở Hải-quân hội-ngự cũng bị nhà đổ bị thương. Sáng hôm mồng 2, quan Thủ-tướng cùng các quan đại-thần mới đi vào bãi-mệnh, xong rồi lại trở ra nhà Hải-quân hội-ngự thì bị lũ hung-đồ vây đánh, may chạy trốn được thoát. Lại có tin rằng khi quan Thủ-tướng vào nhà Hải-quân hội-ngự thì bị nước thủy-trào cuốn trôi đi mất, không biết tin ấy có đích-xác không.

Trong lúc động đất ấy thì Thiên-hoàng cùng hoàng-hậu đương đi tránh nắng ở núi Nhật-quang (*Nikko*) may được vô-sự, chỉ có một góc nhà li-cung chỗ vua ngự

bị đổ mà thôi. Hoàng-thái-lữ cùng thái-lữ-phi ở tại trong cung-thành thì phải tránh nạn đi ra ở li - cung Thanh-son, cũng không việc gì cả. Hoàng-thành thì bị đổ mất một góc.

Nhà Đại-sứ-quán của nước Pháp và của nước Ý, nước Tàu, đều phải bị cháy cả. Kể ở Đông-kinh những nhà bị cháy bị đổ mười phần mất đến hơn bảy phần. Nhân-dân bị chết bị thương ước đến hơn mười-ba vạn người, tính số nhân-khẩu trong thành Đông-kinh thì mất đến hơn sáu phần.

Thành Hoàn-tân thì bị lửa cháy và cây nước đổ, nhà cửa đều bị đổ bị cháy hết sạch. Người bị chết bị thương ước đến 10 vạn người. Còn ở các thành các huyện khác thì chưa biết tin-tức cho hết được.

Sáng hôm mồng 8, các sở Cảnh-sát mới điều-tra ra đích-xác được ở Đông-kinh những thây bị cháy đến hơn 5 vạn người, còn bị chết đuối chết chẹt cũng ước chừng số ấy. Ở thành Hoàn-tân mới tra thấy số người chết đến 2 vạn 3 nghìn người, bị-thương đến 4 vạn người. Người các nước Âu Mĩ bị chết ước 1 trăm 50 người, hai vợ chồng quan lĩnh-sự nước Mĩ, và quan lĩnh-sự nước Pháp cũng bị nạn chết.

Chánh-phủ Nhật-bản lúc mới khởi động đất thì lập-tức hạ giới-nghiêm quân-lĩnh, phái quân-đội ra các nơi để bảo-hộ cứu giúp cho nạn-dân, và hạ lệnh thu-thập các lương-thực vật-liệu cùng gỗ-lạt xe-cộ để dự-bị sửa-sang nhà-cửa. Ở Đông-kinh hiện đã lập một sở để phát thuốc cứu-tế cho dân bị-nạn, những người đến xin thuốc có đến 50 vạn người. Thiên-hoàng nước Nhật có cấp cho dân bị-nạn một nghìn vạn đồng (10.000.000). Các nhà Ngân-hàng cũng cùng Chánh - phủ hội-ngự các phương-pháp cứu-tế.

Nước Mĩ có phái một chiếc binh-thuyền chở 150 người Mĩ đến để giúp về việc cứu-tế. Chánh-phủ Đông-Pháp hôm mồng 9 cũng có cho thuyền chở 100 tấn gạo và

các thứ thuốc rất nhiều để đem sang giúp cho Nhật-bản, nghe lại còn chở sang giúp thêm nữa.

Nước Nhật phải phen động đất mới rồi, thật cổ-lai không có sự tai-nạn nào dữ-dội bằng. Không biết mấy mươi năm cho khôi-phục được như cũ. Á-châu không phải cái nạn chiến-tranh thời lại phải cái tai địa-trấn, đến cái thế-kỷ 20 này, Tạo vật thật là cố-chi hại loài người vậy.

Việc trong nước. — *Một bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Merlin.* — Ngày 21 tháng 8, Hội Thương-mại Sài-gòn họp cả hội-viên các hội-nghị bầu-cử ở Nam-kỳ làm lễ nghênh-tiếp quan Toàn-quyền MERLIN, Ông DE LA POMMERAYE là Hội-trưởng hội Thương-mại có đọc bài diễn-văn mừng quan Toàn-quyền và nhân thể kể những khoản yêu-cầu của Hội Thương-mại, như: xin chỉnh-dốn việc hành-chính, việc lý-tải và hoàn lại cho số chi-thu Nam-kỳ những khoản cần - dùng để mở-mang xứ ấy; xin cải-chỉnh lại thể-lệ về thương-chánh ở Đông-Pháp; xin hỏi ý các hội-viên bầu-cử về các công việc lớn và tăng số đại-biểu của các nhà thương-mại và các nhà đồn-điền ở Hội-đồng Chính-phủ; xin khởi-hành các công-trình lớn, như đường xe-lửa Đông-Pháp-đại-lục, đường xe-lửa Sài-gòn — Batta-nhang; xin kinh-lý sông Sài-gòn và bến Sài-gòn — Chợ-lớn; xin đặt lại các chuyến tàu Pháp với Đông-Pháp cho được tiện-lợi hơn; vân-vân. — Quan Toàn-quyền có trả lời lại bài diễn-văn ấy, nói đại-khái về cái phương-châm và chính-sách của ngài, các báo tây khen là lời bình-thường giản-dị mà có giọng thành-thực ân-cần, tỏ ra một vị thượng-quan ôn-hòa mà cần-thận, trọng thực-hành hơn hư-văn, không có tính độc-đoan chuyên-chế, nhưng biết đảm-đương trách-nhiệm. Từ khi quan Toàn-quyền tới Đông-Pháp đến nay có bài diễn-thuyết này là quan-trọng hơn nhất. Thuộc về các vấn-đề kể trên kia

thì Ngài nói rằng Ngài còn đương nghiên-cứu. Khi nào thương-thuyết với các quan Chánh các Tổng-cục ở Hà - nội rồi sẽ quyết - định, nhưng phạm quyết-định điều gì cũng sẽ châm-chước ý-kiến của các hội-nghị. Về đường chính-trị, đường hành-chính, thì Ngài nói rằng Ngài theo cái chủ-nghĩa « địa-phương phân-quyền » (*décentralisation*): nghĩa là cho các quan Thủ-hiến các xứ được rộng quyền cai-trị hơn, không phải nhất-nhất tùy thuộc về phủ Toàn-quyền. Ngài nói rằng: « Tôi tưởng không nên nhất-thiết tập-quyền cả ở các Tổng - cục của phủ Toàn-quyền. Phạm phép cai-trị, hễ đứng cao-xa quá mà cai-trị thời cai-trị không được tốt, vì không gần với sự sinh-hoạt của nhân-dân. Quyền hành-chính, muốn cho trực-tiếp và có hiệu-lực, thì phải ở ngay giữa chỗ hoạt-động về đường chính-trị, đường kinh-lẽ; mà quyền ở đâu thời trách-nhiệm phải ở đấy. Tôi sẽ theo một cái chủ-nghĩa như thế mà đề cho các quan Thống-đốc, Thống-sứ, Khâm - sứ, được rộng quyền hành - động hơn ngày nay. » — Đó là đại-khái cái chính-kiến của quan Toàn-quyền MERLIN như thế; ngài mới gọi là kể qua, chắc đến kỳ hội-đồng Chính-phủ năm nay sẽ tuyên-bố rõ - ràng hơn.

Việc Cải-lương ở dân - thôn. — *Một lời bàn nên đề-ý.* — Bản-chỉ tiếp được bài bàn của một ông ở nhà quê, xem ra cũng bổ-ích cho việc cải-lương ở chốn dân-thôn, xin đăng cả nguyên-văn như sau này;

« Kỷ-niệm là một cách rất quan-hệ cho quốc-dân ta đó. Các nước văn-minh bây giờ đều đặt ra ngày kỷ-niệm chung hay là ngày kỷ-niệm riêng, chung là lấy ngày chủ-nhật làm ngày lễ-bái thông-thường, hay là ngày tết tây, ngày hội toàn-thắng, vân - vân, tùy ngày trọng-thể mà đặt ra cách trọng-thể, ngày thường đặt ra cách thường, để cho công-chúng đều biết mà sùng-bái công-đức.

« Nước ta há lại không có ngày nên kỷ-niệm hay sao? Nhưng hay chúng về cách phù-hoa âm-thực, mà không nhất-định cách

nào là cách lễ-bái thông-thường, và cách nào là cách trọng-thê, chỉ tùy tục từng làng từng xóm, từng họ từng nhà mà theo nhau, người theo tục nọ, kẻ theo tục kia, hóa ra không có ảnh-hưởng gì đến nhân-quần xã-hội.

« Nay thường thấy có nơi cũng muốn cải-cách, mà dựng hội giảng kinh, lập đàn lễ-bái, cũng là mỹ-tục đó, nhưng cách định ra chương-trình, không được chính-đáng, lờ ra thủy-thành chung-tệ.

« Vậy tôi muốn nghĩ ra một cách này, là cách kỷ-niệm thường, vừa giản vừa tiện, khiến cho quốc-dân dễ theo, mà ngụ ý tôn-sùng công-đức, lại có thể duy-tri đạo-đức để truyền-bá cái chủ-nghĩa Khai-tri tiến-đức của Hội lập ra, cho được chóng phổ-cập mà bước lên con đường văn-minh tấn-bộ.

« Những cách thiển-nghĩ như sau này :

« 1o - Cách kỷ-niệm quốc-tổ, hương-tổ, gia-tổ, cứ mỗi tháng ngày mồng một âm-lịch, theo lịch ta là ngày sóc 朔, đặt làm ngày kỷ-niệm tổ-tiên, mỗi làng lập ra hội, cứ 6 giờ sáng, đàn ông cho chỉ trẻ con phải tắm gội cho sạch-sẽ, rồi góp nhau tùy-tâm ít nhiều đồng tiền, qui-hồ đủ số một vài bao nển, giã ba thẻ hương, rộng ra thì mua thêm cành hoa trái quả, gọi là có lễ mà thôi, chứ không nên dùng những xôi chè rượu thịt, mà ăn uống ở chỗ lễ-bái ấy, sinh ra phù-phí mà có khi lại ghen nhau; nếu có hoa quả lễ-phẩm gì, lễ xong thì cho người thu-từ ở đây là xong, không thời chước lệ mua quả-phẩm đi là tiện hơn cả.

« Khi tế-lễ thấp nhang thấp nển cho tử-tế, xong rồi cử một người chỉnh-đốn áo khăn vào lễ bốn lễ, làm lễ mật-khẩn tổ-tiên các gia-tộc, rồi lại lễ bốn lễ nữa lui ra; ai theo đây cũng phải lễ bốn lễ mà thôi, mọi người lễ xong rồi, người cử làm đại-lễ ấy lại vào vái bốn vái, rồi triệt hương-đăng là xong. Xong rồi ra ngoài ngồi bàn-định, đến 3 giờ chiều cơm nước xong rồi họp nhau ở sở nào tiện hơn, hoặc miếu hoặc chùa, hẹn đúng giờ ấy, bảo ban con cái nhà ai có chân hội lễ ấy đến cả nơi ấy mà nghe bài diễn-thuyết và bài giảng-giải.

« Bàn-định rồi trở về, ai còn muốn có lòng rủ nhau lễ các sở khác nữa tùy-tâm, không thời cũng được, hay là định tháng này lễ

sở này, tháng sau lễ sở khác cũng được.

« Đến 3 giờ chiều, những viên nào đã có lòng xướng-suất ra việc ấy, phải đúng giờ mà đến chỗ đã hẹn nhau lúc đi lễ sáng ngày, khi đến hội-hợp đồng-đủ, ai có thạo về khoa ngôn-luận, thì đại-khái tìm những sự-tích tự đời Hồng-bàng, cho đến Quốc-triều, lịch-đại anh-quân, hiền-phụ, kỳ-nhân, kỳ-sự, văn-vân, hoặc tìm những sự-tích thuộc về bản-phủ, huyện, tổng, đại-khái thế nào, nhất là giảng được những sự-tích làng mình sáng-lập tự đời nào, đức Thành-hoàng linh-tích làm sao, và lịch-đại những người danh-vọng lưu-truyền, hay là các họ khai-sáng ở làng, Giảng những điều ấy là chủ-nghĩa kỷ-niệm quốc-tổ, hương-tổ, gia-tổ.

Những bài giảng ấy, mỗi kỳ tìm một hai bài, giảng độ hơn một giờ mà thôi, người giảng nên xếp đặt câu truyện cho gọn-gàng, cần cho dễ nghe, xong rồi sẽ đem những mục-dịch văn-minh hiện-thời hoặc chương-trình của hội hay là nhật-báo nguyệt-báo cùng là các sách giải-thuyết cho công-chúng nghe, mà khuyến bảo dẫn-tấn nhau dần dần, cũng là cách truyền-bá cho chóng tấn-tới lắm đấy.

« 2o - Cách kỷ-niệm Khổng-giáo, Phật-giáo. Cách kỷ-niệm này thì cũng như trước, nhưng họp cả nam-phụ lão-ấu đều được dự lễ, mà làm ngày nghỉ phần xác, thì trọng-thê hơn. Cứ mỗi tháng âm-lịch ngày mười rằm là ngày vọng 望 làm lễ đức thánh Khổng với đức Phật, và nghỉ phần xác, ngày hôm ấy ai cũng nên nghỉ các công việc, trừ những người có việc quan hay là việc khẩn-cấp gì, và người không có lòng kỷ-niệm mà thôi. Nhưng không cần phải bách nhau, đều để cho tùy ý. Ngày hôm ấy sáng sớm, tắm gội cho sạch-sẽ, độ bốn giờ chiều, chỉnh-đốn áo-khăn, sắm đồ lễ cũng theo như cách-thức ngày mồng một, trước hết rủ nhau lễ-bái ở Văn-từ, v. v., xong rồi sẽ vào chùa, lễ bái Phật-tổ v. v., độ 5 giờ tại ở chùa hay là Văn-từ, tiện đâu thì hội ở đấy, rước hết diển-thuyết sự-tích về nho-học một hai bài về đường-luân-lý, rồi diển đến sự-tích Phật-giáo, sau rồi sẽ đến những cách-thức truyền-bá như ngày mồng một.

« Tôi thiết-tưởng ai đã biểu-đồng-tình với ý-kiến ấy, thời ở thành-phố, hay là nhà quê, cố gây dựng nên cho thành hội, đặt tên là hội kỷ-niệm, lập ra chương-trình, tuần

như bài đăng trong báo, phỏng được nhiều người thì phải xin phép, bằng một vài người nói miệng với nhau cũng là xong.

« Nhưng buổi nhất-sơ ai đã có lòng nghĩ đến thi sẽ rủ nhau, càng nhiều càng hay, không thi độ 5, 6 người cũng xong, lập ra chẳng tốn là mấy, cứ mỗi tháng 2 ngày, mồng một là công việc của nam-giới, kỷ-niệm các đấng gây dựng ra nước ta, làng ta, nhà ta, mười rằm là nhất-luật của nam-giới nữ-giới cho ngày ấy là ngày nghỉ phân xác, cho ngày ấy là rất trọng-thề, khiến cho nhân-quần thỉnh-thoảng được một ngày thanh-thời, mà nghe những câu chuyện hay, để in vào óc cho dễ.

« NGUYỄN XUÂN-RONG
ở làng Phúc-nhạc lai-cảo »

Giới - thiệu sách mới — Ông Vũ Đình-Long mới xuất-bản một quyển kịch *Tòa án lương-tâm*. chia ra có bốn hồi một cảnh. Ông thấy hiện-thời chưa ai lưu-tâm đến việc soạn-kịch theo lối mới, nên ông mới soạn ra bản này, ý ông là muốn thí-nghiệm cái tài soạn-kịch của ông, để giúp về sự cải-lương diễn-kịch. Nếu sự thí-nghiệm ấy mà được hoàn-toàn, thì chắc ông còn ra nhiều bản kịch hay hơn nữa. Bản kịch *Tòa án lương-tâm* này tuy là bản kịch thứ ba của ông, nhưng kể bi-kịch thì mới là bản thứ nhất, in ra cả thấy 88 trang, giá bán có 0 \$ 30.

— Ông Cử-nhân kiêm-giáo Lê Thuộc và ông Tú-tài trợ-giáo Nguyễn Hiệt-Chi mới xuất-bản quyển *Sách dạy chữ Hán theo phép mới*, để các trường sơ-đang tiểu-học dùng, trong có chia ra từng khóa, như là : bài dạy về lớp ấu-trĩ, bài dạy về lớp dự-bị cùng là bài dạy về lớp sơ-đẳng. Bài nào cũng có giải-nghĩa, khảo-nguyên và có dẫn cả những lời quán-thoại là những tiếng thường-dùng, để giảng cho học-trò biết những chữ đó hiệu-dụng như thế nào. Sách này cốt là giúp cho các thầy giáo dạy Hán-tự nhân đó mà suy-diễn phát-minh thêm ra, để dạy cho trẻ con dễ

hiều được những chữ Hán thông-thường, một là để bảo-tồn lấy luân-lý, hai là để tăng-bổ cho quốc-văn, ba là giúp cho việc nhật-dụng thường-hành như xem văn-khế văn-tự, chép sổ sách phổ-ký. Ấy học chữ Hán mà học được cách dễ hiểu dễ thông như thế, thì có ích là nhường nào !

Nước ta đương lúc thay cũ đổi mới này, lứa Hán-học đã co-hồ nguội lạnh-nhung còn may trong các lớp học trường Pháp - Việt hãy còn lưu một khóa dạy về Hán - tự, thế thì các thầy dạy chữ Hán phải nên tìm cách dạy cho dễ hiểu, bảo cho chóng thông, chớ không nên lấy cái thi-giờ dạy Hán-tự ấy làm cái thi-giờ qua-loa tắc-trách ; mà học, trò học chữ Hán cũng không nên lấy cái thi-giờ ấy làm cái thi-giờ chữ nghĩa bỏ ngoài tai. Vậy Bản-chí xin giới-thiệu cùng các thầy nên xem quyển *Sách dạy chữ Hán theo phép mới*.

Bạn đồng-nghiệp mới. — Bản - chí mới tiếp được tờ « Trung-Hòa nhất-báo » số đầu ra ngày 8 Septembre, là một tờ báo của Nhà Chung, chủ-nhiệm là một ông Linh-mục người Pháp ở Bắc-kỳ đã lâu năm. Xem như lời tuyên-bá thì tờ báo ấy cốt để giảng-câu chân-lý, tiến-hóa văn-minh, và thuyết-minh đạo-giáo để đón được lòng của nhiều người ao-ước. Về phần thời-sự tân-văn thì đã đoán trước rằng không đáng những tin gì lầm-nhầm, để làm cho hư mất trí-não của độc-giả. Nếu đạt được mục-dích ấy thì sẽ làm cho tay ai cầm cũng xứng, mắt ai xem cũng vừa, dứa con nít cũng như ông già, cô con gái cũng như bà chủ-phụ, người thiên-học cũng như người thông-minh, người Phật-giáo cũng như Thiên-chúa-giáo. Vậy Bản-chí có lời mừng bạn đồng-nghiệp mới mỗi ngày thêm khuếch-trương; nay mỗi chủ-nhật mới xuất-bản có hai kỳ : thứ tư và thứ bảy, giá bán một năm 3 \$ 00, nửa năm 1 \$ 80.

— Ông Bùi Thiện-Cẩn tri-phu Ninh-giang mới ấn-hành một quyển *Kim-Vân-Kiều chú-thích* là di-cảo của cụ cố Án-sát Bùi Khánh-Điện là tiên-nghiêm quan Phủ, làm ra đã lâu năm, mà chú-thích rất tường. Nội trong truyện *Kiều* hề có câu nào dùng đến điển-tích chữ Tàu, thì đều biên cả chữ nhỏ mà diễn nghĩa ra văn xuôi, và có dẫn cả các từ-khúc ở trong *Thanh-lâm tài-nhân* dịch ra quốc-âm, viết thêm vào các đoạn truyện có lược tự đến thơ ca từ-khúc, để cho người đọc được có hứng-vị thêm vui. Truyện *Kiều* chính là một kho quốc - văn vô-

tận của nước Nam nhà, điển tích rất là rộng-rãi, xưa nay ai đọc đến câu trong truyện *Kiều* cũng biết là hay, nhưng hồ-đề mấy ai đã hiểu hết được điển-tích, cho nên càng chú-thích tường thêm được bao nhiêu thì càng hay bấy nhiêu, vậy mà ông Bùi nay xuất-bản được quyển *Kim-Vân-Kiều - chú-thích* này, không những là truyền được cái sự-nghiệp đáng truyền của cụ cố, mà về việc khảo-cứu điển-cổ quốc-văn cũng có phần bổ-ích nhiều lắm. - Giá bán 0 \$ 60.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIÊN - ĐỨC »

Biên-bản kỷ hội-đồng quản-trị ngày 26 tháng 8 tây năm 1923 — Ngày chủ-nhật 26 tháng 8 tây năm 1923, đúng 3 giờ chiều, hội-đồng quản-trị hội Khai-trí có họp ở nhà Hội-quán để xét những việc kê trong chương-trình như sau này :

- 1o. — Bàn việc họp-nhất hội Bảo-anh với Ấu-trĩ-viên ;
- 2o. — Định ngày Đấu-xảo mỹ-nghệ và bàn việc Đấu-xảo ;
- 3o. — Trình về việc quản-lý nhà công-quán ;
- 4o. — Bàn lập một ban Canh-nông ;
- 5o. — Cử người vào hội-đồng làm tự-diễn ;
- 6o. — Việc linh-tinh.

Đến dự hội-đồng có những ông như sau này : Marty, Hoàng Trọng-Phu, Đặng Đức-Cường, Lê Trung-Ngọc, Nguyễn Tất-Tế, Chế Quang-Àn, Lê Thành-Ý, Trần Trọng-Kim, Đào Văn-Sử, Nguyễn Lễ, Nguyễn Thành, Từ Đạm, Lê Văn-Phúc, Nguyễn Văn-Vinh, Dương Bá-Trạc, Đào Huống-Mai, Phạm Huy-Lục, Phạm Quỳnh, Nguyễn Quý-Toản, Nguyễn Văn-Luận, Bùi Huy-Tín.

Quan Tissot là danh-dự - hội - trưởng cũng đến dự hội-đồng.

Ông Nguyễn Công-Tiểu đến giúp quan Lê Trung-Ngọc về việc ban Canh-nông.

Những hội-viên quản-trị sau này có giấy cáo : Mai Trung-Cát, Mai Du-Lân, Nguyễn Đình-Quy, Nguyễn Năng-Quốc.

Quan Hoàng Trọng-Phu làm chủ-toạ, ông Phạm Quỳnh và ông Nguyễn Quý-Toản làm thư-ký.

I. Về việc sáp-nhập hội Bảo-anh (*Société de Protection des enfants annamites*) với Ấu-trĩ-viên, quan Marty nói rằng hội Bảo-anh họp mới rồi có nhờ quan Hội-trưởng Hoàng và ngài bàn với hội Khai-trí ta về sự hợp hội ấy với Ấu-trĩ-viên, vì hai bên cùng một mục-dịch như nhau, là trông nom cho bọn con trẻ trong nước. Quan Marty kể rõ tình-hình hội Bảo-anh, hiện đã có một cái nhà đáng giá vạn bạc, và mỗi tháng được hai trăm bạc trợ-cấp của phủ Thống-sứ, hội cũng là thịnh-vượng, duy có những người chủ-trương phần nhiều là các quan Tây cả, khi ở bên này, khi về quê-quốc, sợ không thể chuyên-chủ việc hội được, không bằng kết-hợp với một hội đã vững-vàng và có thế-lực, thì được lợi cả hai đàng. Xét ra có hai cách kết-hợp như thế ; một là hội Khai-trí bảo- trợ hội Bảo-anh, hai là hội Bảo-anh sáp-nhập hẳn vào với hội Khai-trí. Theo cách trên thì hội Bảo-anh vẫn là hội Bảo-anh, duy phải thuộc quyền giam - đốc của Hội Khai-trí ; theo cách dưới thì hội Bảo-anh họp-nhất hẳn với

cuộc ấu-trĩ-viên của hội Khai-trí và bao nhiêu hội-viên hội Bảo-anh sẽ là hội-viên hội Khai-trí hết cả. Nay nên viết thư cho hội Bảo-anh nói rõ cho biết hai cách như thế, và hỏi xem thuận cách nào. Về phần hội-dồng Quản-trị hội Khai-trí thời bàn-bạc trong ít lâu rồi đều đồng-thanh ưng-thuận cách thứ hai là tiện hơn.

II.—Về việc định ngày Đấu-xảo mĩ-thuật của Hội. Quan Hội-trưởng hỏi ý hội-dồng nên định ngày nào mở cuộc Đấu-xảo, và cách sắp đặt thế nào. Hội-dồng bàn mở cuộc Đấu-xảo vào trước Hội-chợ Hà-nội một tuần-lễ, và định mở 15 hôm, vậy nhất-định vào ngày 25 Novembre đến 10 Décembre thì hết. Ngày mở đã quyết-định như thế, Hội-dồng ủy cho ông Lê Văn-Phúc là Thư-ký ban mĩ-thuật bàn với ban ấy sắp đặt thế nào cho đến thượng-tuần tháng Novembre mọi việc xong cả.—Đoạn rồi hội-dồng bàn có nên lấy tiền người vào xem không? Xét ra cuộc Đấu-xảo này là không phải để cho cả thiên-hạ vào xem, cũng nên có hạn-chế. Vậy định người nào xem phải trả hai hào, bất-cứ người trong Hội hay người ngoài Hội, người An-Nam hay người Tây. Quan Tissot và Marty lại bàn trong khi Đấu-xảo nên mở cuộc hòa-nhạc, cuộc du-hí trong vườn Hội, để cho người Tây vào xem, định giá chừng một đồng một người, để lấy tiền thêm vào cuộc Ấu-trĩ-viên.—Hội-dồng cử thêm ba ông Đỗ Thận, Dương Bá-Trạc và Phạm-Huy-Lục làm hội-viên Hội-dồng tổ-chức cuộc Đấu-xảo (tức là ban mĩ-thuật). Ba ông ấy chỉ chuyên về việc cõ-dộng cuộc Đấu-xảo trong các báo-trương.—Hội-dồng định làm một tờ yết-thị giản-dị, giao ông Lê Văn-Phúc nghĩ kiểu.—Lại định làm một cái bằng để thưởng những người trúng giải.

III.—Quan Lê Trung-Ngọc là Chánh-Hội-dồng nhà Xéc trình về cách quản-lý mới trong nhà Xéc. Nguyên bắt đầu từ tháng bảy tây, nhà Xéc có cho người

lĩnh trung mới, nên quan Lê bày rõ cho Hội-dồng biết sự lợi hại, nói rằng theo như cách trước, nghĩa là hội nuôi bồi và quản-lý lấy thì tháng nào cũng lỗ về tiền đều tiền quạt, mà theo cách mới thì tuy không được lãi gì mấy nhưng cũng hòa cả, không đến nỗi thiệt. Quan Lê có làm một tờ trình kê các số-mục rất tường. Hội-dồng thuận đề theo cách quản-lý mới và ủy-quyền quan Thượng Lê tùy-nghi sắp đặt.

IV.—Quan Thượng Lê bàn lập một ban Canh-nông mục-dích là khuyến-khích nhà nông và khởi-xương lập những hội Nông-nghiệp-tương-tế như ở Nam-kỳ. Ông Nguyễn Công-Tiểu đọc một bản dự-thảo chương-trình và điều-lệ của ban Canh-nông. Quan Tissot nói rằng cái chủ-ý lập ban Canh-nông là hay lắm, nhưng e rằng Hội Khai-trí không đủ sức mà kiêm cả việc Canh-nông nữa. Ngài khuyến quan Thượng Lê nên đem việc này trình với quan Thống-sứ Bắc-kỳ, nhờ Chính-phủ giúp cho lập Hội Nông-nghiệp-Tương-tế thì có lẽ còn đặc-lực hơn là nhờ một Hội Khai-trí. Quan Marty cũng đồng-ý ấy. Sau hội-dồng định hăng hoàn việc lập ban Canh-nông và đổi ra một ban nghiên-cứu về các vấn-đề kính-tế, cử quan Thượng Lê chủ-trương ban ấy.

V.—Ông Phạm Quỳnh trình hội-dồng về việc làm tự-diễn, nói rằng cuộc điều-tra tục-ngữ phương-ngôn các nơi gửi về chậm lắm, nếu đợi cho điều-tra được kỹ mới khởi-công làm thì không biết đến bao giờ, vậy xin Hội-dồng, Quản-trị cho phép khởi-hành ngay, hăng bắt đầu lấy hai quyền Tự-diễn GÉNÉBREL và PAULUS CỦA làm gốc, tãng-bỏ chính-định lại, rồi khi nào điều-tra xong sẽ thêm vào sau Hội-dồng ưng-thuận và cử 10 ông đề chuyên về việc làm tự-diễn: Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn-Vĩnh, Trần Trọng-Kim, Bùi Kỷ, Đỗ Thận, Nguyễn Văn-Luân, Phạm Huy-Lục

Dương-Bá Trạc, Nguyễn Hữu-Tiến, Nguyễn Đôn-Phục. Mấy ông ấy sẽ họp nhau lại mà định cách-thức, chia công việc làm thế nào là tiện. Hoặc cần phải hỏi - han đến những bậc lão - nho túc-học trong nước, thời được quyền thay mặt Hội mời các bậc ấy làm chức cố-vấn.

VI.—Hội có nhận được thư của hội Nhã-hoa xin sáp-nhập vào Hội làm một ban âm-nhạc. Xét ra hội Nhã-hoa có nhiều những tay tài-tử sành về nghề đàn, cả hội đồng ưng-thuận cho hội ấy sáp nhập vào hội ta.

Bây giờ tối hội - đồng tan.

Chánh Hội-trưởng
HOÀNG TỌNG-PHÚ

Tổng Thư ký

PHẠM QUỲNH

Tiệc tháng ngày 26 tháng 8 tây.

— Tiệc tháng ngày 26 tháng 8 được ngót 80 người dự tiệc, vui-vẻ lắm.

Tiệc xong có hòa-nhạc và chớp ảnh ngoài sân. Cuộc hòa - nhạc thì do các ông hội-viên hội Nhã-hoa giúp, có ông Thận-đức Nguyễn Hữu-Quát đánh cây đàn Thận-đức của ông chế ra, cử-tọa đều lấy làm ngợi-khen. Chớp bóng thời phủ Toàn-quyền có cho mượn cái phim đèn « Đế-thiên Đế-thích » (Angkor) đẹp lắm. Hội đã xây một cái nhà hình cây bương để đặt máy chớp-ảnh ở giữa sân.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông như sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong hội-viên có ai dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

A. — Xin vào chân lán-trợ

1. — Ông Võ Văn - Tâm, điền - chủ ở Long-an, tổng Bình-long, tỉnh Vĩnh-long, Nam-kỳ. — Đã gửi cho ông Chánh Thủ-quĩ 100 đồng để quyền vào Hội.

B. — Xin vào chân chủ-tri

2. — Ông Bửu Vi, secrétaire des Travaux Publics, Hanoi.

3. — Đỗ Tất-Đạt, 32. Rue de la Citadelle, Hanoi. (Do ông Trương Thúc - San giới-thiệu)

4. — Mai Đăng-Đệ, cử-nhân, ở làng Trảng-lũ, huyện Phú-dục, tỉnh Thái-bình, hiện làm ở « Thực - nghiệp dân-báo », Hà-nội.

5. — Ngô Thế-Sủng, cử-phẩm-văn-giai, giữ việc vận-tải than kềm tại bể Ninh-định, thuộc về Phủ Đa - phúc (trước đã có chân thường-hội-viên).

6 — Nguyễn Hữu-Nhuận, 22, Rue du Lac, Hà-nội (Do ông Trương Thúc-San giới-thiệu)

7. — Phạm - Cửu, tổng - đoàn, làng Phục - lễ, tổng Phục - lễ, huyện Thủy-nguyên, tỉnh Kiến-an (Do ông Trần Văn-Có giới-thiệu).

8. — Phạm Văn-Lộc, secrétaire télégraphiste, 13 Rue Neyret, Hanoi (Do ông Trần-đức-Tiến giới-thiệu).

9. — Vũ Linh-Chiều, Hàn-lâm điền-tịch, làng Tây-lạc, Tổng Sa-lung, huyện Nam-trực, Nam-định.

10 — Vũ Hữu-Dụng, cựu lý-trưởng làng Ngọc - táo, tổng Phụng - thượng, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây (Do ông Trần-Văn Có giới-thiệu).

C. — Xin vào thường-hội-viên

11. — Đào Tiến-Tường, buôn-bán ở phố hàng Giấy số 14 (nhà ở phố Hồ Hữu-Vị số 34, Hà-nội).

Xin từ-chức. — Ông Đỗ Huy-Oanh, thư-ký sở Thương-chánh, chủ-tri hội-viên xin từ-chức hội-viên kể từ ngày 31 Aout 1923.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 72 (Juin 1923), nay hết hạn hai tháng, không ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1 tháng 9 (tây năm 1923 :

Vào chân chủ-trì

Ông Đào Văn - Bình — Hoàng Văn-Nghi — Lê Trọng-Trạc — Nguyễn Công-Tiến — Nguyễn Đình - Linh — Nguyễn Đức - Nhuận — Nguyễn Huy - Phúc — Nguyễn Ngọc - Lan — Nguyễn Ngọc-Thành — Nguyễn Như-Ngọc — Nguyễn Văn-Dzung — Nguyễn Văn-Minh — Trần Bá-Gi — Trần Nguyên-Anh. (*Cả thấy 17 ông*).

Quyên vào Ấu-trì-viên. — Cô Ngô Thị-Quyên đã ba tháng nay có gửi cho ông Phạm Quỳnh 20\$ nhờ làm một cái hoành cúng vào ấu-trì-viên. Cô Ngô không cho biết rõ ở, nên ông Phạm đã đăng báo để cô biết rằng việc làm hoành không tiện, từ bấy đến nay cũng không thấy cô cho người đến lấy tiền lại. Vậy món tiền ấy ông Phạm đã nộp ông Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc làm tiền của cô Ngô quyên vào ấu-trì-viên.

Cô Ngô lại gửi cho ông Phạm Quỳnh bốn cái vé đánh số của Hội *Société de Protection des enfants mérités* số 10875, 10876, 10877, 10878. Bốn vé ấy cũng nộp vào ấu-trì-viên đứng tên cô Ngô quyên cho ấu-trì.

Việc làm Tự-diễn. — Hội-đồng làm Tự-diễn đã họp lần thứ nhất sáng ngày chủ-nhật mồng 9 tây tháng 9. Có ông Phạm Quỳnh, Nguyễn-Văn-Vinh, Trần-Trọng-Kim, Dương Bá-Trạc, Đỗ Thận, Phạm Huy Lạc, Nguyễn-Văn-Luân, Nguyễn Hữu-Tiến, Nguyễn Đôn-Phục đến dự hội-đồng, ông Bùi Kỳ có giấy kiếu. — Ông Nguyễn Bá-Trạc, tá lý Bộ Học, ra chơi Hà-nội

cũng có dự hội-đồng. — Hội-đồng đã bắt đầu làm chữ A, lấy hai quyển Tự-diễn GÉNIBREL và PAULUS của làm gốc, chỉnh-dính và tăng-bổ lại. Hiện đã cho đánh máy mấy trang đầu hai quyển ấy, giao mỗi ông một bản, để tùy-ý sửa đổi hoặc thích-nghĩa lại, hoặc sắp-dặt lại, hoặc thêm hoặc bớt, rồi kỳ hội-đồng sau sẽ cùng đem ra bàn mà quyết-định. Mỗi tháng định họp 2 kỳ, và làm chừng 50, 60 tiếng. — Nhất-diện thời Hội-đồng chỉnh - chính lại hai quyển Tự-diễn GÉNIBREL và PAULUS của, còn nhất-diện thời đùng hai người làm để biên những câu tục-ngữ phương-ngôn của các nơi gửi lại và trích những chữ trong các tuyên-nôm vào các mảnh giấy, mỗi văn một mảnh (tính ra ngót 8 nghìn mảnh). Bao giờ biên được nhiều thời đem những câu ấy thêm vào các câu thí dụ.

Ông Nguyễn Bá-Trạc nói rằng ông về Kinh sẽ bàn với Bộ Học cũng đặt một Hội-đồng để khi nào ngoài này làm xong một chữ A sẽ gửi vào trong ấy xem lại và thêm những tiếng riêng của Trung-kỳ.

Việc điều-tra quốc-âm. — Trong tháng mới rồi mới nhận được tỉnh Hà-đông gửi cho mấy tập tục-ngữ ca-dao của phủ Mĩ-đức, phủ Ứng-hòa, phủ Thường - tín, huyện Chương-mĩ, Thanh-oai, Phú-xuyên, Đan-phượng. Lại tiếp được một tập « Việt-Nam ca-thoại » của ông NGUYỄN DUY-NGUNG ở làng Viên-nội tỉnh Hà-đông, ca-giao tục-thoại cả thấy hơn 3000 câu, biên-tập theo vần A B, đã kỹ-lưỡng lắm ; hai tập « Giúp cuộc điều-tra quốc-âm H. K. T. » của ông giáo VŨ ĐÌNH - LONG bảo học-trò lớp nhất trường Pháp - Việt Hà -đông nhất, chia ra phương - ngôn; câu hát, nói lái, nói lóng, tiếng các nghề, cũng đã tường lắm. — Ông NGUYỄN NHƯ - NGỌC, ký-lục tòa án Nam - định, có gửi cho một bản thảo tự-diễn về chữ A, cũng giúp cho việc làm tự-diễn được nhiều lắm. — Nếu tháng nào cũng nhận được nhiều tài-liệu như thế, thì việc làm tự-diễn chắc là được dễ dàng và mau hơn. Xin các ngài hội-viên Hội Khai-trí, các bạn đọc báo *Nam-Phong*, cùng những bậc kiến-thức trong nước có bụng với quốc-văn, đều gia-công giúp việc sưu-tập tài-liệu ấy, vì việc này phải nhờ đến cả quốc-dân, không phải một người hay một Hội làm được — Hội Khai-trí đầu năm nay đã gửi giấy nhờ các quan tỉnh giúp cho việc điều-tra

quốc-âm, nhưng tới nay mới có hai tỉnh Hà-đông và Bắc-giang gửi về, nên ngày 11 tháng 8 tây vừa rồi, lại phải gửi giấy nhắc lại các quan như sau này :

« Độ đầu năm Bản-hội có kính gửi giấy đạt nhờ ngài làm ơn giúp cho việc điều-tra tục-ngữ ca-đạo trong qui-tính.

« Từ bấy đến nay chưa tiếp được gì. Vậy xin có lời nhắc ngài về việc ấy.

« Bản-hội định lập một Hội-đồng để làm bộ « Việt-hoa tự-điền » là bộ sách cần ngày nay. Trước khi khởi-công làm phải sưu-tập được nhiều những phương-ngôn tục-ngữ, lý-hạng, ca-đạo, cùng những lối nói thông-thường trong dân-gian để làm tài-liệu. Việc sưu-tập ấy, tất phải nhờ đến thế-lực của các quan đầu tỉnh thời mới rộng và khắp được.

« Xin ngài xét trong các quan về hàng giáo-chức cũ, các quan đã về hưu, hay là các bậc nho-sĩ trong hàng tỉnh, mỗi hạt chọn lấy một vài ông sành về văn nôm tiếng nôm mà cử riêng việc điều-tra ấy, thì chắc là đắc-lực lắm.

« Thể thức việc điều-tra ấy thế nào, trong tờ đạt trước Bản-hội đã nói rõ, nay lại xin sao-lục lại phòng bản trước có thất-lạc đi chăng.

« Đại-đề thời phạm các lối nói trong dân-gian, bất-cứ là câu hát, câu vi, nói bóng, nói lóng, cùng những tiếng nói riêng của thợ cấy, thợ mộc, thợ dệt, thợ mang, v. v., có quan-hệ, có hồ-ích cho quốc-âm, đều nên nhặt cả.

« Việc này là việc công-ích, Bản-hội mong rằng các ngài sẽ hết sức giúp và xin có lời cảm ơn ngài trước. »

Cuộc đấu-xảo của hội Khai-tri tiến-đức tại Hanoi. Mở từ ngày 25 Novembre đến ngày 10 Décembre 1923. — Xưa nay các nhà mỹ-nghệ hình như cho cuộc đấu-xảo là một trường đề bày các đồ

hàng chiêu khách, cho nên ta đã thường trông thấy nhiều đồ đã đem đấu-xảo bốn năm lần hay là những món hàng hàng ngày bày trong chợ, hay bày trên giá hàng trong phố. Như vậy thì sao gọi là đấu-xảo được ?

Hội Khai-tri Tiến-đức đặt ra cuộc đấu-xảo này cốt-y duy-trì lấy cái tính đặc-biệt một cuộc thi khéo đề chần-hung mỹ-nghệ, như bên Pháp có cuộc thi gọi là « Salon », cho nên bản-hội đã định chỉ nhận vào cuộc thi ấy các đồ-đạc thật khéo mà mẫu-mực đều-đặn vừa được thích-thời vừa được đắc-dụng ; còn những đồ tạp-nhập kiểu nọ lẫn kiểu kia, làm không dụng công thì quyết-niên bản-hội không nhận. Vậy các nhà muốn dự cuộc đấu-xảo này xin chú ý cho, mà phát-miêu ra nhiều kiểu mới, vừa đẹp vừa tiện-lợi, mà lại chau-chuốt kỹ-càng, đem đến thi thì bản-hội sẽ hoan-nghehnh lắm.

Cuộc đấu-xảo này chia làm hai ban : một ban thi toàn đồ cổ ; một ban thi toàn đồ tân-tạo, hoặc đồ vẽ, đồ sơn, thêu, dệt, chạm, khảm, sứ, sành, v. v..

Ai có đồ-đạc muốn đem đến đấu-xảo, nếu chưa viết thư cho bản-hội biết, thì nên viết thư ngay cho M. Hiéroltz, đốc-học trường Mỹ-nghệ, hay là cho ông Lê Văn-Phúc, chủ nhà in phố hàng Gai số 80, trước ngày 25 Septemb्रे này, vì từ ngày 28 Septemb्रे tới ngày 1er Octob्रे, bản-hội có cử mấy ông đến các nhà đã viết thư để xem xét một lần đầu đề lựa các đồ-đạc muốn cho dự-thi.

Còn ngày nhận đồ đem lại đấu-xảo thì mới định là ngày 25 Novembre, 1923.

Cáo-bạch. — Ông Lê-Mai ở Sài-gòn có lòng từ-thiện quyn vào Ấu-Trĩ-Viên 100 cuốn sách của ông soạn, nhan đề là « Bài ca cất-lương », giá mỗi cuốn 0\$30. Bản-hội xin có lời cảm ơn ông, và giới-thiệu cùng chư-quân-tử. Ngài nào mua sách ấy tức cũng là giúp cho Ấu-Trĩ-Viên vậy.

Sách đã gửi bán tại nhà-in ông Lê-văn-Phúc, 80-82 Rue du Chanvre Hanoi.

Ở các nơi xa, xin gửi thêm 0\$08 tiền cước.